

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2008

TRỊNH ANH DUYÊN

**LUẬN VĂN THẠC SĨ
CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH**

Hải Phòng - 2017

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

TRỊNH ANH DUYÊN

ĐẨY MẠNH THỰC HIỆN HẢI QUAN ĐIỆN TỬ
TRONG THÔNG QUAN HÀNG HÓA XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU
TẠI CỤC HẢI QUAN HẢI PHÒNG

LUẬN VĂN THẠC SĨ
NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

CHUYÊN NGÀNH: QUẢN TRỊ KINH DOANH

MÃ SỐ: 60 34 01 02

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

TS. Nguyễn Văn Nghiên

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi, các kết quả nghiên cứu được trình bày trong luận văn là trung thực, khách quan và chưa từng dùng bảo vệ để lấy bất kỳ học vị nào.

Tôi cũng xin cam kết chắc chắn rằng, mọi sự giúp đỡ cho việc thực hiện luận văn đã được cảm ơn, các thông tin trích dẫn trong luận văn đều được chỉ rõ nguồn gốc, bản luận văn này là nỗ lực, kết quả làm việc của cá nhân tôi.

Hải Phòng, ngày tháng năm 2018

Tác giả luận văn

Trịnh Anh Duyên

LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành luận văn này, tôi xin chân thành cảm ơn tới Ban Giám hiệu Trường đại học Dân Lập Hải Phòng, cảm ơn các thầy, cô giáo đã truyền đạt cho tôi những kiến thức quý báu trong suốt quá trình học tập và nghiên cứu.

Nhận dịp này, tôi xin chân thành cảm ơn TS Nguyễn Văn Nghiền người đã dành nhiều thời gian, tạo điều kiện thuận lợi, hướng dẫn về phương pháp khoa học và cách thức thực hiện các nội dung của đề tài này.

Tôi xin chân thành cảm ơn Lãnh đạo Cục Hải quan thành phố Hải Phòng, đã cung cấp thông tin, và nhiệt tình giúp đỡ cho quá trình nghiên cứu và hoàn thiện đề tài.

Trong quá trình nghiên cứu, mặc dù đã cố gắng để hoàn thành luận văn, tham khảo nhiều tài liệu, trao đổi và tiếp thu nhiều ý kiến của thầy, cô và bạn bè đồng môn, song do điều kiện, thời gian và khả năng còn hạn chế nên khó tránh khỏi những thiếu sót. Vì vậy, tôi mong nhận được sự quan tâm, đóng góp ý kiến của các thầy, cô giáo và các bạn để luận văn được hoàn thiện hơn.

Hải Phòng, ngày tháng năm 2018

Tác giả luận văn

Trịnh Anh Duyên

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN	1
LỜI CẢM ƠN	iii
MỤC LỤC.....	iv
DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT	vii
DANH MỤC BẢNG BIỂU, HÌNH VẼ.....	viii
PHẦN MỞ ĐẦU.....	1
1. Tính cấp thiết của đề tài.....	1
2. Mục tiêu nghiên cứu	2
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	3
3.1. Đối tượng nghiên cứu	3
3.2. Phạm vi nghiên cứu	3
4. Phương pháp nghiên cứu	3
5. Dự kiến đóng góp của luận văn.....	3
6. Kết cấu của luận văn.....	4
CHƯƠNG I: CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ HẢI QUAN ĐIỆN TỬ TRONG THÔNG QUAN HÀNG HÓA XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU.....	5
1.1 Khái niệm và sự cần thiết của việc ứng dụng hải quan điện tử trong thông quan hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	5
1.1.1 Khái niệm.....	5
1.1.2. Sự cần thiết của việc ứng dụng hải quan điện tử trong thông quan hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	8
1.2. Nội dung ứng dụng hải quan điện tử trong thông quan hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.....	9
1.3. Những tác động của việc ứng dụng hải quan điện tử trong thông quan hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	14
1.3.1. Đối với doanh nghiệp	14
1.3.2. Đối với cơ quan hải quan.....	15

1.4. Khái niệm về chuẩn mực hải quan hiện đại và điều kiện áp dụng chuẩn mực hải quan hiện đại trong thực hiện thủ tục hải quan điện tử.....	17
1.4.1. Khái niệm chuẩn mực hải quan hiện đại.....	17
1.4.2. Điều kiện áp dụng chuẩn mực hải quan hiện đại trong thực hiện thủ tục hải quan điện tử.....	22
1.5. Các yếu tố tác động đến áp dụng thủ tục hải quan điện tử theo các chuẩn mực hải quan hiện đại.....	23
1.5.1. Nhóm yếu tố bên ngoài.....	23
1.5.2. Nhóm yếu tố bên trong (thuộc về cơ quan hải quan).....	26
1.6. Kinh nghiệm thực hiện thủ tục hải quan điện tử của một số nước trên thế giới.....	28
1.6.1. Công tác ứng dụng thủ tục hải quan điện tử của Hải quan Singapore	28
1.6.2. Hệ thống thông quan NACCS của Hải quan Nhật Bản.....	31
1.6.3. Các ứng dụng tự động hóa của hải quan Thái Lan.....	32
Kết luận Chương 1.....	37
CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG THỰC HIỆN HẢI QUAN ĐIỆN TỬ TRONG THÔNG QUAN HÀNG HÓA XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU TẠI CỤC HẢI QUAN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG.....	38
2.1. Giới thiệu về Cục Hải quan thành phố Hải Phòng.....	38
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển.....	38
2.1.2. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn.....	39
2.1.3. Tình hình nhân sự và cơ cấu tổ chức.....	42
2.1.4. Một số kết quả hoạt động của Cục Hải quan thành phố Hải Phòng.....	44
2.2. Thực trạng thực hiện hải quan điện tử trong thông quan hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại Cục Hải quan thành phố Hải Phòng.	44
2.2.1. Sơ lược quá trình hình thành thủ tục hải quan điện tử tại Việt Nam.....	44
2.2.2. Cơ sở pháp lý cho việc áp dụng thủ tục hải quan điện tử tại Việt Nam..	48
2.2.3. Quá trình thực hiện thủ tục hải quan điện tử trong thông quan hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại Cục Hải quan thành phố Hải Phòng.....	49

2.2.4. Kết quả thực hiện thủ tục hải quan điện tử tại Cục Hải quan thành phố Hải Phòng	52
2.3. Đánh giá kết quả thực hiện thủ tục hải quan điện tử trong thông quan hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại Cục Hải quan TP Hải Phòng	56
2.3.1. Những ưu điểm	56
2.3.2. Những nhược điểm, hạn chế còn tồn tại và nguyên nhân.....	59
Kết luận Chương 2.....	62
CHƯƠNG III: GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH THỰC HIỆN HẢI QUAN ĐIỆN TỬ TRONG THÔNG QUAN HÀNG HÓA XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU TẠI CỤC HẢI QUAN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG	63
3.1 Định hướng phát triển trong thực hiện thủ tục hải quan điện tử trong thông quan hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của Cục Hải quan Hải Phòng giai đoạn 2015 – 2020	63
3.1.1. Định hướng	63
3.1.2. Mục tiêu	66
3.2. Giải pháp đẩy mạnh việc thực hiện thủ tục hải quan điện tử trong thông quan hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại Cục Hải quan thành phố Hải Phòng	66
3.2.1. Phát triển hạ tầng viễn thông - ứng dụng công nghệ công tin đáp ứng yêu cầu thực hiện thủ tục hải quan điện tử theo chuẩn mực hải quan hiện đại	66
3.2.2. Đẩy mạnh kết nối, trao đổi với các ngân hàng trong thanh toán điện tử.....	70
3.2.3. Tiếp tục triển khai các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin vào tất cả các mặt công tác nghiệp vụ của ngành.....	71
3.2.4. Biện pháp xây dựng và phát triển nguồn nhân lực	72
3.3. Một số kiến nghị.....	75
3.3.1. Đối với cơ quan quản lý Nhà nước.....	75
3.3.2. Đối với ngành Hải quan.....	78
3.3.3. Đối với các doanh nghiệp	79
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	82

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Giải thích
CNTT	Công nghệ thông tin
HQĐT	Hải quan điện tử
HS	Hồ sơ
QLRR	Quản lý rủi ro
XNK	Bảo hiểm y tế
WTO	Tổ chức thương mại thế giới
WCO	Tổ chức Hải quan thế giới

DANH MỤC BẢNG BIỂU, HÌNH VẼ

Số hiệu	Tên bảng	Trang
Bảng 1.1	Một số tiêu chí đánh giá mức độ áp dụng các chuẩn mực HQĐT trong thực hiện thủ tục HQĐT	20
Bảng 2.1	Tình hình nhân sự tại Cục Hải quan Thành phố Hải Phòng	42
Bảng 2.2	Một số kết quả hoạt động của Cục Hải quan TP. Hải Phòng trong giai đoạn (2014 – 2016)	44
Bảng 2.3	Tình hình thực hiện thủ tục Hải quan trong (2012 – 2016)	53
Bảng 2.4	Kết quả kinh doanh hàng hóa xuất nhập khẩu tại Cục Hải quan TP. Hải Phòng trong năm 2012-2016	55
Bảng 2.5	Thống kê thời gian trung bình thực hiện thủ tục hải quan để thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu năm 2015	57
Hình 2.1	Mô hình tổ chức Cục Hải quan Thành phố Hải Phòng	43

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Ngày 11/01/2007, Việt Nam chính thức gia nhập thành viên thứ 150 của Tổ chức thương mại thế giới (WTO), đó là ngày đánh dấu mốc quan trọng trong việc hội nhập kinh tế quốc tế của đất nước được thể hiện thông qua các hiệp định song phương và đa phương về thương mại quốc tế mà Chính phủ Việt Nam đã kí kết với các nước trên thế giới và tổ chức hải quan thế giới (WCO). Trong bối cảnh hội nhập kinh tế thế giới và sự phát triển nhanh của nền kinh tế thì nhiệm vụ của ngành Hải quan Việt Nam càng ngày càng trở nên phức tạp như các vấn đề liên quan đến hàng rào kỹ thuật, buôn lậu, gian lận thương mại,... Đứng trước nhiệm vụ khó khăn và thách thức đó, yêu cầu cải cách thủ tục hành chính, hiện đại hóa hải quan trở nên cấp bách hơn bao giờ hết. Và thực tế, qua nhiều năm nay cải cách thủ tục hành chính và hiện đại hóa hải quan luôn là nhiệm vụ hàng đầu của ngành hải quan Việt Nam.

Triển khai ứng dụng hải quan điện tử (HQĐT) là một trong những chiến lược cải cách và hiện đại hóa hải quan. Thủ tục HQĐT giúp ngành Hải quan chuyển từ quản lý giao dịch trực tiếp sang giao dịch gián tiếp; từ xử lý thủ công trên giấy tờ sang xử lý trên máy tính, công tác lưu trữ hồ sơ giấy giảm đáng kể, tiết kiệm chi phí. Mặt khác, thủ tục HQĐT được thực hiện trên nền tảng quản lý rủi ro, kiểm tra trọng tâm, trọng điểm nên tập trung được nhiều nguồn lực vào các trường hợp nghi ngờ có gian lận thương mại, vận chuyển hàng cấm, hàng lậu...

Đối với doanh nghiệp, áp dụng thủ tục HQĐT sẽ tiết kiệm đáng kể thời gian, chi phí giao dịch. Qua đó doanh nghiệp nâng cao tính cạnh tranh, giảm giá thành sản phẩm. Việc thực hiện thủ tục HQĐT cũng góp phần quan trọng hình thành môi trường thương mại điện tử; thúc đẩy các thành phần kinh tế tham gia cùng Chính phủ xây dựng và cung cấp các dịch vụ gia tăng về thương mại điện tử. Thủ tục HQĐT tạo động lực cho các cơ quan bộ, ngành đẩy nhanh tốc độ cải cách hiện đại hóa, điện tử hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý, góp phần thực hiện mục tiêu hiện đại hóa chung của đất nước.

Thủ tục HQĐT khẳng định sự ưu việt của phương pháp quản lý mới hiện đại,

đủ sức thay thế một cách thuyết phục phương pháp quản lý truyền thống, là tiền đề để các cơ quan, tổ chức thuộc mọi thành phần học hỏi và mạnh dạn đổi mới, nâng cao trình độ của Việt Nam so với các nước trong khu vực và trên thế giới.

Tuy nhiên, trên thực tế việc triển khai thủ tục HQĐT tại Cục Hải quan thành phố Hải Phòng vẫn tồn tại một số khó khăn, hạn chế cần được khắc phục nhằm đáp ứng yêu cầu đặt ra trong giai đoạn mới.

Xuất phát từ tầm quan trọng và thực tế khách quan của việc thực hiện thủ tục HQĐT tại Cục Hải quan Hải Phòng nên tác giả chọn vấn đề **“Đẩy mạnh thực hiện hải quan điện tử trong thông quan hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại Cục Hải quan Hải Phòng”** làm đề tài luận văn thạc sỹ kinh tế. Mục tiêu chính của đề tài này là nêu rõ thực trạng, những thuận lợi, khó khăn, các tồn tại, vướng mắc và đưa ra một số giải pháp hoàn thiện nhằm nâng cao hiệu quả của HQĐT nhằm đáp ứng với tình hình thực tiễn công tác của Cục Hải quan Hải Phòng, từ đó giảm bớt áp lực công việc, đảm bảo cân bằng giữa tạo thuận lợi thương mại với kiểm soát chặt chẽ tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Trên cơ sở nghiên cứu một cách khoa học về triển khai thực hiện thủ tục HQĐT trong thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu, luận văn hướng đến những mục tiêu cụ thể sau:

- Về lý luận: Đề tài góp phần làm rõ hơn nhận thức, lý luận, cơ sở pháp lý của thủ tục HQĐT, làm rõ những khác biệt về thủ tục hải quan theo phương thức thủ công và thủ tục HQĐT, nghiên cứu kinh nghiệm thực hiện thủ tục HQĐT của một số nước.

- Về thực tiễn: Đánh giá thực trạng của việc thực hiện thủ tục HQĐT đối với hàng hóa xuất nhập khẩu tại Cục Hải quan Hải Phòng trong thời gian qua, chỉ ra những kết quả đạt được, khó khăn vướng mắc và nguyên nhân cần khắc phục.

- Trên cơ sở phân tích, đánh giá, luận văn đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện thủ tục HQĐT đối với hàng hóa xuất nhập khẩu tại Cục Hải quan Hải Phòng và Việt Nam trong những năm tới và đưa ra những kiến nghị cần thiết để thực hiện giải pháp đó.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Các văn bản quy phạm pháp luật, các tài liệu liên quan đến thủ tục HQĐT. Công tác ứng dụng, triển khai thực hiện thủ tục HQĐT tại Cục Hải quan Hải Phòng.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Đề tài tập trung nghiên cứu thực trạng quy định của pháp luật về thủ tục HQĐT và thực trạng thực hiện thủ tục HQĐT tại Cục Hải quan Hải Phòng giai đoạn 2012-2016, trên cơ sở đó nghiên cứu đưa ra các giải pháp để nâng cao hiệu quả hoạt động thủ tục HQĐT trong thời gian tới.

4. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp duy vật biện chứng và duy vật lịch sử: Vận dụng phương pháp duy vật biện chứng và duy vật lịch sử để trình bày các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến thủ tục HQĐT. Xem xét đối tượng và nội dung nghiên cứu theo quan điểm toàn diện, phát triển và hệ thống

- Phương pháp thu thập số liệu: Số liệu thứ cấp cần thiết phục vụ cho đề tài được thu thập từ nguồn: Cục Hải quan Hải Phòng.

- Phương pháp tổng hợp và phân tích: Luận văn sử dụng hệ thống các phương pháp thống kê kinh tế, tổng hợp và phân tích số liệu.

- Tổng hợp số liệu: Dùng phương pháp phân tổ để hệ thống hoá các số liệu thu thập được phù hợp với mục đích nghiên cứu của đề tài.

- Phân tích số liệu: Vận dụng các phương pháp phân tích thống kê kinh tế, tổng hợp và phân tích các số liệu thu thập được.

5. Dự kiến đóng góp của luận văn

Luận văn góp phần làm rõ hơn nhận thức, lý luận, cơ sở pháp lý của thủ tục HQĐT.

Phân tích thực trạng, từ đó đề ra những giải pháp cụ thể khả thi nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện thủ tục HQĐT trong thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu tại Cục Hải quan Hải Phòng trong thời gian tới.

6. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, mục lục, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và các phụ lục, luận văn được cấu trúc bao gồm 3 chương:

- Chương I: Cơ sở lý luận chung về hải quan điện tử trong thông quan hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu

- Chương II: Thực trạng thực hiện thủ tục hải quan điện tử trong thông quan hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại Cục Hải quan Hải Phòng.

- Chương III: Giải pháp hoàn thiện thực hiện thủ tục hải quan điện tử trong thông quan hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại Cục Hải quan Hải Phòng.

CHƯƠNG I: CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ HẢI QUAN ĐIỆN TỬ TRONG THÔNG QUAN HÀNG HÓA XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU

1.1 Khái niệm và sự cần thiết của việc ứng dụng hải quan điện tử trong thông quan hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu

1.1.1 Khái niệm

Theo quy định tại Điều 4 Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23/6/2014: Thông quan là việc hoàn thành các thủ tục hải quan để hàng hóa được nhập khẩu, xuất khẩu hoặc đặt dưới chế độ quản lý nghiệp vụ hải quan khác.

Để có thể hiểu tổng quát về việc thông quan hàng hóa, chúng ta cần hiểu về thủ tục hải quan.

Theo công ước Kyoto sửa đổi và bổ sung một số điều về đơn giản và hài hòa hóa thủ tục hải quan thì định nghĩa thủ tục hải quan như sau: “Thủ tục hải quan là tất cả những công việc mà những người liên quan và cơ quan hải quan phải thực hiện theo quy định của pháp luật hải quan”. [17, tr.10]

Theo quy định tại Điều 4 Luật Hải quan Số 54/2014/QH13 ngày 23/6/2014 thì chỉ ra khái niệm rõ ràng hơn: “Thủ tục hải quan là các công việc mà người khai hải quan và công chức hải quan phải thực hiện theo quy định của luật này đối với hàng hóa, phương tiện vận tải”. [9, tr.27]

- Các công việc đối với người khai hải quan như sau:

+ Người khai hải quan phải tiến hành khai, nộp tờ khai hải quan và xuất trình chứng từ thuộc bộ hồ sơ hải quan, trong trường hợp thực hiện thủ tục HQĐT thì người khai hải quan được khai và gửi hồ sơ hải quan thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của hải quan mà không cần phải gặp trực tiếp cán bộ hải quan để thực hiện thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, phương tiện vận tải.

+ Sau đó người khai hải quan đưa hàng hóa, phương tiện vận tải đến địa điểm được quy định cho việc kiểm tra thực tế hàng hóa, phương tiện vận tải

+ Cuối cùng, người khai hải quan có trách nhiệm nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

- Các công việc đối với công chức hải quan như sau:

+ Công chức hải quan tiếp nhận và đăng kí hồ sơ hải quan, trường hợp thực hiện thủ tục HQĐT thì việc tiếp nhận và đăng kí hồ sơ được thực hiện thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của hải quan.

+ Sau đó kiểm tra hồ sơ hải quan và kiểm tra thực tế hàng hóa, phương tiện vận tải trong trường hợp cần thiết.

+ Sau thực hiện kiểm tra thành công công chức hải quan tiến hành thu thuế và các khoản phí khác theo quy định của pháp luật

+ Cuối cùng cán bộ hải quan đưa ra quyết định việc thông quan hàng hóa, phương tiện vận tải

Trước đây, thủ tục hải quan được thực hiện hoàn toàn theo phương thức truyền thống tức là dựa vào các mẫu hồ sơ giấy có sẵn và bản truyền thống tức là kết hợp cả truyền thống và điện tử. Hiện nay với sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin và thương mại điện tử, ngành hải quan chủ trương thực hiện chiến lược hiện đại hoá ngành hải quan, một trong những chiến lược đó là thực hiện thủ tục hải quan bằng phương tiện điện tử. Tất cả các công việc mà người khai hải quan và công chức hải quan phải trực tiếp gặp nhau để thực hiện thủ tục theo phương thức thủ công trước đây đều được thay thế bằng việc sử dụng hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của hải quan.

Tổ chức hải quan thế giới không có khái niệm về thủ tục HQĐT, khái niệm “thủ tục HQĐT” chỉ được sử dụng ở văn bản hướng dẫn của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính và gần đây mới được chính thức đưa vào văn bản cấp Nghị định, cụ thể là tại Điều 3 Nghị định 87/2012/NĐ-CP ngày 23/10/2012 quy định chi tiết một số điều của Luật Hải quan về thủ tục HQĐT đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thương mại: “Thủ tục HQĐT là thủ tục hải quan trong đó việc khai, tiếp nhận, xử lý thông tin khai hải quan, trao đổi các thông tin khác theo quy định của pháp luật về thủ tục hải quan giữa các bên có liên quan thực hiện thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan”. [8, tr.15]

Do đó, theo nghĩa hẹp: Thủ tục HQĐT là việc ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) để thông quan tự động. Tuy có khác nhau về phạm vi, mức độ ứng dụng CNTT, thủ tục HQĐT có một số đặc điểm chung như sau: Ứng dụng mạnh mẽ CNTT, phù hợp với trình độ phát triển CNTT của quốc gia; trao đổi, chia sẻ thông tin dữ liệu điện tử giữa các bên liên quan thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử như: Các bộ quản lý chuyên ngành, các ngành (Ngân hàng, Bảo hiểm, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam thuộc Chính phủ...), các hãng vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu (XNK)...; cung cấp các dịch vụ điện tử cho người khai hải quan như: Dịch vụ khai báo điện tử, dịch vụ thanh toán điện tử, thông quan điện tử...

Theo nghĩa rộng: Thủ tục HQĐT là thủ tục hải quan theo đó cơ quan hải quan áp dụng các phương pháp quản lý hiện đại, ứng dụng CNTT và trang thiết bị hiện đại để cung cấp các dịch vụ về thông quan hải quan cho người khai hải quan, phương tiện, hành khách xuất cảnh, nhập cảnh và các bên có liên quan khác.

Xét về vị trí, vai trò thì HQĐT là một bộ phận của Chính phủ điện tử, với chức năng thực hiện việc tự động hóa tất cả các loại hình thủ tục và các chế độ về hải quan như kiểm soát hàng hóa, các quy trình xử lý thủ tục hải quan và giám sát hàng quá cảnh,... với những chức năng của cơ quan hải quan thông qua việc áp dụng kỹ thuật quản lý hải quan hiện đại vào tất cả các khâu nghiệp vụ hải quan. Hệ thống HQĐT được kết nối với các bộ phận khác của Chính phủ điện tử, mà thực tế chính là một cổng điện tử của hải quan đã được kết nối với các cổng điện tử của cơ quan Nhà nước khác. Hệ thống thủ tục HQĐT được xây dựng và thực hiện dựa trên các quy định của Luật giao dịch điện tử, Luật công nghệ thông tin, các chính sách phát triển CNTT, lộ trình thực hiện ứng dụng của Chính phủ điện tử và kết hợp theo quy trình nghiệp vụ đơn giản, hài hòa và phù hợp với các chuẩn mực và thông lệ quốc tế trong lĩnh vực hải quan.

Hiện nay các nước trên thế giới thường không đề cập đến khái niệm thủ tục HQĐT mà đề cập đến khái niệm Hệ thống thông quan tự động hóa hải quan (Customs Automation System). Đây là hệ thống gồm nhiều chương trình ứng dụng CNTT để xử lý các nghiệp vụ hải quan và các chương trình hỗ trợ cho công tác

ng nghiệp vụ hải quan như chương trình ứng dụng để quản lý hàng hóa đưa ra hoặc đưa vào lãnh thổ hải quan,...

Như vậy với việc kết hợp ứng dụng CNTT và các chuẩn mực, thông lệ quốc tế trong lĩnh vực hải quan thì thủ tục HQĐT sẽ có những ưu điểm mà thủ tục hải quan thủ công thông thường không có được. Do vậy khi thực hiện thông quan điện tử sẽ đem lại rất nhiều lợi ích cho doanh nghiệp, đồng thời đảm bảo nguồn thu ngân sách cho nhà nước. Điều này đóng vai trò quan trọng trong quá trình hiện đại hóa hải quan, thúc đẩy thương mại quốc tế phát triển, đáp ứng được các yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế.

1.1.2. Sự cần thiết của việc ứng dụng hải quan điện tử trong thông quan hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu

Thứ nhất, xuất phát từ hội nhập kinh tế thế giới, thương mại quốc tế phát triển nên lượng hàng hóa xuất nhập khẩu, phương tiện vận tải, hoạt động xuất cảnh và nhập cảnh tăng nhanh. Vì thế lượng công việc cần phải giải quyết của ngành hải quan là rất lớn. Nếu thực hiện theo phương thức hải quan thủ công truyền thống tức là thực hiện các công việc liên quan đến thủ tục hải quan bằng giấy có khung mẫu sẵn thì khó có thể hoàn thành công việc của ngành. Trước áp lực đó, việc ứng dụng HQĐT trong thông quan hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu là cấp thiết hơn bao giờ hết.

Thứ hai, xuất phát từ việc cải cách thủ tục hành chính, hiện đại hóa hải quan thúc đẩy thương mại quốc tế phát triển, đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế.

Để hòa nhập kinh tế quốc tế, Chính phủ Việt Nam bắt buộc phải thực hiện các văn bản kí kết theo các hiệp định song phương, đa phương với các nước trên thế giới và tổ chức hải quan thế giới (WTO), các công ước quốc tế, nhất là công ước Kyoto sửa đổi bổ sung một số điều về thủ tục trong lĩnh vực hải quan. Theo Nghị quyết số 25/NQ-CP và số 68/NQ-CP của Chính phủ, ngành đã đặt ra nhiệm vụ và yêu cầu phải đơn giản hoá thủ tục hành chính trong lĩnh vực hải quan với mục tiêu và nhiệm vụ thực hiện Chiến lược phát triển ngành Hải quan đến năm 2020 (theo Quyết định số 448/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 25/03/2011) và việc thực hiện các cam kết quốc tế, trong đó có việc thực hiện cơ chế hải quan một cửa

ASEAN đã đặt ra yêu cầu cần khẩn trương đẩy nhanh hơn việc áp dụng thủ tục HQĐT chính thức từ năm 2012 trở đi.

Mặt khác, hiện nay hầu hết hải quan các nước trên thế giới đều thực hiện ứng dụng HQĐT trong thông quan hàng hóa xuất khẩu nhập, khâu để thúc đẩy tiến độ hiện đại hóa hải quan. Vì thế khi tham gia hội nhập kinh tế quốc tế, thương mại quốc tế phát triển thì việc ứng dụng HQĐT trong thông quan hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu sẽ là tất yếu.

Thứ ba, xuất phát từ kết quả của việc thí điểm thực hiện thủ tục HQĐT theo quyết định số 149/2005/QĐ-TTg và quyết định số 103/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ trong thời gian vừa qua đã cho thấy: hiện nay ngành đã có đủ cơ sở thực tiễn để khẳng định thực hiện ứng dụng thủ tục HQĐT là hướng đi đúng đắn trong việc hiện đại hóa hải quan và cần ứng dụng rộng rãi thủ tục HQĐT trên cả nước trong thời gian tới.

Thứ tư, xuất phát từ việc tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, giúp cho doanh nghiệp tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường nội địa nói riêng và trên thị trường quốc tế nói chung.

Theo phương thức hải quan thủ công truyền thống thì thủ tục hải quan rất phức tạp và cồng kềnh, doanh nghiệp mất rất nhiều thời gian và chi phí để thực hiện thủ tục hải quan. Để tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp cụ thể như thủ tục hải quan đơn giản hài hòa, công khai minh bạch, tiết kiệm thời gian và chi phí. Ngoài ra doanh nghiệp có thể dễ dàng tiếp cận được với các chuẩn mực và thông lệ quốc tế tạo điều kiện thuận lợi khi tham gia trên thị trường tế. Với những lợi ích to lớn trên thì doanh nghiệp sẽ ứng dụng HQĐT khi làm thủ tục hải quan là điều tất yếu.

1.2. Nội dung ứng dụng hải quan điện tử trong thông quan hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu

Điều 3 Nghị định 08/2015/NĐ-CP ngày 21/1/2015 quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan, Điều 6 Thông tư 38/2015/TT-BTC Quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra,

giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu có giải thích từ ngữ và quy định các đối tượng tham gia:

“Thủ tục HQĐT” là thủ tục hải quan trong đó việc khai, tiếp nhận, xử lý thông tin khai hải quan, trao đổi các thông tin khác theo quy định của pháp luật về thủ tục hải quan giữa các bên có liên quan thực hiện thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

“Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan” là hệ thống do Tổng cục Hải quan quản lý cho phép cơ quan hải quan thực hiện thủ tục HQĐT, kết nối, trao đổi thông tin về hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu với các Bộ, ngành có liên quan.

Cơ quan hải quan chịu trách nhiệm tổ chức xây dựng, quản lý, vận hành và khai thác sử dụng Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan (gọi tắt là Hệ thống).

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phạm vi thẩm quyền có trách nhiệm cung cấp, trao đổi thông tin liên quan đến xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa với cơ quan hải quan thông qua Hệ thống theo quy định của pháp luật hiện hành.

Các đối tượng được truy cập và trao đổi thông tin với Hệ thống.

Công chức hải quan

Người khai hải quan

Tổ chức cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng đã được cơ quan hải quan công nhận

Các cơ quan quản lý Nhà nước có liên quan đến cấp phép, quản lý chuyên ngành hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa

Các cơ quan theo dõi quản lý thuế, quản lý giá đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu

Tổ chức tín dụng đã ký thỏa thuận thu nộp thuế, lệ phí và các khoản thu khác của ngân sách nhà nước liên quan đến hoạt động XNK với Tổng cục Hải quan; các tổ chức tín dụng hoặc các tổ chức khác hoạt động theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng thực hiện việc bảo lãnh số tiền thuế phải nộp cho người khai hải quan

Các doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi

Các tổ chức, cá nhân khác theo quy định của Tổng cục Hải quan.

Hệ thống khai HQĐT là hệ thống cho phép người khai hải quan thực hiện việc khai HQĐT, tiếp nhận thông tin, kết quả phản hồi của cơ quan hải quan trong quá trình thực hiện thủ tục HQĐT.

Ngành hải quan đã có chủ trương thực hiện ứng dụng HQĐT trong thông quan hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu với 06 nội dung chính sau:

Một là, thực hiện ứng dụng HQĐT bằng các phương tiện điện tử thông qua hệ thống dữ liệu điện tử của hải quan:

Dựa vào các phương tiện điện tử, các hệ thống mạng máy tính được kết nối mạng và các hệ thống trao đổi dữ liệu điện tử, người khai hải quan có thể tự mình hoặc thuê các đại lý hải quan tiến hành thực hiện khai hải quan điện tử bất kỳ nơi nào thuận tiện và bất kỳ thời gian nào với các phương tiện như máy tính để bàn, máy tính xách tay, điện thoại di động với công nghệ cao,...Không chỉ thế người khai hải quan có thể theo dõi tình hình thông tin thông quan của lô hàng thông qua mạng máy tính được kết nối với hệ thống điện tử của hải quan.

Quy trình thủ tục HQĐT kể từ khi triển khai thí điểm theo quyết định Số: 149/2005/QĐ-TTg ngày 20/06/2005 của Thủ tướng chính phủ cho đến nay có nhiều thay đổi, phù hợp với các quy định hiện hành. Hiện tại, quy trình thực hiện thủ tục HQĐT đối với hàng hóa XNK theo Quyết định 1966/QĐ-TCHQ ngày 10/07/2015 của TCHQ gồm 05 bước:

Bước 1: Tiếp nhận, kiểm tra, đăng ký, phân luồng tờ khai (quy định tại Điều 6 Quyết định 1966/QĐ-TCHQ):

Bước 2: Kiểm tra hồ sơ hải quan (quy định tại Điều 7 Quyết định 1966/QĐ-TCHQ):

Kiểm tra hồ sơ hải quan là việc thực hiện kiểm tra chi tiết, toàn bộ các chứng từ thuộc hồ sơ hải quan theo quy định tại Điều 16 Thông tư số 38/2015/TT-BTC.

Bước 3: Kiểm tra thực tế hàng hóa (Quy định tại Điều 8 Quyết định 1966/QĐ-TCHQ)

Bước 4: Kiểm tra hoàn thành nghĩa vụ về thuế, phí, lệ phí (Quy định tại Điều 9 Quyết định 1966/QĐ-TCHQ)

Bước 5: Quản lý, hoàn chỉnh hồ sơ (Quy định tại Điều 10 Quyết định 1966/QĐ-TCHQ)

Hai là, khi thực hiện khai báo HQĐT thì hồ sơ HQĐT sẽ được bảo đảm nguyên vẹn, có dạng khuôn chuẩn chung của ngành hải quan, và có giá trị pháp lý như hồ sơ hải quan bằng giấy.

Hồ sơ HQĐT bao gồm có tờ khai HQĐT và các chứng từ đi kèm với tờ khai theo quy định, các chứng từ đi kèm tờ khai HQĐT có thể ở dạng điện tử hoặc ở dạng văn bản bằng giấy và chứng từ HQĐT có giá trị để làm thủ tục HQĐT như chứng từ bằng văn bản giấy được sử dụng theo phương thức hải quan truyền thống trước đây.

Khi lập chứng từ HQĐT cần lưu ý đảm bảo phản ánh nguyên vẹn nội dung của chứng từ. Đây là điều chú ý đối với các doanh nghiệp, khi thực hiện khai báo HQĐT cần phải khai báo chính xác, phù hợp với khung mẫu sẵn của Tổng cục hải quan, tránh gây ra tình trạng khai báo sai sót, thiếu chính xác.

Để đảm bảo quá trình quản lý rủi ro (QLRR), các chứng từ đi kèm tờ khai HQĐT có thể không phải nộp hoặc phải xuất trình, phải nộp cho cán bộ công chức hải quan theo yêu cầu của cơ quan hải quan trong các trường hợp cần thiết.

Ba là, thực hiện các quy định đối với người khai hải quan trong việc tự kê khai và tự nộp thuế, các khoản lệ phí khác theo quy định của pháp luật hải quan:

Người khai HQĐT là những người trực tiếp khai HQĐT, có thể là chủ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu kể cả thương nhân nước ngoài không hiện diện tại Việt Nam đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu hàng hóa theo quy định của pháp luật hoặc người được chủ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ủy quyền theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc có thể là tổ chức được chủ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ủy thác.

Người khai hải quan có trách nhiệm thực hiện khai hải quan trên hệ thống máy tính được kết nối với hệ thống dữ liệu của hải quan. Đồng thời với việc hệ thống dữ liệu điện tử của hải quan được kết nối với các hệ thống của ngân hàng, kho bạc Nhà nước thì người khai hải quan có thể thực hiện việc thanh toán các khoản tiền

thuế XNK cũng như các khoản lệ phí khác theo quy định dưới hình thức điện tử bất kể thời gian nào. Khi người khai hải quan làm thủ tục thanh toán tại bất kỳ ngân hàng nào đã được kết nối mạng với cơ quan hải quan thì hệ thống sẽ tự động chuyển tiền từ tài khoản của họ sang tài khoản của hải quan hoặc chuyển trực tiếp đến kho bạc nhà nước.

Bốn là, trên cơ sở hồ sơ HQĐT được doanh nghiệp gửi tới thì cơ quan hải quan tiến hành thực hiện thủ tục HQĐT và đưa ra quyết định thông quan hoặc đưa ra quyết định kiểm tra hải quan dựa trên kết quả phân tích thông tin từ cơ sở dữ liệu của hải quan và từ các kênh thông tin khác.

Hệ thống dữ liệu điện tử của hải quan sẽ tự động phân tích hồ sơ hải quan. Những lô hàng thuộc diện miễn kiểm tra thì sau khi chủ hàng thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế và các khoản lệ phí khác theo quy định đối với lô hàng đó, thì hệ thống sẽ gửi thông báo thông quan cho người khai hải quan, sau đó người khai hải quan sẽ nhận thông báo thông quan và đến thẳng nơi lưu giữ lô hàng đó để làm thủ tục nhận hàng. Trường hợp lô hàng phải kiểm tra hồ sơ hoặc kiểm tra thực tế hàng hóa thì cơ quan hải quan sẽ quyết định thông quan trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử sau khi có kết quả kiểm tra thực tế phù hợp với yêu cầu thông quan.

Năm là, ngành hải quan quy định nội dung thủ tục HQĐT được thực hiện căn cứ trên cơ sở Luật hải quan, các luật quy định về thuế và các Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết các luật về thuế, luật giao dịch điện tử và các văn bản quy phạm hướng dẫn thi hành, các điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia kí kết với các nước trên thế giới, các tổ chức quốc tế như WCO, WTO,...

Sáu là, thực hiện ứng dụng HQĐT với các Cục, Chi cục hải quan qua từng giai đoạn sao cho phù hợp với điều kiện về cơ sở vật chất, nhân lực, hoạt động của các đơn vị đó.

1.3. Những tác động của việc ứng dụng hải quan điện tử trong thông quan hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu

1.3.1. Đối với doanh nghiệp

Một là, quy trình thủ tục HQĐT đơn giản hài hòa và thống nhất, phù hợp với các chuẩn mực, thông lệ quốc tế sẽ góp phần làm giảm thời gian thông quan hàng hóa cụ thể hiện nay thời gian chỉ còn từ 3 đến 5 phút, giảm chi phí và tiết kiệm thời gian và nhân lực cho doanh nghiệp. Đặc biệt, doanh nghiệp không phải đến trụ sở của cơ quan hải quan như theo phương thức hải quan truyền thống trước đây mà có thể tự khai tại bất cứ địa điểm nào có máy tính kết nối mạng và được thông quan ngay đối với lô hàng được xếp vào trường hợp được miễn kiểm tra hồ sơ giấy và miễn kiểm tra thực tế hàng hóa, đối với trường hợp này doanh nghiệp chỉ cần đến gặp cán bộ hải quan để đóng dấu hoàn thành thủ tục hải quan và thông quan hàng hóa XNK. Trường hợp đối với những hàng hóa thuộc luồng vàng và đỏ thì thủ tục hải quan cũng không phức tạp. Doanh nghiệp có thể tải mẫu đơn đăng kí trên các website của Tổng cục hải quan và sau ba ngày sẽ được cấp giấy xác nhận kèm theo tài khoản và mã truy cập của hệ thống khai báo HQĐT. Khi đến nộp hồ sơ thì các dữ liệu thông tin về lô hàng đã được xác định trước, vì thế doanh nghiệp sẽ mất ít thời gian chờ đợi để làm thủ tục thông quan lô hàng. Việc này giúp doanh nghiệp tiết kiệm chi phí và thời gian đi lại làm thủ tục hải quan, thông qua đó tăng cường khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp và tạo được niềm tin của doanh nghiệp tới các chính sách, giải pháp của ngành hải quan nói riêng và của Nhà nước nói chung. Được sự ủng hộ của doanh nghiệp cũng chính là thành công của cơ quan hải quan trong việc đẩy nhanh tiến độ ứng dụng HQĐT, hiện đại hóa ngành hải quan.

Hai là, với hệ thống máy tính được kết nối với hệ thống dữ liệu điện tử của hải quan thì doanh nghiệp có thể chủ động được thời gian đăng kí tờ khai trên hệ thống dữ liệu điện tử của hải quan, chủ động trong việc sắp xếp thời gian nhận và xuất hàng hóa vì doanh nghiệp có thể đăng kí tờ khai bất cứ lúc nào chứ không bắt buộc phải đăng kí vào khung giờ hành chính theo phương pháp thủ công truyền thống như trước kia.

Ba là, nhờ ứng dụng thủ tục hải quan hiện đại, nên doanh nghiệp thuận lợi trong việc tiếp cận với các thông lệ và chuẩn mực quốc tế. Điều này tăng khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp khi làm ăn kinh doanh với các đối tác nước ngoài và mở rộng thị trường quốc tế. Bởi vì khi tham gia trên thị trường quốc tế thì doanh nghiệp bắt buộc phải nắm được các Luật lệ, thông tục của các nước trên thế giới, nhờ đó mà có thể đẩy nhanh tiến độ ký kết hợp đồng, hợp tác làm ăn.

Bốn là, một số trường hợp đặc biệt được tạo thuận lợi như trường hợp đối với những doanh nghiệp là thương nhân được ưu tiên đặc biệt còn được hưởng những lợi ích như được sử dụng tờ khai hải quan tạm để giải phóng hàng, được hoàn thành thủ tục thông quan trên cơ sở sử dụng tờ khai điện tử một lần/một tháng cho tất cả hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thường xuyên với cùng một đối tác và cùng một loại hình xuất khẩu, nhập khẩu, đã được giải phóng hàng theo các tờ khai tạm và được kiểm tra hồ sơ hoặc kiểm tra thực tế hàng hóa tại trụ sở của thương nhân ưu tiên đặc biệt hoặc tại địa điểm khác do thương nhân ưu tiên đặc biệt đăng ký và được cơ quan hải quan chấp nhận, được thực hiện thủ tục HQĐT trong thời gian 24giờ /ngày và 7ngày/tuần. Đây là chính sách tích cực của cơ quan Nhà nước động viên và khích lệ doanh nghiệp tham gia ứng dụng thủ tục HQĐT và nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của Nhà nước trong lĩnh vực hải quan.

1.3.2. Đối với cơ quan hải quan

Một là, việc ứng dụng HQĐT trong thông quan hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu sẽ giúp cho đội ngũ cán bộ hải quan có trình độ chuyên môn và nghiệp vụ cao đáp ứng được khối lượng công việc lớn trong thời kì hội nhập kinh tế, đồng thời có tinh thần và thái độ phục vụ doanh nghiệp đúng với tác phong của hải quan Việt Nam văn minh, lịch sự, có kỷ cương, kỷ luật và trung thực. Trong năm 2011, Tổng cục hải quan đã đưa ra tuyên ngôn phục vụ khách hàng nhằm hiện đại hóa hải quan với phương châm “Hải quan Việt Nam chính xác- minh bạch- hiệu quả” thể hiện sự cam kết của ngành hải quan đối với xã hội để đảm bảo thuận lợi, đáp ứng các yêu cầu quản lý nhà nước trong lĩnh vực hải quan đối với các hoạt động thương mại quốc tế, đầu tư, du lịch quốc tế,... cụ thể:

- Hải quan Việt Nam chuyên nghiệp: Được thể hiện qua sự nhiệt tình, tận tụy với công việc, thông thạo nghiệp vụ và xử lý công việc tuân thủ đúng quy trình, thủ tục quy định, văn minh lịch sự trong hoạt động công tác và ứng xử.

- Hải quan Việt Nam minh bạch: Xây dựng hệ thống thủ tục hải quan tuân thủ chuẩn mực và thông lệ quốc tế. Đồng thời ngành bố trí tiếp nhận đầy đủ, phản hồi nhanh chóng và giải quyết khẩn trương các ý kiến đóng góp, khiếu nại của doanh nghiệp, các nhân, các tổ chức trên cả nước và thực hiện cơ chế đảm bảo sự giám sát của khách hàng đối với hoạt động nghiệp vụ hải quan.

- Hải quan Việt Nam hiệu quả: Cụ thể ngành hải quan phấn đấu đạt chỉ tiêu giảm tỷ lệ kiểm tra thực tế hàng hóa, giảm thiểu chi phí hành chính và thời gian thông quan, đảm bảo yêu cầu quản lý Nhà nước trong lĩnh vực hải quan và quản lý sự tuân thủ pháp luật hải quan một cách hiệu quả đến các đơn vị hải quan, các cá nhân và tổ chức tham gia hoạt động trong lĩnh vực hải quan.

Hai là, ứng dụng HQĐT trong ngành hải quan là việc đưa phương thức quản lý tiên tiến, hiện đại, từ xử lý thủ tục hành chính chủ yếu là thủ công trên giấy tờ sang xử lý trên hệ thống thông tin của hải quan giúp thay đổi nhận thức của cán bộ công chức hải quan và khẳng định việc cải cách hiện đại hóa là xu thế tất yếu để phát triển, hiện đại hoá cơ quan hải quan nói riêng, bộ máy nhà nước nói chung. Từ đó cán bộ công chức hải quan có nghị lực phấn đấu và quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ của ngành.

Ba là, thực hiện ứng dụng HQĐT trong thông quan hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giúp cho các hoạt động nghiệp vụ hải quan được thực hiện hiệu quả và chính xác cao hơn. Do đó, cán bộ công chức hải quan dễ dàng thực hiện xử lý nghiệp vụ nhanh chóng hơn theo phương thức truyền thống. Như thế, dù khối lượng công việc lớn và xu hướng càng ngày càng gia tăng thì ngành hải quan vẫn đảm bảo hoàn thành công việc tốt nhất

1.4. Khái niệm về chuẩn mực hải quan hiện đại và điều kiện áp dụng chuẩn mực hải quan hiện đại trong thực hiện thủ tục hải quan điện tử

1.4.1. Khái niệm chuẩn mực hải quan hiện đại

1.4.1.1. Khái niệm chuẩn mực hải quan

Việc đánh giá đối với bất cứ quá trình hoặc sự vật nào đều đòi hỏi phải có những chuẩn mực với định nghĩa rõ ràng và có thể thông qua các chỉ tiêu định tính và chỉ tiêu định lượng được. Tùy theo độ phức tạp của đối tượng đánh giá mà chuẩn mực có thể ít hay nhiều, nhưng thường đều là một bộ chuẩn mực.

Với hoạt động hải quan, bộ chuẩn mực của từng quốc gia có thể có những khác biệt do đặc điểm quản lý của mỗi nước; các chuẩn mực có thể xây dựng ở cấp quốc gia, cấp ngành, cấp doanh nghiệp và cao hơn nữa chuẩn mực được phổ biến và các nước thừa nhận là của chuẩn mực quốc tế.

Khái niệm chuẩn mực hải quan được WCO nêu ra trong công ước Kyoto 1999 “*Chuẩn mực được hiểu như một quy định mà việc thi hành nó được thừa nhận là cần thiết để đạt được mục đích hài hòa và đơn giản hóa các thủ tục và thông lệ hải quan*”. [19, tr.35]

Từ khái niệm này của WCO và nội dung về chuẩn mực quốc tế do các tổ chức UN, WTO quy định, trong luận văn này tác giả khái quát đầy đủ hơn về chuẩn mực hải quan như sau:

“Chuẩn mực hải quan là tất cả các quy định mang tính pháp lý, quy chuẩn trong hoạt động ngoại thương giữa các quốc gia với nhau và giữa quốc gia với tổ chức liên quan về thủ tục hải quan được các tổ chức quốc tế ban hành và các quốc gia thành viên chấp thuận để thực hiện theo”.

Các chuẩn mực hải quan thường được nghiên cứu, thảo luận rất công phu giữa các thành viên của WCO, WTO, UN...Cuối cùng, khi đã đạt được sự nhất trí cao, các chuẩn mực được phê chuẩn và công bố dưới dạng văn bản “công ước”, “hiệp định” gọi chung là các điều ước quốc tế.

Tại các văn bản đó, trong khi nhiều chuẩn mực có tính bắt buộc phải thực thi đối với các tổ chức thành viên, thì nhiều chuẩn mực khác lại chỉ có tính khuyến

khích thực hiện. Tuy nhiên, dù bắt buộc hay khuyến khích thực thi thì mỗi quốc gia thành viên đều phải nội luật hoá các chuẩn mực đã được công bố trong các điều ước quốc tế.

Với mỗi quốc gia, việc nội luật hoá các điều ước quốc tế đều mang tính chất là những cam kết của quốc gia đó đối với việc thực thi các chuẩn mực quốc tế trong hệ thống pháp luật của mình. Tuy nhiên, việc giám sát thực thi các chuẩn mực đó lại là vấn đề đề ngỏ trong những cam kết song phương, đa phương, khu vực đối với mỗi quốc gia dưới các hình thức văn bản “hiệp định”, “thỏa thuận”, “nghị định thư”, “công hàm”, “bản ghi nhớ”.

Trong trường hợp của Việt Nam, theo kết quả rà soát của Tổng cục Hải quan về nội luật hoá trong lĩnh vực hải quan, đến năm 2016 Việt Nam đã nội luật hoá trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của mình được 168 chuẩn mực.

Tính theo số lượng văn bản quy phạm pháp luật, việc nội luật hoá các tiêu chuẩn đó bao gồm: 25 văn bản nội luật hóa hiệp định về chương trình ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung (CEPT) của các nước ASEAN; 19 văn bản nội luật hoá quy định của WTO về chính sách thương mại hàng hoá; 18 văn bản nội luật hoá quy định tại Hiệp định trị giá GATT; 6 văn bản nội luật hoá quy định của WTO về chống bán phá giá, chống trợ cấp và biện pháp tự vệ; 4 văn bản nội luật hoá hiệp định về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ (TRIPS)

1.4.1.2. Khái niệm chuẩn mực hải quan hiện đại

Nội dung chuẩn mực hải quan bao quát tất cả các quy chuẩn cho cả thủ tục hải quan truyền thống, thủ tục HQĐT và đều được các quốc gia thành viên thừa nhận trên đây thì chuẩn mực hải quan hiện đại là một trong số chuẩn mực hải quan khi thực hiện áp dụng bắt buộc cần phải có điều kiện là dựa trên nền tảng ứng dụng CNTT và giao dịch điện tử, trên môi trường Internet trong quản lý hải quan.

Như vậy, chuẩn mực hải quan hiện đại sẽ bao hàm về quy tắc của hoạt động hải quan với hai trụ cột CNTT, giao dịch điện tử. Các trụ cột này có quan hệ mật thiết với nhau và được phát triển, hoàn thiện ở trình độ cao thành một hệ thống hải quan tự động hóa hoàn toàn. Theo đó, chuẩn mực hải quan hiện đại thuộc các chuẩn

mục hải quan nhưng đòi hỏi phải “tự động hóa” từng phần hoặc toàn phần trong các hoạt động hải quan.

Dựa trên khái niệm chuẩn mực hải quan được nêu trong công ước Kyoto và bản chất của các điều kiện áp dụng, tác giả đưa ra định nghĩa khái quát về chuẩn mực hải quan hiện đại như sau: “*Chuẩn mực hải quan hiện đại là chuẩn mực về hải quan được thực hiện dựa trên ứng dụng CNTT, tự động hóa, giao dịch điện tử trong môi trường internet để thực hiện thủ tục HQĐT*”.

Theo kinh nghiệm của hải quan các nước có trình độ quản lý hải quan hiện đại và kết quả rà soát, phân tích hệ thống các điều ước, công ước, cam kết quốc tế về hải quan đã được các tổ chức WCO, WTO, UN ban hành, tác giả rút ra danh mục 12 chuẩn mực hải quan hiện đại mang tính phổ quát, cần thiết, được nhiều nước áp dụng trong xây dựng và triển khai HQĐT gồm: tự động hoá; khai báo trước; thông quan trước; áp dụng quản lý rủi ro tự động; giảm chứng từ thương mại; xác định xuất xứ tự động; tính trị giá tự động; áp thuế tự động; nộp thuế tự động; thông quan tự động; trao đổi thông tin điện tử; giảm chi phí.

Đây là 12 chuẩn mực hải quan hiện đại khi thực hiện thành công sẽ làm tiền đề, nền tảng cho việc hoàn thiện HQĐT theo hướng hiện đại và phát triển trình độ quản lý nhà nước về hải quan ở trình độ cao hơn.

1.4.1.3. Tiêu chí đánh giá về chuẩn mực hải quan hiện đại

Để có căn cứ xem xét mức độ thực hiện các nội dung chuẩn mực hải quan hiện đại trong quá trình thực hiện HQĐT cần phải có bộ tiêu chí để làm thước đo. Hiện nay, tùy theo từng quốc gia hay các tổ chức quốc tế sẽ xây dựng cho mình một số tiêu chí để phục vụ cho từng mục đích đánh giá của mình.

Tuy nhiên, về mặt chung nhất để đánh giá mức độ áp dụng 12 chuẩn mực hải quan hiện đại trong thực hiện thủ tục hải quan điện tử thì các tổ chức WCO, WTO, UN đã đưa ra các tiêu chí cho các nước tham khảo, xây dựng dưới đây:

Bảng 1.1: Một số tiêu chí đánh giá mức độ áp dụng các chuẩn mực HQĐT trong thực hiện thủ tục HQĐT

STT	Chuẩn mực	Chỉ tiêu đánh giá	Đơn vị	Tổ chức ban hành
1	Tự động hóa tiếp nhận khai báo	- Tỷ lệ hồ sơ hải quan khai báo được hệ thống tự động tiếp nhận so với tổng số hồ sơ HQ được khai báo - Tỷ lệ hồ sơ hải quan con người phải can thiệp so với tổng số hồ sơ khai báo.	% %	WCO
2	Khai báo trước	- Thời gian khai báo so với trước khi hàng đến. - Tỷ lệ số hồ sơ hải quan khai báo trước được chấp nhận so với tổng số hồ sơ hải quan khai báo	giờ %	WCO
3	Thông quan trước	- Tỷ lệ hồ sơ được thông quan trước so với tỷ lệ hồ sơ đã khai báo trước.	%	WCO
4	Quản lý rủi ro	- Số lượng nghiệp vụ hải quan được áp dụng QLRR. - Tỷ lệ phát hiện hồ sơ vi phạm so với hồ sơ được kiểm tra thông qua kỹ thuật QLRR. - Tỷ lệ thể hiện hồ sơ phân luồng luồng xanh, vàng, đỏ trong xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa.	Số % %	WCO
5	Giảm chứng từ TM	Số lượng chứng từ phải khai báo khi thực hiện HQĐT so với số chứng phải nộp khi thực hiện TTHQ truyền thống.	số	WTO
6	Xác định xuất xứ tự động	Tỷ lệ giấy chứng nhận xuất xứ được cấp điện tử so với tổng số giấy chứng nhận xuất xứ được cấp	%	WTO
7	Tính trị giá tự động	Tỷ lệ tờ khai trị giá hải quan khai báo được tự động chấp nhận so với tổng số tờ khai trị giá hải quan khai báo.	%	WTO

8	Áp thuế tự động	Tỷ lệ số hồ sơ hải quan được tự động áp thuế so với tổng số hồ sơ hải quan khai báo thuế.	%	WTO
9	Nộp thuế tự động	- Tỷ lệ hồ sơ hải quan được nộp thuế tự động so với hồ sơ khai báo hải quan có thuế. - Số thuế XNK được nộp tự động so với tổng số thuế XNK thu được	% %	WTO
10	Thông quan tự động	- Tỷ lệ doanh nghiệp thực hiện TTHQ điện tử so với tổng số doanh nghiệp hoạt động XNK. - Tỷ lệ hồ sơ hải quan được khai báo TTHQ điện tử so với tổng số hồ sơ hải quan thực hiện XNK. - Tỷ kim ngạch XNK thông qua HQĐT so với tổng kim ngạch XNK. - Thời gian thông quan hàng hóa bằng TTHQ điện tử so với thời gian thông quan TTHQ truyền thống. - Tỷ lệ hồ sơ hải quan được tự động hóa thông quan	% % % phút %	WCO
11	Trao đổi thông tin điện tử	- Tỷ lệ số thông tin được trao đổi bằng phương thức điện tử so với tổng số thông tin trao đổi giữa: hải quan – hải quan, hải quan – doanh nghiệp, hải quan- bộ ngành. - Tỷ lệ thông tin điện tử trao đổi so với tổng số thông tin trao đổi giữa hải quan Việt Nam với hải quan quốc tế.	% %	UN
12	Giảm chi phí	Tổng chi phí về tài chính, thời gian, nhân lực khi thực hiện HQĐT so với tổng chi phí phải bỏ ra khi thực hiện thủ tục hải quan truyền thống	USD	WTO

Nguồn: Tổng hợp của tác giả từ hệ thống các công ước, điều ước quốc tế về hải quan và các hiệp định thương mại song phương và đa phương năm 2015

Những tiêu chí và chỉ tiêu đánh giá trên đây một mặt có tính chất ổn định để có thể so sánh được giữa các năm, nhưng cũng có thể phải sửa đổi, bổ sung, thay thế cho phù hợp với sự phát triển trên thực tiễn của ngành hải quan mỗi nước và quốc tế. Trong những năm gần đây, Ngân hàng thế giới (WB) và Tổ chức Tài chính quốc tế (IFC) thường đưa ra báo cáo “Doing bussiness” hàng năm cho toàn cầu và các quốc gia về nội dung tiêu chí đánh giá về mức độ tạo thuận lợi thương mại, tạo giá trị và năng lực cạnh tranh; mặc dù đây không phải là báo cáo chuyên đề về hải quan, nhưng dựa trên nhiều tiêu chí đánh giá nội dung các về chuẩn mực về hải quan trong tạo thuận lợi cho thương mại.

1.4.2. Điều kiện áp dụng chuẩn mực hải quan hiện đại trong thực hiện thủ tục hải quan điện tử

Để thực hiện chuẩn mực hải quan hiện đại trong áp dụng thủ tục HQĐT cần có những điều kiện bảo đảm đó là:

Thứ nhất, điều kiện tiên quyết là phải có quyết tâm chính trị lớn của cấp lãnh đạo quốc gia về hội nhập kinh tế quốc tế. Điều kiện này đòi hỏi phải có những quyết định về chủ trương từ các cơ quan quyền lực cao nhất của đất nước để thực hiện ký kết các văn kiện gia nhập và tham gia các chuẩn mực hải quan hiện đại. Đồng thời, khi lãnh đạo quốc gia sẽ ban hành các văn bản về chính sách, pháp luật để nội luật hóa các chuẩn mực hải quan hiện đại vào thực hiện trong hoạt động kinh tế xã hội, an ninh, chính trị, ngoại giao đất nước.

Thiếu quyết tâm chính trị này, mỗi quốc gia sẽ không có được sự đồng thuận xã hội và không huy động được sức mạnh tổng hợp của mình để thực hiện các chuẩn mực này một cách hiệu lực và hiệu quả.

Thứ hai, đầu tư nguồn lực thỏa mãn các nhu cầu cần thiết về xây dựng luật pháp, công nghệ thông tin, đào tạo nguồn nhân lực để áp dụng HQĐT. Điều kiện này vừa đòi hỏi phải có nguồn tài lực đủ để đầu tư cho các nhu cầu xây dựng và phát triển hiện đại hoá hải quan, đặc biệt về hạ tầng kỹ thuật - công nghệ, nhân lực cho áp dụng HQĐT. Đồng thời, vừa phải có quy hoạch, kế hoạch, lộ trình hợp lý cho việc thực hiện đầu tư.

Thứ ba, sự hợp tác đầy đủ và cùng chia sẻ giữa cơ quan nhà nước trong đó cơ quan hải quan với các doanh nghiệp XNK. Sự hợp tác mật thiết này hết sức quan trọng vừa để đảm bảo sự thành công trong triển khai, đồng thời phản biện trung thực và chính xác nhất chính sách chưa phù hợp cần thay đổi.

Thứ tư, sự tham gia hợp tác của doanh nghiệp XNK trong việc đầu tư về tài chính, nguồn lực, hạ tầng CNTT trong quá trình triển khai thủ tục HQĐT áp dụng các chuẩn mực hải quan hiện đại.

1.5. Các yếu tố tác động đến áp dụng thủ tục hải quan điện tử theo các chuẩn mực hải quan hiện đại

1.5.1. Nhóm yếu tố bên ngoài

1.5.1.1. Yếu tố quốc tế

Thứ nhất, xu thế và sức ép của hội nhập quốc tế.

Toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế (trong đó có kinh tế quốc tế) đang là xu hướng tất yếu không thể đảo ngược trong thời đại ngày nay. Theo đó, toàn cầu hoá và hội nhập tiếp tục được phát triển mạnh mẽ về tốc độ, quy mô, mức độ và hình thức biểu hiện với những tác động tích cực và tiêu cực, cơ hội và thách thức đan xen rất phức tạp.

Các công ty xuyên và đa quốc gia có vai trò ngày càng lớn, quá trình quốc tế hoá sản xuất, phân phối và phân công lao động diễn ra ngày càng sâu rộng. Việc tham gia vào chuỗi sản xuất, hệ thống phân phối và chuỗi giá trị trong khu vực và toàn cầu vừa là yêu cầu, vừa là điều kiện để các nền kinh tế hoạt động theo hướng hiệu quả và bền vững. Sự tùy thuộc lẫn nhau, hội nhập, cạnh tranh và hợp tác giữa các nước ngày càng trở thành phổ biến.

Trong xu thế hội nhập kinh tế thế giới ngày càng mạnh mẽ sâu rộng, đòi hỏi một quốc gia khi phải tham gia vào các tổ chức, hiệp hội, diễn đàn trên tất cả mọi lĩnh vực với trọng tâm là các trụ cột về kinh tế và an ninh. Nội dung hợp tác của hai trụ cột này luôn đòi hỏi và yêu cầu hải quan đặt ở vị trí trung tâm, như cầu nối các hoạt động kinh tế, đầu tư và đảm bảo an ninh trong dây chuyền cung ứng hàng hóa toàn cầu.

Do vậy, sức ép của hội nhập luôn đặt ra cho từng quốc gia phải tham gia ký kết và tuân thủ thực hiện các điều ước với các hiệp định, hiệp ước quốc tế khi thực hiện giao thương, mở cửa nền kinh tế.

Đối với các nước ASEAN nằm trong vị trí Đông Nam Á là nơi trung tâm của hoạt động hợp tác kinh tế của các diễn đàn APEC, ASEM, ASEAN+3, ASEAN+6... đang dần hình thành các cộng đồng kinh tế mở. Điều này vừa là cơ hội to lớn cho Việt Nam một quốc gia thành viên, nhưng cũng là sức ép đòi hỏi phải tham gia ký kết và thực hiện các hiệp định thương mại - thuế quan mà vai trò tuân thủ thực hiện hệ thống chuẩn mực về tạo thuận lợi và kiểm soát xuất nhập hàng hóa của cơ quan hải quan luôn được đặt lên hàng đầu.

Như vậy, toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế, bên cạnh tạo cho các quốc gia cơ hội, thuận lợi mới để phát triển, nhưng cũng tạo ra thách thức và sức ép buộc các quốc gia phải cải cách mạnh mẽ bên trong cả về phía nhà nước, doanh nghiệp và người dân để có quyền tham gia vào cuộc chơi, sân chơi, luật chơi, kiếu chơi chung theo hướng tự do hoá thương mại và đầu tư, giảm thiểu sự can thiệp của nhà nước trong nền kinh tế thị trường.

Trong những điều kiện mới này, để thuận lợi hoá thương mại đầu tư, một trong những vấn đề phải thay đổi và cải cách mạnh mẽ đó là các thủ tục hành chính, trong đó có thủ tục hải quan theo hướng tiện lợi, công khai, công bằng, minh bạch và không có con đường nào tối ưu hơn là phải thực hiện theo các chuẩn mực hải quan hiện đại.

Thứ hai, sự giúp đỡ, hỗ trợ của các quốc gia, các tổ chức quốc tế, các đối tác hợp tác.

Việc thực hiện cải cách, đổi mới các hoạt động của hải quan theo hướng áp dụng HQĐT theo các chuẩn mực hải quan hiện đại không chỉ bằng quyết tâm, nhấn mạnh “khẩu hiệu”, “ phong trào”, “thành tích”, mà phải có nguồn lực, trong đó đặc biệt là nguồn lực tài chính và nguồn nhân lực có tâm và trình độ. Đây là những khó khăn không nhỏ đối với các quốc gia đang phát triển, mới gia nhập sân chơi khu vực và toàn cầu (trong đó có Việt Nam).

Tuy nhiên, thực tế đã chỉ ra rằng không ít các quốc gia (Hàn quốc, Singapore) do tích cực cải cách bên trong để tham gia tốt vào quá trình hội nhập nên đã nhận được sự giúp đỡ, trợ giúp không nhỏ của các quốc gia đối tác, của các tổ chức quốc tế về các mặt, đặc biệt về tài chính, công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực và đã tạo đà, sức bật mới cho sự phát triển và đã có nhiều thành công, trong đó có việc áp dụng các chuẩn mực hải quan hiện đại.

1.5.1.2. Yếu tố quốc gia

Sự quyết tâm không chỉ bằng ý chí mà còn bằng các nguồn lực, các điều kiện khác của nhà nước, chính phủ, các bộ ngành, các doanh nghiệp trong việc thực hiện hội nhập và cam kết hội nhập nhằm tạo ra động lực mới cho sự phát triển đất nước.

Chính sự quyết tâm cải cách bên trong theo luật quốc tế, thông lệ quốc tế và các cam kết quốc tế đã thoả thuận và ký đòi hỏi nhà nước, trong đó có chính phủ phải sửa đổi, hoàn thiện và ban hành kịp thời, đầy đủ, đồng bộ, nhất quán và minh bạch hệ thống các văn bản pháp quy có liên quan, phải có đầu tư nguồn lực tài chính đủ để tạo ra cơ sở vật chất. Kỹ thuật công nghệ thích ứng cho việc áp dụng theo các chuẩn mực hải quan hiện đại vào HQĐT.

Đồng thời cũng phải có sự hỗ trợ để ngành hải quan sớm có được đội ngũ nguồn nhân lực có chất lượng để có thể đảm đương được việc áp dụng thủ tục QHĐT theo hướng hiện đại. Không có sự quyết tâm và tạo điều kiện của Nhà nước và các tổ chức trên thì ngành hải quan cũng không thể áp dụng tốt các chuẩn mực hải quan hiện đại trong thực tiễn.

Nói một cách khác, nếu không có sự quyết tâm và trợ giúp của nhà nước và của các ngành, các cấp thì việc chuyển từ việc áp dụng thủ tục hải quan truyền thống sang HQĐT theo các chuẩn mực hải quan hiện đại sẽ diễn ra hết sức chậm và mặt trái, tiêu cực vẫn phát sinh, thậm chí gia tăng gây bức xúc trong xã hội và tổn thất không nhỏ cho các bên cả về phía nhà nước, doanh nghiệp và người dân.

1.5.2. Nhóm yếu tố bên trong (thuộc về cơ quan hải quan)

1.5.2.1. Tư duy nhận thức và quan điểm của lãnh đạo ngành hải quan về áp dụng thủ tục hải quan điện tử theo các chuẩn mực hải quan hiện đại

Nếu lãnh đạo ngành nhận thức đúng tầm quan trọng của vấn đề này và với quyết tâm cao, đầu tư thoả đáng... thì sẽ thúc đẩy việc sớm áp dụng có hiệu quả. Ngược lại, sẽ cản trở làm chậm tiến độ, lộ trình áp dụng HQĐT.

Việc áp dụng HQĐT hay nói gọn hơn là việc áp dụng CNTT trong quản lý của các cơ quan hải quan tại các Cục, Chi cục trên phạm vi cả nước, đòi hỏi phải có cơ sở hạ tầng thông tin quốc gia, cũng như của các Cục, Chi cục hải quan thuận tiện và hiện đại. Chỉ trên cơ sở đó, việc ứng dụng các phần mềm của hải quan trong quản lý sẽ thuận lợi như tốc độ đường truyền nhanh, nhiều doanh nghiệp có cơ hội tiếp xúc với hải quan điện tử cũng như cập nhật được các chính sách pháp luật của Nhà nước thông qua mạng xã hội. Điều này tạo điều kiện cho cơ quan hải quan cũng như doanh nghiệp thực hiện các thủ tục được nhanh chóng, tiết kiệm thời gian, tiền bạc của Nhà nước và doanh nghiệp.

Đồng thời có điều kiện thuận lợi trong việc theo dõi, kiểm tra, giám sát được tình hình xuất, nhập khẩu theo hệ thống thông tin dữ liệu, hạn chế được tình hình gian lận thương mại. Đáp ứng các yêu cầu này, ngành hải quan nói chung, lãnh đạo ngành hải quan nói riêng phải nhận thức đúng vấn đề trên và phải tập trung đầu tư đồng bộ trong toàn ngành để sớm đáp ứng các yêu cầu áp dụng HQĐT theo chuẩn mực hải quan hiện đại.

1.5.2.2. Cơ cấu bộ máy, trình độ tổ chức

Để thực hiện đúng và có hiệu quả HQĐT theo hướng tuân thủ các chuẩn mực hải quan hiện đại phục vụ cho công tác quản lý thương mại nói chung, thương mại quốc tế nói riêng của ngành hải quan, cần phải có bộ máy quản lý chặt chẽ từ trung ương đến địa phương. Tại Cục hải quan các tỉnh, thành phố phải áp dụng HQĐT để góp phần quản lý có hiệu quả các hoạt động thương mại theo quy trình nghiệp vụ mà Tổng cục Hải quan đã đề ra. Đây là cơ quan trực tiếp quản lý Cục hải quan các tỉnh, thành phố. Cục hải quan các tỉnh, thành phố quản lý trực tiếp các chi cục trên

địa bàn quản lý của mình. Các chi cục là nơi các doanh nghiệp XNK làm các thủ tục hải quan theo đúng quy định của hải quan.

Vì vậy, chính sự quản lý và mức độ áp dụng HQĐT sẽ có ảnh hưởng trực tiếp đến các hoạt động XNK của doanh nghiệp, trong số đó có thời gian làm thủ tục và các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để hoàn thiện các thủ tục liên quan đến hoạt động XNK của mình và do đó bộ máy tổ chức tốt, HQĐT được áp dụng tiện lợi sẽ tạo điều kiện cho hoạt động quản lý, kiểm tra, giám sát xuất nhập khẩu được thực hiện nhanh chóng, kịp thời, chính xác, phòng chống được gian lận thương mại, thông quan nhanh hàng hoá, tạo điều kiện cho doanh nghiệp thực hiện tốt hoạt động sản xuất, kinh doanh của mình.

1.5.2.3. Cơ sở vật chất kỹ thuật, trình độ khoa học công nghệ của cơ quan hải quan

Cơ sở hạ tầng, các máy móc thiết bị được sử dụng tại các cơ quan hải quan là điều kiện cực kỳ quan trọng đối với các cán bộ, công chức làm việc, thực hiện các công việc chuyên môn của mình. Khi được trang bị các thiết bị, máy móc hiện đại sẽ giúp cơ quan hải quan tiết kiệm được thời gian xử lý các công việc, tạo điều kiện cho doanh nghiệp thực hiện thủ tục hải quan nhanh, thông quan hàng hoá kịp thời.

Đặc biệt là trong điều kiện hiện nay, các cơ quan hải quan đang thực hiện HQĐT đang rất cần có hệ thống máy vi tính hiện đại, được kết nối mạng Internet có đường truyền nhanh, ít trục trặc nhằm phục vụ việc khai HQĐT của doanh nghiệp và tiết kiệm chi phí cho doanh nghiệp. Ngược lại, nếu hệ thống máy tính và sự kết nối mạng không tốt hay bị trục trặc, tất yếu sẽ dẫn đến hệ thống truyền dữ liệu bị ách tắc, gây khó khăn cho việc thực hiện các HQĐT và quản lý của ngành hải quan.

1.5.2.4. Nguồn nhân lực của các cơ quan hải quan

Trong điều kiện hiện nay, đổi mới hoạt động cũng như nâng cao năng lực cho lực lượng hải quan trong tác quản lý hải quan, phòng chống buôn lậu là vấn đề tất yếu nhằm đảm bảo vừa thuận tiện cho hoạt động thương mại, vừa đảm bảo đáp ứng các yêu cầu của quản lý hải quan. Đáp ứng yêu cầu này, việc thực hiện HQĐT theo hướng áp dụng các chuẩn mực hải quan hiện đại chính là cải cách các thủ tục hải quan theo hướng đơn giản, rõ ràng, công khai, thuận tiện, thống nhất đảm bảo phù

hợp với thông lệ quốc tế, thực hiện hải quan “một cửa” tạo thuận lợi cho hoạt động thương mại phát triển.

Muốn thực hiện tốt các vấn đề này, đội ngũ hải quan phải đáp ứng đủ về số lượng, đặc biệt là với chất lượng ngày càng cao. Chỉ có như vậy mới có thể áp dụng tốt CNTT, những thành tựu mới và ngày càng hiện đại vào công tác quản lý và giám sát các hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ đã được giao cho ngành hải quan. Để sớm có được nguồn nhân lực đáp ứng các yêu cầu, nhiệm vụ của ngành, bên cạnh sự quan tâm, đầu tư của Nhà nước, ngành hải quan phải chủ động trong bố trí nguồn lực để đầu tư trang thiết bị ứng dụng CNTT đồng bộ với yêu cầu đào tạo cán bộ có tính chuyên nghiệp cao và tinh gọn biên chế bộ máy.

1.6. Kinh nghiệm thực hiện thủ tục hải quan điện tử của một số nước trên thế giới.

1.6.1. Công tác ứng dụng thủ tục hải quan điện tử của Hải quan Singapore

Trong cộng đồng hải quan, Hải quan Singapore được nhìn nhận là một trong những cơ quan đứng đầu trong tạo điều kiện thuận lợi nhất cho thương mại đồng thời vẫn đảm bảo kiểm soát hải quan chặt chẽ.

Để có được đánh giá như vậy, trong nhiều năm qua Hải quan Singapore thực hiện các chiến lược, kế hoạch hành động cũng như đề ra được một lộ trình hiện đại hoá một cách hợp lý và phù hợp với sự phát triển của quốc gia cũng như quốc tế.

Cũng như hầu hết các chiến lược hiện đại hoá của Hải quan các nước trên thế giới, điểm chung trong các chiến lược, kế hoạch này là tập trung vào việc triển khai áp dụng nhiều kỹ thuật hiện đại, nhất là là CNTT nhằm cải cách hoạt động quản lý của cơ quan hải quan, đặc biệt là trong công tác thông quan hàng hoá và phân loại hàng hoá. Chính CNTT đã góp một phần rất lớn trong việc thay đổi một phương pháp quản lý hải quan theo hướng mới đó là chuyển từ việc xử lý các giao dịch dựa trên giấy tờ sang xử lý các giao dịch điện tử, điều này cũng đã cho phép Hải quan Singapore vẫn hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình với một nguồn lực hạn chế.

Với nhận thức tiến trình tin học các qui trình nghiệp vụ, thủ tục hải quan là một quá trình phức tạp đòi hỏi phải có các bước đi thích hợp, không thể hoàn thành

trong một thời gian ngắn và càng không thể tách rời với chiến lược, kế hoạch công nghệ thông tin của quốc gia, Hải quan Singapore đã chia lộ trình áp dụng CNTT theo từng giai đoạn khác nhau, phù hợp với chiến lược phát triển CNTT của quốc gia. Với cách thức thực hiện như vậy đã cho phép hải quan Singapore tận dụng được nhiều cơ hội, nhiều lợi thế như: sự ủng hộ từ các chính phủ, sự nhận thức thống nhất và phối hợp tốt trong các cơ quan chính phủ về vấn đề hỗ trợ, trao đổi thông tin thông tin, sự ủng hộ và tham gia tích cực của cộng đồng doanh nghiệp, hạ tầng về CNTT...

Bên cạnh đó, để đảm bảo luôn cập nhật được các thành tựu hiện đại nhất của CNTT và đảm bảo tính chuyên nghiệp trong việc xây dựng cơ sở hạ tầng CNTT cho ngành hải quan, thiết kế triển khai phần mềm ứng dụng... Hải quan Singapore đã thực hiện theo cơ chế thuê các công ty CNTT trong và ngoài tham gia dưới sự giám sát, quản lý chặt chẽ của hải quan. Có thể kể đến một số ứng dụng CNTT tiêu biểu mà Hải quan Singapore hợp tác với các đối tác bên ngoài để xây dựng và đã đưa vào ứng dụng như:

Hệ thống thông quan điện tử: Hệ thống thông quan điện tử của Hải quan Singapore được thiết kế xây dựng và triển khai theo mô hình tập trung bao gồm thành phần chính: một để phục vụ cho việc giao tiếp với bên ngoài (do công ty CrimsonLogic quản lý) và một để phục vụ công tác quản lý của cơ quan hải quan sử dụng mạng (do công ty National Computer System xây dựng).

Bên cạnh đó, trong nỗ lực tiếp tục rút ngắn hơn nữa thời gian thông quan, Hải quan Singapore ban hành các qui định và xây dựng các hệ thống CNTT cho phép tiếp nhận trước các thông tin liên quan đến hàng hoá XNK từ doanh nghiệp. Điều này cho phép Hải quan có nhiều thời gian và thông tin hơn để phân tích, đánh giá về lô hàng từ đó có thể quyết định thông quan ngay (đối với các lô hàng thuộc luồng xanh) hay tiến hành kiểm tra thực tế (đối với những lô hàng thuộc luồng đỏ) khi hàng vừa đến cảng, vì vậy rút ngắn được thời gian thông quan.

Hệ thống thông quan trước đối với vận chuyển hàng chuyển phát nhanh: Hệ thống này ra đời năm 1994 nhằm thúc đẩy thông quan trước đối với vận chuyển

hàng hoá chuyển phát nhanh đường hàng không. Với hệ thống này, các công ty chuyển phát nhanh theo đường hàng không có thể chuyển các thông tin bằng điện tử tới Hải quan và nhận hướng dẫn kiểm tra trước thông quan và kết quả này nhanh hơn so với thông quan qua cửa khẩu.

Hệ thống thông quan điện tử đối với Container: Hải quan áp dụng hệ thống thông quan điện tử cho container ở tất cả các cửa khẩu từ tháng 8/1999. Với hệ thống này, những người vận chuyển không cần xuất trình bản copy cứng của giấy phép thông quan hàng hoá cho Hải quan, và kết quả đã rút ngắn được thời gian thông quan.

Hệ thống xác định mục tiêu trọng điểm: Việc xác định mục tiêu trọng điểm hàng hoá XNK do hệ thống này thực hiện. Hệ thống này được kết nối với các hệ thống của các cơ quan có liên quan khác để thực hiện việc trao đổi các thông tin phục vụ cho việc phân luồng dữ liệu khai hải quan. Trong hệ thống này đã được thiết lập các tiêu chí lựa chọn, theo định kỳ hoặc trong trường hợp cần thiết hải quan sẽ thiết lập hay thay đổi các tiêu chí này để đảm bảo luôn phù hợp với tình hình thực tế của hoạt động XNK, bên cạnh đó trên hệ thống còn lưu giữ các thông tin báo phục vụ cho công tác phân tích dữ liệu kiểm tra thông quan hàng hoá. Các dữ liệu khai hải quan của các nhà nhập khẩu, xuất khẩu khi chuyển đến (qua hệ thống Tradenet) sẽ được hệ thống phân luồng kiểm tra dựa trên việc so sánh với các tiêu chí cũng các thông tin tình báo hải quan sau đó truyền kết quả cho các đơn vị Hải quan tại các cửa khẩu để quyết định về hình thức, mức độ kiểm tra hàng hoá hay thông quan ngay. Hiện nay, trung bình các lô hàng được thông quan trong vòng 10 phút.

Hệ thống nộp thuế và lệ phí điện tử: Theo qui định của Singapore việc nộp thuế hải quan và các khoản lệ phí khác được thực hiện trên cơ sở tự khai, tự tính và tự nộp. Nhà nhập khẩu, xuất khẩu sẽ thực hiện việc khai hải quan, tự tính thuế và tự nộp thuế và các loại lệ phí khác qua hệ thống liên ngân hàng tại hệ thống máy tính được kết nối với hệ thống TradeNet, khoảng vài phút sau sẽ nhận được thông báo cụ thể về thông tin liên quan đến thông quan lô hàng, trong trường hợp lô hàng được thông quan thì lệnh thông quan sẽ được gửi đến hệ thống máy tính của nhà

nhập khẩu/xuất khẩu, trong trường hợp ngược lại thì hệ thống gửi một thông báo nêu rõ lý do từ chối hay các yêu cầu cung cấp thêm các số liệu cần thiết.

1.6.2. Hệ thống thông quan NACCS của Hải quan Nhật Bản

Để đạt được mục tiêu hiện đại hoá tất cả quy trình nghiệp vụ hải quan, Hải quan Nhật Bản đã phải nỗ lực từng bước khắc phục những khó khăn và cản ngại. Một trong những điều mà Hải quan Nhật Bản coi trọng trong quá trình hiện đại hoá là ứng dụng toàn diện quy trình tin học vào công tác nghiệp vụ, trong đó trọng tâm là hệ thống thông quan điện tử NACCS.

Hải quan Nhật Bản tiến hành đề án tin học hoá ngành hải quan bắt đầu từ năm 1978 với việc áp dụng Hệ thống tin học hải quan tự động (NACCS), xử lý các vấn đề liên quan đến thủ tục thương mại nhằm cải thiện và đẩy nhanh quá trình thông quan hàng hoá. Hệ thống này đóng vai trò then chốt trong việc tiến đến mục tiêu chính của Hải quan Nhật Bản là thiết lập dịch vụ thông quan “một cửa” cho khách hàng.

Theo quy định chung đối với hàng hóa XNK, việc khai báo thực hiện qua Hệ thống thông quan tự động NACCS. Hệ thống NACCS được vận hành như sau: Đầu tiên người khai thuê sẽ nhập dữ liệu thông tin cần thiết để khai báo về lô hàng XNK bằng máy vi tính của mình.

Sau khi xử lý thông tin, hệ thống sẽ “chạy” và tự động hiện ra những quy định hiện hành có liên quan, tự động tính ra số thuế phải nộp... để hoàn thiện tờ khai và in nội dung đó ngay tại máy tính trạm của người sử dụng. Sau đó, một chuyên gia về hải quan (là người được cơ quan Hải quan cấp chứng nhận và làm việc trong công ty khai thuê, không phải công chức hải quan) xác nhận và chuyển tờ khai này tới cơ quan Hải quan qua hệ thống. Hệ thống NACCS sẽ tự động lựa chọn cách thức, quy trình kiểm tra dựa trên khai báo.

Có 3 hình thức kiểm tra hải quan: kiểm tra đơn giản, kiểm tra chứng từ và kiểm tra thực tế hàng hóa. Đối với hình thức kiểm tra đơn giản, cơ quan Hải quan sẽ chấp nhận cho hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ngay lập tức, đó là đối với các trường hợp hàng hóa miễn thuế; thuế đã được nộp qua tài khoản điện tử hoặc được chấp nhận nợ thuế.

Đối với hình thức thứ 2 (kiểm tra chứng từ), người XNK phải xuất trình một bản photocopy tờ khai cho cơ quan Hải quan cùng với các chứng từ cần thiết như invoice... Việc kiểm tra chứng từ do công chức hải quan thực hiện, sau đó hàng hóa XNK khai báo được chấp thuận (đối với hàng có thuế, sau khi việc nộp thuế được xác nhận). Lệnh chấp nhận thông quan sẽ được cung cấp cho máy tính trạm của người nhập khẩu hoặc người khai thuế.

Đối với hình thức thứ 3 (kiểm tra thực tế hàng hóa), thủ tục như đối với hình thức thứ 2, nhưng công chức hải quan sẽ tiếp tục kiểm tra thực tế hàng hóa sau khi đã kiểm tra chứng từ. Cơ quan Hải quan có thể kiểm tra thực tế hàng hóa tại: nơi lưu giữ hàng hóa; lấy mẫu về kiểm tra; kiểm tra trong khu vực kiểm tra hải quan. Khi hoàn thành việc kiểm tra, hàng hóa sẽ được chấp nhận thông quan thực sự, riêng đối với hàng NK có thuế, chỉ sau khi doanh nghiệp nộp thuế.

Theo thống kê của Hải quan Nhật Bản, có khoảng 70% lượng hàng hóa XNK áp dụng hình thức kiểm tra đơn giản, 25% lượng hàng hóa kiểm tra hồ sơ, còn lại chỉ có 5% hàng hóa phải kiểm tra thực tế.

Cuộc cách mạng tin học hoá trong Hải quan Nhật Bản mang lại lợi ích không chỉ đối với ngành Hải quan mà còn cả đối với cả giới doanh nghiệp.

Việc áp dụng tin học hoá của Hải quan Nhật Bản thực sự nhảy vọt trong tiến trình cải cách, hiện đại hoá. Hệ thống NACCS của Hải quan Nhật Bản hiện nay được coi như mô hình giao diện chuẩn cho các cơ quan hữu trách có liên quan khác phát triển hệ thống tin học của mình.

1.6.3. Các ứng dụng tự động hóa của hải quan Thái Lan

Để triển khai thực hiện chiến lược tự động hóa, hải quan Thái Lan đã triển khai một loạt các hệ thống EDI sau đây:

Thanh toán điện tử (e-Payment): giúp các doanh nghiệp, tổ chức hoạt động XNK có thể thực hiện việc thanh toán các khoản tiền thuế cũng như các khoản thu khác theo quy định dưới hình thức điện tử. Hiện nay, đã có 9 ngân hàng tham gia vào hệ thống này.

Lược khai điện tử đối với hoạt động xuất khẩu và nhập khẩu hàng hóa bằng đường hàng không (e-Manifest): giúp các công ty hàng không giảm thời gian xử lý hàng hóa xuất khẩu bằng đường hàng không đồng thời giảm thiểu các giấy tờ không cần thiết khác. Các công ty hàng không chỉ cần truyền các thông tin hàng hóa đến cơ quan HQ qua hệ thống EDI. Sau khi hàng hóa được chuyển vào máy bay, máy tính sẽ tự động in ra hóa đơn và chuyển đến cơ quan hải quan.

Lược khai điện tử đối với hoạt động xuất khẩu hàng hóa bằng đường biển: cho phép các hãng vận tải biển truyền các thông tin hàng hóa và các thông báo về các chuyến hàng đến trong vòng 48 giờ kể từ khi tàu đến cảng. Ngay sau đó, hệ thống EDI của hải quan sẽ tiếp nhận và tự động trả lời đến các hệ thống của các hãng vận tải và lúc này hàng có thể được phép dỡ khỏi tàu, giảm thiểu các loại giấy tờ không cần thiết.

Lược khai điện tử đối với hoạt động nhập khẩu hàng hóa bằng đường biển (e-Container): giúp tăng nhanh quá trình dỡ hàng và kiểm tra hàng, giảm bớt tình trạng tắc nghẽn tại bãi container. Các công ty XNK có thể nộp các bản sao giai đoạn kiểm tra cuối cùng. Giai đoạn thử nghiệm của dự án được thực hiện tại cảng Bangkok và Laem Chabang.

Hiện nay, Hải quan Thái Lan đang tiếp tục thực hiện một dự án mới (2004-2006) nhằm chuyển đổi từ hệ thống đóng sang hệ thống mở, tuân theo các chuẩn mực quốc tế. Hệ thống này có thể kết nối với tất cả các bên có liên quan như cộng đồng doanh nghiệp, các cơ quan Chính phủ trong nước và quốc tế bằng nhiều phương tiện khác nhau (Single Window - một cửa). Mọi dữ liệu do các cơ quan này cung cấp sẽ được dùng chung cho tất cả các cơ quan khác, không phải chờ đợi, mất thời gian và tốn kém chi phí. Vừa qua, hệ thống Single Window đã được các quốc gia trong ASEAN nhất trí lựa chọn và triển khai trong toàn khu vực thông qua Hiệp định khung E-ASEAN.

Trước mắt, trong giai đoạn thử nghiệm, Ủy ban quốc gia về nâng cao năng lực Thái Lan và các đơn vị hải quan biên giới đã lựa chọn một điểm tiếp nhận và xử lý dữ liệu liên quan đến việc thông quan hàng hóa. Điểm này do cơ quan hải quan quản

lý và kết hợp với sự kiểm soát của các bộ ngành có liên quan. Cùng thời gian này, hệ thống đăng ký điện tử được triển khai để cung cấp ứng dụng trực tuyến cho các doanh nghiệp thông qua internet.

1.7. Những bài học kinh nghiệm rút ra cho Hải quan Việt Nam

Từ kinh nghiệm của Thái Lan, Singapore và Nhật Bản trên đây có thể rút ra một số bài học thành công và không thành công cho Hải quan Việt Nam.

1.7.1. Bài học thành công

Bài học thứ nhất, khi thực hiện HQĐT cần phải có kế hoạch tổng thể và kế hoạch đó phải được dựa trên kết quả đánh giá trình độ phát triển CNTT, trình độ quản lý của nhà nước và mức độ sẵn sàng thực hiện của doanh nghiệp. Mối quan hệ hợp tác chặt chẽ giữa các trụ cột hải quan - doanh nghiệp, hải quan - hải quan trong triển khai thực hiện HQĐT sẽ là nền tảng vững chắc cho một kế hoạch thành công.

Bài học thứ hai, tăng tiến độ đồng bộ hóa giữa HQĐT với chính phủ điện tử để thực hiện các kết nối tự động giữa hải quan với các tổ chức liên quan trong các bộ, ngành, địa phương. Kinh nghiệm này của các nước trên đã cho thấy mặc dù hải quan có thể đi trước một bước về thực hiện “điện tử hoá” trong hoạt động quản lý nhà nước của mình, nhưng không thể đi trước thêm bước nữa nếu các ngành khác trong quản lý nhà nước vẫn thực hiện các thủ tục hành chính theo phương thức thủ công, truyền thống.

Bài học thứ ba, cần nhắc áp dụng khi xây dựng, phát triển hệ thống thông quan điện tử tự động phải áp dụng các nội dung chuẩn mực hải quan hiện đại và luôn có sự cập nhật sau theo lộ trình vào các hệ thống thông quan điện tử để kịp thời nâng cấp đáp ứng yêu cầu thực tiễn trở thành hệ thống xử lý điện tử thông minh linh hoạt không bị lạc hậu phù hợp nhất với hoàn cảnh lịch sử cụ thể của Việt Nam trong bối cảnh khu vực và quốc tế hiện nay.

Bài học thứ tư, tập trung xây dựng, thu thập nguồn thông tin tình báo hải quan và mở rộng áp dụng kỹ thuật QLRR tự động cho từng nghiệp vụ hải quan của cả ba khâu trước - trong - sau thông quan hàng hóa.

1.7.2. Bài học chưa thành công

Bài học thứ nhất, tiếp nhận xử lý thông tin khai báo thủ tục HQĐT phụ thuộc hoàn toàn vào hệ thống VAN.

Việc phụ thuộc hoàn toàn trong tiếp nhận thông tin khai báo từ doanh nghiệp đến cơ quan hải quan bằng một hệ thống VAN duy nhất của tổ chức cung cấp dịch vụ ngoài dẫn đến tình trạng có giai đoạn độc quyền và thu phí dịch vụ cao (trung bình 2USD/1 tờ khai), dẫn tới doanh nghiệp từ bỏ khai báo HQĐT chuyển một phần sang khai báo thủ công dẫn đến khó khăn trong quản lý cho cả hải quan và doanh nghiệp.

Từ bài học này, để quá trình triển khai HQĐT Việt Nam theo hướng áp dụng các chuẩn mực hải quan hiện đại tránh thất bại, cần thực hiện:

Quá trình xây dựng chính sách, cơ sở pháp lý: Hải quan Việt Nam phải xác lập và công bố hệ thống tiêu chuẩn dữ liệu trong kết nối, tiếp nhận HQĐT trên cơ sở bộ chuẩn dữ liệu mở của Tổ chức Hải quan Thế giới (WCO) đã ban hành, làm căn cứ cho các doanh nghiệp và cơ quan liên quan tiến hành xây dựng hệ thống phần mềm quản lý hoạt động xuất nhập khẩu, thực hiện HQĐT. Đồng thời chính sách này phải cho phép doanh nghiệp và các cơ quan liên quan được quyền lựa chọn nhiều phương án kết nối với cơ quan hải quan để thực hiện HQĐT.

Hải quan Việt Nam khi xây dựng hệ thống CNTT triển khai HQĐT: cần phải tiến hành cấu trúc, mở rộng hệ thống theo hướng mở, để tạo điều kiện kỹ thuật cho phép doanh nghiệp được quyền chủ động lựa chọn công nghệ khai báo qua nhiều hình thức mạng Internet, VAN, vệ tinh... Nhằm đảm bảo lợi ích cho doanh nghiệp cũng như mức độ tương thích công nghệ về kỹ thuật khai báo HQĐT; điều này sẽ tạo tiền đề để nâng cao trình độ HQĐT theo chuẩn mực hải quan hiện đại; để tiến tới mục tiêu cho phép doanh nghiệp thực hiện thủ tục hải quan XNK hàng hóa, phương tiện vận tải ở “mọi lúc - mọi nơi - mọi phương tiện”.

Bài học thứ hai, áp dụng nguyên mẫu nội dung các chuẩn mực không phù hợp với thực tiễn hệ thống cơ sở pháp lý và thông lệ ngoại thương của quốc gia.

Hệ thống chuẩn mực hải quan được các tổ chức WCO, WTO, UN xây dựng dựa trên đặc điểm chung nhất giữa các quốc gia trong tập quán, thông lệ thương mại

chung. Trong giai đoạn đầu Hàn Quốc và Nhật Bản áp dụng theo nguyên mẫu trong khi điều kiện về pháp lý và CNTT và tập quán văn hóa quản lý chưa theo kịp đã dẫn đến thất bại trong chuyển đổi thủ tục hải quan thủ công sang điện tử.

Kinh nghiệm từ bài học này Hải quan Việt Nam trong quá trình triển khai HQĐT, cần phải triển khai:

- Khi nội luật hóa, xây dựng cơ sở pháp lý HQĐT Hải quan Việt Nam phải tiến hành: đánh giá đầy đủ toàn diện thực trạng hệ thống pháp lý hiện hành của Việt Nam, đánh giá các yếu tố tác động trực tiếp và các điều kiện về khả năng thực thi các chuẩn mực trong điều kiện của quốc gia.

Xác định rõ phạm vi nội dung, lộ trình cho từng giai đoạn với bước đi phù hợp trong ứng dụng nội luật hóa từng chuẩn mực hải quan hiện đại vào hệ thống văn bản pháp lý quy định HQĐT của Việt Nam; bao gồm các luật chuyên ngành (hải quan, thuế XNK, thương mại, CNTT...) để đảm bảo sự phù hợp, khả thi, hợp hiến, hợp lý của các quy định pháp lý.

Rà soát, đánh giá mức độ tương thích và khả năng sẵn sàng của các điều kiện cần thiết về: con người, cơ sở hạ tầng, trình độ công nghệ của quốc gia khi tiến hành áp dụng chuẩn mực vào thực tiễn. Từ đó làm căn cứ đưa ra các giải pháp, bước đi phù hợp khả thi hướng tới chuẩn mực hải quan hiện đại.

- Quá trình áp dụng chuẩn mực hải quan hiện đại vào thực hiện HQĐT: cho phép cơ quan hải quan dựa vào tình hình thực tiễn, trình độ của doanh nghiệp xuất nhập khẩu, năng lực đáp ứng của cán bộ hải quan để triển khai phạm vi áp dụng chuẩn mực hải quan hiện đại trong từng giai đoạn cụ thể.

Thực hiện HQĐT theo hệ thống các chuẩn mực hải quan hiện đại là hướng đi cho tất cả các nước trong đó có Việt Nam, tuy nhiên quá trình ứng dụng này cần phải xây dựng lộ trình, bước đi phù hợp với khả năng đáp ứng của quốc gia trong từng giai đoạn để đảm bảo mục tiêu thành công hướng tới công tác quản lý hải quan hiện đại đến năm 2020.

Kết luận Chương 1

Nghiên cứu về thủ tục HQĐT học viên đã bắt đầu xuất phát từ khung lý thuyết các khái niệm cơ bản để hiểu rõ bản chất của vấn đề nghiên cứu về hải quan, thủ tục hải quan, thủ tục HQĐT.

Học viên đã luận giải sâu về lý thuyết những yếu tố tác động đến quá trình áp dụng chuẩn mực hải quan hiện đại vào triển khai HQĐT như: yếu tố bên ngoài (của quốc gia, quốc tế), yếu tố bên trong (nhận thức, bộ máy tổ chức, kỹ thuật khoa học công nghệ, nguồn lực). Từ đó nêu ra những quan điểm mới về lý thuyết các khái niệm thủ tục HQĐT, chuẩn mực hải quan hiện đại.

Thủ tục HQĐT là vấn đề mới ở Việt Nam nhưng đã được quốc tế ứng dụng từ lâu, đã có hơn 90 nước trên thế giới đã thực hiện; do đó học viên đã chọn một số quốc gia để nghiên cứu kinh nghiệm thực tiễn trong xây dựng và triển khai thủ tục hải quan điện tử. Tiêu biểu là Singapore, Nhật Bản, Thái Lan là những quốc gia có nền giao thương và tập quán văn hóa quản lý nhà nước gần gũi với Việt Nam, đồng thời cũng là quốc gia có công nghệ quản lý hải quan hiện đại phù hợp để Hải quan Việt Nam tiếp thu. Từ kinh nghiệm các nước, tác giả đã rút ra 4 bài học thành công và 2 bài học không thành công cho Hải quan Việt Nam để định hướng khi thực hiện hoàn thiện HQĐT.

CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG THỰC HIỆN HẢI QUAN ĐIỆN TỬ TRONG THÔNG QUAN HÀNG HÓA XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU TẠI CỤC HẢI QUAN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

2.1. Giới thiệu về Cục Hải quan thành phố Hải Phòng

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển

Sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, Bộ trưởng Bộ Nội vụ thừa ủy nhiệm của Chủ tịch Chính phủ cách mạng lâm thời Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ký Sắc lệnh số 27/SL ngày 10 tháng 9 năm 1945 thành lập Sở Thuế quan và thuế gián thu, khai sinh ra ngành Hải quan Việt Nam, với nhiệm vụ là: Thu các loại thuế nhập cảng và xuất cảng, thu thuế gián thu. Sau đó ngành thuế quan được giao thêm nhiệm vụ chống buôn lậu thuốc phiện và quyền được định đoạt, hoà giải với các vụ vi phạm về thuế quan và thuế gián thu. Hệ thống tổ chức của ngành thuế quan và thuế gián thu toàn quốc gồm có: Ở Trung ương có Sở thuế quan và thuế gián thu (sau đổi thành Nha quan thuế và thuế gián thu) thuộc Bộ Tài chính. Ở địa phương chia làm 3 miền: Bắc bộ, Trung bộ và Nam bộ, mỗi miền có: Tổng thu Sở thuế quan; Khu vực thuế quan; Chính thu sở thuế quan; Phụ thu sở thuế quan.

Ngày 20 tháng 11 năm 1946, quân đội Pháp đã nổ súng vào thuế quan ta, chiếm Ty thuế quan Hải Phòng. Trong cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp của dân tộc, Hải quan Việt Nam cùng quân dân cả nước phối hợp cùng các lực lượng khác thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước là bao vây và đấu tranh kinh tế với địch. Hiệp định Geneve về chấm dứt chiến tranh ở Đông Dương được ký kết ngày 20 tháng 7 năm 1954, miền Bắc được hoàn toàn giải phóng. Quân Pháp buộc phải rút quân khỏi trung du, đồng bằng Bắc Bộ về tập kết 300 ngày (khu vực Hải Phòng), chờ rút quân về nước. Chính phủ ban hành thể lệ, thủ tục mới về quản lý hoạt động xuất nhập khẩu giữa vùng giải phóng và “khu tập kết 300 ngày”. Bộ Công thương ban hành Nghị định số 87/BTC-NĐ-KB ngày 14 tháng 4 năm 1955 của Bộ công thương về việc thành lập Sở Hải quan Hải Phòng.

Tháng 4/1958, Bộ Thương nghiệp chia tách thành 2 bộ là Bộ Nội thương và Bộ Ngoại thương, ngành Hải quan trực thuộc Bộ Ngoại thương. Hải quan Hải

Phòng được đổi tên là Phân sở Hải quan Hải Phòng và trực thuộc Sở Hải quan Trung ương.

Ngày 17 tháng 6 năm 1962, Bộ Ngoại thương có Quyết định số 490/BNT-QĐ-TCCB đổi tên Sở Hải quan Trung ương thành Cục Hải quan Trung ương trực thuộc Bộ Ngoại thương và đổi tên Phân sở Hải quan Hải Phòng thành Phân cục Hải quan Hải Phòng.

Ngày 20/11/1984, sau khi được Hội đồng Nhà nước phê chuẩn thành lập Tổng cục Hải quan, Hội đồng Bộ trưởng đã ra Nghị định 139/HĐBT quy định chức năng nhiệm vụ quyền hạn, tổ chức bộ máy Tổng cục Hải quan. Phân cục Hải quan Hải Phòng được đổi tên gọi thành Hải quan Thành phố Hải Phòng.

Năm 1994, Hải quan thành phố Hải Phòng được đổi tên thành Cục Hải quan TP Hải Phòng và thủ trưởng cơ quan được gọi là Cục trưởng cục Hải quan tỉnh, thành phố (Quyết định số 91/TCHQ-TCCB ngày 01 tháng 06 năm 1994 của Tổng cục Hải quan).

Sau khi Luật Hải quan ra đời và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2002, bộ máy tổ chức của Tổng cục Hải quan và các cục Hải quan địa phương cũng được sắp xếp xây dựng theo quy định của Luật Hải quan và phù hợp với các quy định về chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và quy trình nghiệp vụ Hải quan. Đến nay Cục Hải quan Hải Phòng gồm 20 đơn vị trực thuộc bao gồm: 09 chi cục Hải quan cửa khẩu và ngoài cửa khẩu, 08 phòng ban tham mưu, 03 đơn vị tương đương (Trung tâm DL&CNTT là đơn vị tương đương cấp phòng; Đội KSHQ là đơn vị tương đương cấp Chi cục và Chi cục kiểm tra sau thông quan là Chi cục thực hiện chức năng riêng biệt) để phù hợp với tình hình mới.

2.1.2. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn

2.1.2.1. Chức năng

Cục Hải quan thành phố Hải Phòng là tổ chức trực thuộc Tổng cục Hải quan, có chức năng giúp Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan quản lý nhà nước về hải quan và tổ chức thực thi pháp luật về hải quan, các quy định khác của pháp luật có liên quan trên 04 tỉnh, thành phố: Hải Phòng, Hải Dương, Hưng Yên, Thái Bình.

Cục Hải quan thành phố Hải Phòng có tư cách pháp nhân, con dấu riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước theo quy định của pháp luật.

2.1.2.2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Tổ chức, chỉ đạo, hướng dẫn và triển khai thực hiện các quy định của nhà nước về hải quan trên địa bàn hoạt động của Cục Hải quan thành phố Hải Phòng, gồm:

- Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, chuyển cửa khẩu, quá cảnh và phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh tại các cửa khẩu, các địa điểm kiểm tra tập trung và các địa điểm kiểm tra khác theo quy định của pháp luật;

- Thu thập, khai thác, xử lý thông tin nghiệp vụ hải quan theo quy định của pháp luật.

- Áp dụng các biện pháp nghiệp vụ cần thiết để chủ động phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới, phòng, chống ma túy trong phạm vi địa bàn hoạt động.

+ Phối hợp thực hiện nhiệm vụ phòng chống buôn lậu; phòng chống vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới, phòng, chống ma túy ngoài phạm vi địa bàn hoạt động của Cục Hải quan.

- Tổ chức thực hiện pháp luật về thuế và các khoản thu khác đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

- Kiểm tra sau thông quan đối với hàng hóa XBK theo quy định của pháp luật;

- Áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

- Thống kê nhà nước về hải quan đối với hàng hóa XNK, quá cảnh và phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh thuộc phạm vi quản lý của Cục Hải quan theo quy định của pháp luật.

Hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra các Chi cục Hải quan trong việc tổ chức triển khai nhiệm vụ được giao.

Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chính sách, pháp luật về hải quan theo quy định của pháp luật.

Xử lý vi phạm hành chính hoặc khởi tố đối với các vụ buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới theo quy định của pháp luật; giải quyết khiếu nại đối với các quyết định hành chính của các đơn vị trực thuộc và giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Kiến nghị những vấn đề cần sửa đổi, bổ sung các quy định của Nhà nước về hải quan đối với hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh và chính sách thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; các quy định của Tổng cục Hải quan về chuyên môn nghiệp vụ và quản lý nội bộ; báo cáo Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan những vướng mắc phát sinh, các vấn đề vượt quá thẩm quyền giải quyết của Cục Hải quan.

Tổ chức triển khai ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ và phương pháp quản lý hải quan hiện đại vào hoạt động của Cục Hải quan.

Phối hợp với các đơn vị trên địa bàn, cơ quan nhà nước và các tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ được giao.

Tuyên truyền và hướng dẫn thực hiện chính sách, pháp luật về hải quan trên địa bàn.

Hướng dẫn, giải thích các vấn đề thuộc phạm vi quản lý của Cục Hải quan theo quy định của pháp luật.

Hợp tác quốc tế về hải quan theo quy định của pháp luật và theo phân công hoặc ủy quyền của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan.

Tổng kết, đánh giá tình hình và kết quả hoạt động của Cục Hải quan; thực hiện chế độ báo cáo theo chế độ quy định.

Quản lý, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức của Cục Hải quan theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý cán bộ của Bộ Tài chính.

Quản lý, lưu giữ hồ sơ, tài liệu, ấn chỉ thuế; quản lý, sử dụng phương tiện, trang bị kỹ thuật và kinh phí hoạt động của Cục Hải quan theo quy định của pháp luật.

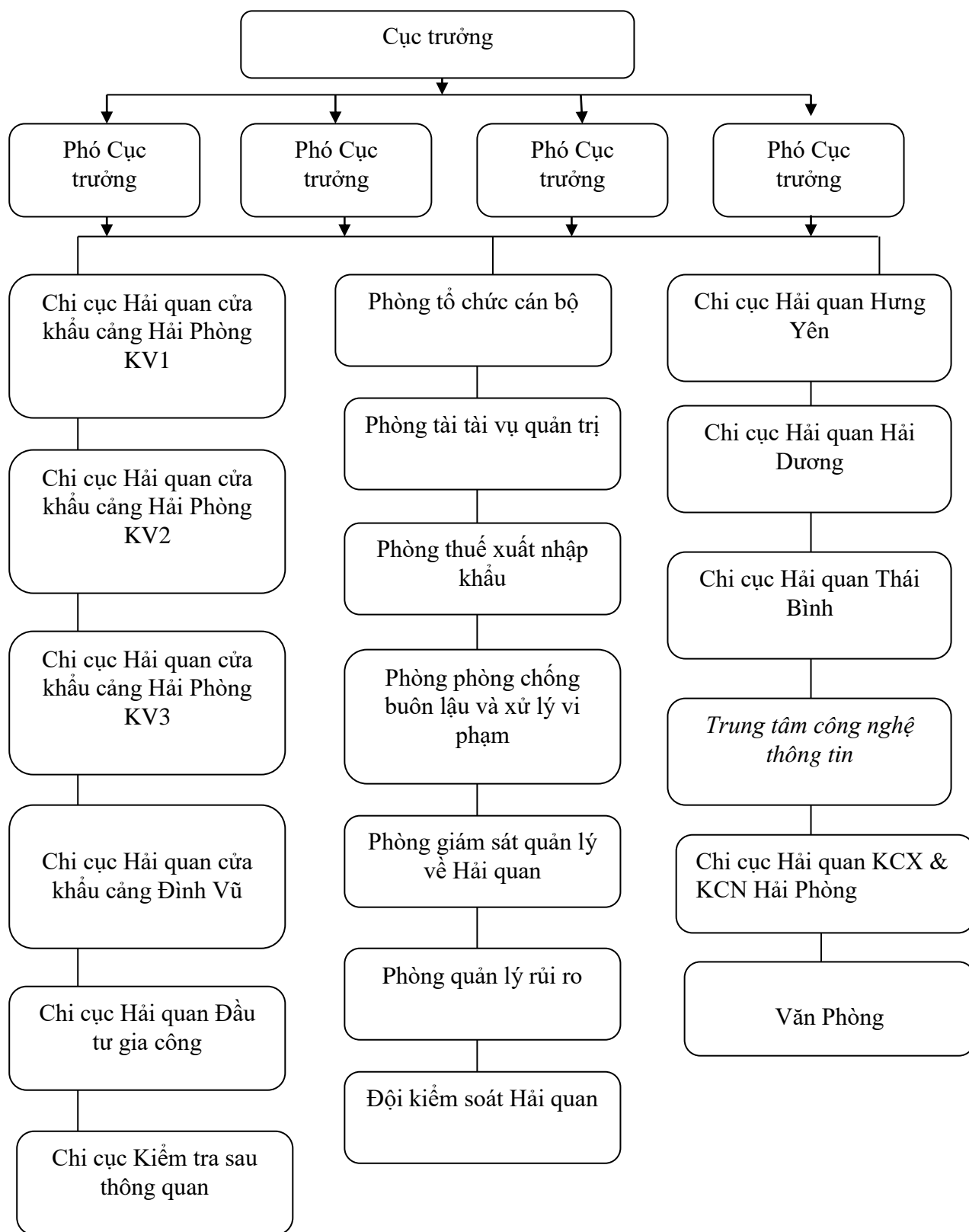
Thực hiện các nhiệm vụ khác do Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan giao và theo quy định của pháp luật.

2.1.3. Tình hình nhân sự và cơ cấu tổ chức

Bảng 2.1: Tình hình nhân sự tại Cục Hải quan Thành phố Hải Phòng

Chỉ tiêu	Số liệu
Tổng số cán bộ công chức	987 người
Kiểm tra viên	899 người
Kiểm tra viên chính	58 người
Hợp đồng lao động	30 người
Trình độ trên Đại học	269 người
Trình độ Đại học	690 người

(Nguồn: Cục Hải quan Hải Phòng)



Hình 2.1 Mô hình tổ chức Cục Hải quan Thành phố Hải Phòng

2.1.4. Một số kết quả hoạt động của Cục Hải quan thành phố Hải Phòng

Cục Hải quan thành phố Hải Phòng là một đơn vị điển hình của Hải quan Việt Nam với rất nhiều thành tích xuất sắc, vượt trội. Trong thời gian qua, Hải quan Hải Phòng đã phát huy nội lực, sáng tạo, áp dụng khoa học công nghệ tiên tiến vào quản lý nhà nước về hải quan; liên tục là đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua toàn ngành Hải quan. Cục Hải quan TP.Hải Phòng luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và đạt được những danh hiệu cao quý như: Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới (năm 2006); Huân chương Lao động hạng Nhất, hạng Nhì; Huân chương Độc lập hạng Nhì; Cờ Thi đua của Chính phủ, Bộ Tài chính, Tổng cục Hải quan; UBND TP Hải Phòng và 3 tỉnh Thái Bình, Hưng Yên, Hải Dương tặng nhiều cờ thi đua và bằng khen. Hàng trăm lượt cá nhân, tập thể được nhận Bằng khen của Chính phủ, Bộ Tài chính, Tổng cục Hải quan, Thành phố Hải Phòng, các tỉnh Thái Bình, Hải Dương, Hưng Yên.

Bảng 2.2: Một số kết quả hoạt động của Cục Hải quan TP. Hải Phòng trong giai đoạn năm 2014 – 2016

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
Số tờ khai xuất khẩu (tờ khai)	294.331	329.434	362.377
Số tờ khai nhập khẩu (tờ khai)	421.448	464.009	543.410
Số vụ vi phạm trong lĩnh vực hải quan	9.275	5.242	5.029
Tổng số vụ khởi tố hình sự	2	7	6
Số thuế thu được (tỷ đồng)	41.085	45.650	48.200

(Nguồn: Cục Hải quan Hải Phòng)

2.2. Thực trạng thực hiện hải quan điện tử trong thông quan hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại Cục Hải quan thành phố Hải Phòng.

2.2.1. Sơ lược quá trình hình thành thủ tục hải quan điện tử tại Việt Nam

Để hình thành thủ tục HQĐT áp dụng thí điểm tại Cục Hải quan TP Hải Phòng như hiện nay, ngành Hải quan đã có quá trình triển khai ứng dụng CNTT từ đầu

thập niên 90. Có 3 sự kiện đáng ghi nhận về quá trình hình thành và phát triển thủ tục HQĐT tại Việt Nam. Đó là:

2.2.1.1. Dự án tự động hóa thủ tục Hải quan ASYCUDA

Dự án này đã được triển khai từ năm 1992 đến năm 1995 tại cảng Hải Phòng, sân bay Tân Sơn Nhất và các cảng biển tại thành phố Hồ Chí Minh, thông qua sự tài trợ của Chính phủ Pháp nhằm áp dụng CNTT vào hoạt động quản lý của Hải quan Việt Nam. Qua dự án, Hải quan Việt Nam được trang bị một hệ thống thông tin nghiệp vụ hải quan ASYCUDA hoàn chỉnh do UNCTAD phát triển cùng với hệ thống thiết bị phần cứng gồm các máy tính cá nhân hiệu Zenith và các máy chủ Server của hãng Bull. Tuy nhiên, việc triển khai thí điểm hệ thống này không đạt được các mục tiêu đề ra vì những nguyên nhân sau đây:

- Không có sự hỗ trợ tại chỗ của các đơn vị tiếp nhận hệ thống (hầu hết các đơn vị trong ngành Hải quan đều không muốn triển khai áp dụng hệ thống này tại đơn vị mình quản lý vì ảnh hưởng đến lợi ích và trình độ chưa đáp ứng với công việc quản lý, điều hành, sử dụng hệ thống).

- Hệ thống chỉ thực hiện riêng lẻ, tại những khu vực triển khai áp dụng, không có sự kết nối với trung tâm vì cơ sở hạ tầng mạng chưa phát triển.

- Hệ điều hành được sử dụng là hệ điều hành Unix, tính tương thích giữa phần cứng, phần mềm ứng dụng kém. Hệ thống bắt buộc phải có Server Unix và đòi hỏi các kỹ năng đặc thù cho việc bảo dưỡng. Giao diện đơn điệu không hấp dẫn và rất khó khăn cho người sử dụng.

- Hệ thống rất khó khăn trong việc thay đổi khi chính sách hải quan thay đổi. Mặc dù vậy, qua dự án này, Hải quan Việt Nam đã được trang bị thêm kiến thức, kinh nghiệm quý giá trong việc xây dựng các hệ thống, đồng thời xây dựng được một nguồn lực CNTT cho ngành sau này.

2.2.1.2. Hệ thống khai hải quan điện tử thông qua Website

Với mục tiêu hỗ trợ các doanh nghiệp trong quá trình khai báo hải quan, ngành hải quan đã xây dựng đề án và triển khai trang web hải quan, cho phép các doanh nghiệp có thể khai báo hải quan trước, dưới dạng điện tử sau đó chuyển hồ sơ đến

cơ quan hải quan để kiểm tra, đối chiếu. Đây là bước khởi đầu, tạo cơ sở cho tin học hoá quy trình nghiệp vụ hải quan. Hệ thống này đã được triển khai thí điểm từ ngày 19/12/2002 tại Cục Hải quan tỉnh Đồng Nai (Chi Cục Hải quan Biên Hòa), Cục Hải quan Hà Nội (Chi cục Hải quan Bắc Hà Nội) và Cục Hải quan TP Hải Phòng (Chi cục hải quan quản lý Hàng đầu tư, Chi cục hải quan quản lý Hàng gia công và Chi cục hải quan Cảng Sài Gòn KVI). Tuy nhiên, sau một thời gian triển khai thực hiện, hệ thống này đã bị các doanh nghiệp từ chối vì các lý do sau:

- Tốn kém thêm chi phí cho việc khai báo (trang bị máy móc, đường truyền; nhân sự thực hiện; thuê doanh nghiệp khai thuê khai báo giùm).
- Tốn kém thêm thời gian khai báo (phải khai báo hai lần: trên máy và trên tờ khai giấy thay vì chỉ khai báo một lần trên tờ khai giấy).
- Thường xuyên gặp rắc rối, phiền phức khi làm thủ tục (chờ đợi khi làm thủ tục vì công chức hải quan chỉ ưu tiên giải quyết hồ sơ giấy; nghẽn mạch, rớt mạng; chương trình khai báo chưa hoàn chỉnh...).

2.2.1.3. Hệ thống thủ tục hải quan điện tử VNACCS/VCIS

Hệ thống VNACCS/VCIS là Hệ thống thông quan tự động và Cơ chế một cửa quốc gia gồm 02 hệ thống nhỏ: (i) Hệ thống thông quan tự động (gọi tắt là Hệ thống VNACCS); (ii) Hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin nghiệp vụ (gọi tắt là Hệ thống VCIS). Hệ thống VNACCS/VCIS gồm các phần mềm chủ yếu: Khai báo điện tử (e-Declaration); Manifest điện tử (e-Manifest); Hóa đơn điện tử (e-Invoice); Thanh toán điện tử (e-Payment); C/O điện tử (e-C/O); Phân luồng (selectivity); Quản lý hồ sơ rủi ro/tiêu chí rủi ro; Quản lý doanh nghiệp XNK; Thông quan và giải phóng hàng; Giám sát và kiểm soát.

Hệ thống VNACCS là hệ thống thông quan hàng hóa tự động của Việt Nam (Tên tiếng Anh là Viet Nam Automated Cargo Clearance System). Hệ thống VNACCS sử dụng cho mục đích thông quan hàng hóa XNK.

So với hệ thống cũ, Hệ thống VNACCS có điểm mới là tập trung cả 03 khâu: Khâu trước, trong và sau thông quan. Hệ thống hiện tại chỉ tập trung khâu trong và sau thông quan. Toàn bộ khâu trước thông quan hiện nay mới chỉ được thực hiện thí

điểm trong khuôn khổ Dự án E-manifest, theo đó, hãng tàu phải gửi trước toàn bộ thông tin manifest về hàng hóa trên tàu cho cơ quan Hải quan.

So với hệ thống cũ, Hệ thống VNACCS mở rộng thêm các chức năng, thủ tục mới, đó là thủ tục đăng ký danh mục miễn thuế, thủ tục áp dụng chung cả hàng mậu dịch và phi mậu dịch, thủ tục đơn giản đối với hàng trị giá thấp, quản lý hàng hóa tạm nhập - tái xuất.

Chức năng khác của Hệ thống VNACCS là tăng cường kết nối với các Bộ, Ngành bằng cách áp dụng Cơ chế một cửa (Single Window). Theo thiết kế, Hệ thống VNACCS có sự kết nối với các Bộ, Ngành. Cơ quan Hải quan sẽ gửi thông tin liên quan đến việc xin cấp phép của các cơ quan chuyên ngành. Kết quả xử lý cấp phép sẽ được thực hiện thông qua Hệ thống.

Tiếp nhận và xử lý phân luồng tự động thông tin khai báo của doanh nghiệp. Hạn chế sử dụng hồ sơ giấy thông qua việc áp dụng chữ ký điện tử. Thời gian xử lý đối với hàng luồng xanh là 1 - 3 giây. Thời gian xử lý đối với luồng vàng và luồng đỏ phụ thuộc vào thời gian kiểm tra hồ sơ và kiểm tra thực tế hàng hóa.

Hệ thống VNACCS kết nối với nhiều hệ thống CNTT của các bên liên quan như: doanh nghiệp kinh doanh kho bãi, cảng, dịch vụ, giao nhận, vận chuyển, ngân hàng, các Bộ, Ngành liên quan.

Về khai báo và xử lý thông tin khai báo trước thông quan: trước thông quan, hệ thống VNACCS hỗ trợ tập trung xử lý thông tin trước khi hàng đến/khai báo để phục vụ cho công tác kiểm tra, giám sát hải quan tại các khâu khai báo.

Một trong những nội dung thay đổi tương đối lớn của Hệ thống VNACCS liên quan đến hàng gia công, sản xuất xuất khẩu và chế xuất. Khi áp dụng Hệ thống VNACCS sẽ thực hiện theo hướng thanh khoản theo từng tờ khai, thực hiện quản lý theo từng phương tiện vận tải. Doanh nghiệp sẽ thực hiện tự khai, tự chịu trách nhiệm và tự thanh khoản. Cơ quan Hải quan chỉ kiểm tra trên cơ sở thông tin QLRR đối với việc thanh khoản.

Về xác định trị giá. Hiện tại, Việt Nam áp dụng 06 mẫu Tờ khai trị giá tương ứng với 06 phương pháp xác định trị giá. Khi áp dụng Hệ thống VNACCS cho phép

gộp một số chỉ tiêu của tờ khai trị giá theo phương pháp trị giá giao dịch vào tờ khai nhập khẩu. Do đó, về cơ bản, đối với phương pháp trị giá giao dịch không cần phải khai riêng tờ khai trị giá như hiện nay. Để đảm bảo việc thông quan hàng hóa nhanh chóng, những lô hàng có sự nghi vấn về giá sẽ chuyển sang khâu sau thông quan để xác định. Bộ phận nào xử lý việc này sẽ được cân nhắc cụ thể trước khi đưa hệ thống này đi vào vận hành.

Về giám sát, quản lý hải quan đối với một số loại hình: khi áp dụng Hệ thống VNACCS, hệ thống sẽ được thực hiện theo hướng đơn giản hóa, gom các quy trình thủ tục theo hướng chuyển cửa khẩu, chuyển cảng, quá cảnh,... về loại hình là hàng hóa vận chuyển chịu sự giám sát của hải quan vì bản chất là việc chuyển hàng hóa từ địa điểm này sang địa điểm khác, chịu sự giám sát của hải quan. Hiện tại chưa có loại hình đối với chuyển cảng. Vì vậy, căn cứ theo Công ước Kyoto sửa đổi và thực tiễn của Hải quan các nước, trong dự thảo Luật Hải quan sửa đổi, bổ sung có đưa nội dung này theo hướng doanh nghiệp vận tải chịu trách nhiệm cập nhật thông tin và phản hồi thông tin trên hệ thống về hàng hóa vận chuyển đang chịu sự giám sát của Hải quan tại điểm đi và điểm đến để phục vụ cho việc theo dõi, giám sát của hải quan.

Về chế độ quản lý của hải quan: Theo quy định hiện tại, hiện có khoảng trên 200 mã loại hình xuất khẩu, nhập khẩu. Để đảm bảo và tạo thuận lợi cho việc quản lý hải quan, thông kê và trên cơ sở khuyến nghị của Công ước Kyoto sửa đổi, Hệ thống VNACCS thực hiện chuẩn hóa các chế độ quản lý hải quan với khoảng 40 mã loại hình xuất khẩu, nhập khẩu. Bên cạnh đó, khi thực hiện Hệ thống VNACCS/VCIS sẽ không phân biệt loại hình mậu dịch và phi mậu dịch, sự khác nhau chủ yếu là về mặt chứng từ. Ngoài ra, một số loại hình đặc thù như hàng hóa mang vào, mang ra của cư dân biên giới, hàng an ninh quốc phòng, hàng trị giá thấp sẽ được thực hiện thủ công

2.2.2. Cơ sở pháp lý cho việc áp dụng thủ tục hải quan điện tử tại Việt Nam

Cơ sở pháp lý cho việc áp dụng thủ tục HQĐT ở Việt Nam được căn cứ vào các văn bản sau đây:

- Luật HQ năm 2001 (Điều 8 và khoản 3 Điều 20) và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật HQ ngày 14/06/2005 (điểm 4, điểm 9 và điểm 13 Điều 1, sửa đổi Điều 8, Điều 16, Điều 22).

- Quyết định số 149/2005/QĐ-TTg ngày 20/06/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc thí điểm thủ tục HQĐT.

- Quyết định số 50/2005/QĐ-BTC ngày 19/07/2005 của Bộ trưởng BTC về Quy trình thực hiện thí điểm thủ tục HQĐT đối với hàng hóa XK, NK. 43

- Công văn số 3339/TCHQ-HĐH ngày 19/08/2005 của TCHQ về việc hướng dẫn quy trình thủ tục HQĐT.

- Luật giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005.

- Nghị định số 57/2006/NĐ-CP ngày 09/06/2006 của CP về TM điện tử.

- Luật Hải quan Số 54/2014/QH13 ngày 23/6/2014

- Nghị định 08/2015/NĐ-CP Quy định chi tiết về biện pháp thi hành Luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan.

2.2.3. Quá trình thực hiện thủ tục hải quan điện tử trong thông quan hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại Cục Hải quan thành phố Hải Phòng

2.2.3.1. Về phía tổ chức hải quan

Để chuẩn bị cho việc áp dụng thủ tục HQĐT tại Cục Hải quan TP Hải Phòng và Cục Hải quan TP Hải Phòng, Bộ tài chính, Tổng cục Hải Quan đã có một quá trình chuẩn bị từ năm 2004. Cụ thể:

- Xây dựng Kế hoạch cải cách, phát triển và hiện đại hóa ngành hải quan theo quyết định số 810/QĐ-BTC ngày 16/03/2014 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

- Thành lập Văn phòng Hiện đại hóa Tổng cục Hải quan bao gồm các chuyên viên từ các Vụ, Cục do một Phó Tổng cục trưởng chỉ đạo trực tiếp để làm đầu mối triển khai các công việc.

- Xây dựng bộ máy tổ chức bộ phận hiện đại hóa tại các đơn vị hải quan tỉnh, thành phố và các đơn vị trực thuộc (Chi cục).

- Tiến hành khảo sát mô hình tại Malaysia và Hàn Quốc.

- Điều tra, khảo sát thực trạng về tổ chức bộ máy, trang thiết bị làm việc, cơ sở hạ tầng mạng, quy trình thủ tục tại các đơn vị hải quan cửa khẩu thuộc Cục Hải quan TP Hải Phòng.

- Xây dựng kế hoạch chi tiết để triển khai thực hiện (mục tiêu thí điểm, lựa chọn đơn vị thực hiện thí điểm, thời gian thực hiện thí điểm, cơ cấu tổ chức bộ máy, xây dựng văn bản cơ sở pháp lý, quy trình nghiệp vụ v.v...).

- Xây dựng mô hình tổ chức áp dụng cho Hải quan Việt Nam. Trong giai đoạn thí điểm sẽ thành lập Chi cục HQĐT tại Cục Hải quan TP Hải Phòng để làm thủ tục HQĐT cho các doanh nghiệp. Bộ máy tổ chức của Chi cục HQĐT bao gồm 4 đội: Văn phòng, Thông quan, kiểm tra sau thông quan và Thu thập, xử lý thông tin, QLRR và KSHQ.

- Xây dựng trụ sở, trang bị máy móc, thiết bị làm việc cho hai Chi cục HQĐT

- Trang bị thiết bị phần cứng (hệ thống máy chủ) cho 2 trung tâm dữ liệu để tiếp nhận, xử lý thông tin khai báo của doanh nghiệp (mỗi Trung tâm 13 máy chủ). Trang bị máy trạm cho các địa điểm làm thủ tục HQĐT tại các Chi cục (kiểm tra, GS công cảng).

- Thiết lập hệ thống mạng từ trung tâm dữ liệu đến Chi cục HQĐT và các Chi cục hải quan cửa khẩu.

- Xây dựng hệ thống xử lý dữ liệu HQĐT trên cơ sở thỏa thuận giữa Tổng cục Hải quan và công ty FPT. Cung cấp cho tổ chức truyền nhận dữ liệu (VAN) chuẩn trao đổi dữ liệu giữa hải quan và doanh nghiệp để tổ chức VAN xây dựng hệ thống khai báo điện tử cho doanh nghiệp.

- Tổ chức kiểm tra và lựa chọn tổ chức VAN. Có 2 tổ chức tham gia là công ty GOL và công ty FPT, nhưng để thuận lợi trong giai đoạn thí điểm Tổng cục Hải quan đã chọn công ty FPT làm tổ chức VAN.

- Xây dựng quy trình thủ tục HQĐT và tổ chức lấy ý kiến doanh nghiệp, các đơn vị hải quan về quy trình thủ tục HQĐT.

- Triển khai đào tạo hướng dẫn cho cán bộ công chức thuộc Chi cục HQĐT và các chi cục HQCK về quy trình và hệ thống xử lý dữ liệu HQĐT.

- Mở lớp tuyên truyền cho lãnh đạo doanh nghiệp về thủ tục HQĐT. Tổ chức cài đặt chương trình, đào tạo sử dụng hệ thống và quy trình thủ tục HQĐT cho toàn bộ các doanh nghiệp được chọn làm thí điểm.

- Phối hợp với các cơ quan báo, đài trong việc tuyên truyền về thủ tục HQĐT.

- Làm việc với UBND Thành phố Hải Phòng để thông báo việc thực hiện thủ tục HQĐT và đề nghị các cơ quan hữu quan phối hợp tốt với cơ quan hải quan trong việc thực hiện thủ tục HQĐT (kho bạc, thuế, công an, quản lý thị trường, đại lý vận tải, giao nhận...).

- Tổ chức vận hành thử hệ thống xử lý dữ liệu HQĐT tại 2 Chi cục HQĐT, các Chi cục Hải quan cửa khẩu và các doanh nghiệp nhằm kiểm tra hoạt động của hệ thống trước khi đưa vào vận hành chính thức.

2.2.3.2. Về phía Cục Hải quan thành phố Hải Phòng

Ngoài những công việc thực hiện theo sự chỉ đạo chung từ Tổng cục Hải quan như đã nêu trên, Cục Hải quan TP Hải Phòng đã thực hiện một số công việc cụ thể sau:

- Cục Hải quan TP Hải Phòng ban hành quyết định về việc thực hiện nội dung cải cách tại Cục Hải quan TP Hải Phòng. Trong đó, bao gồm 45 việc xây dựng, triển khai đề án khai báo tập trung và nối mạng WAN tại trung tâm dữ liệu và CNTT, xây dựng quy trình thủ tục hải quan hiện đại đối với hành lý của khách xuất nhập cảnh, lắp đặt Hệ thống xếp hàng tự động tại Chi cục, xây dựng quy trình thông quan tự động đối với hàng hóa XNK tại Chi cục, xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện nối mạng để truyền manifest từ Đại lý tàu biển đến các Đội tại Chi cục, xây dựng quy trình thông quan tự động đối với hàng hóa XNK tại tất cả các Chi cục.

- Ngày 03/12/2013, Cục trưởng Cục Hải quan TP Hải Phòng đã ban hành Quyết định số 1776/HQTP/QĐ-TCCB về việc thành lập bộ phận chuyên trách giúp lãnh đạo Cục Hải quan TP Hải Phòng về công tác hiện đại hóa hải quan.

- Ngày 31/01/2014, Cục Hải quan TP Hải Phòng tổ chức hội nghị để quán triệt việc triển khai thực hiện Kế hoạch HQĐT tại Cục Hải quan TP Hải Phòng theo ý kiến chỉ đạo của Bộ Tài chính.

- Ngày 22/02/2014, Cục Hải quan TP Hải Phòng tiếp tục tổ chức hội nghị để triển khai thực hiện Kế hoạch HQĐT tại Cục Hải quan TP Hải Phòng.

- Ngày 03/03/2014, Đảng ủy Cục Hải quan TP Hải Phòng đã có Nghị quyết số 07/NQ-ĐU về thực hiện chương trình hiện đại hóa hải quan và HQĐT.

- Từ ngày 14/03/2014 đến ngày 17/03/2014, Bộ phận Hiện đại hóa và các Chi cục Hải quan cửa khẩu đã tổ chức khảo sát, bố trí các địa điểm tiếp nhận làm thủ tục HQĐT tại các Chi cục.

- Từ 01/03/2014 đến 05/04/2014, tổ chức lựa chọn 77 doanh nghiệp trong tổng số 500 doanh nghiệp dự kiến tham gia thủ tục HQĐT và phối hợp với Cục thuế TP Hải Phòng xác nhận tình trạng tài chính và chấp hành pháp luật về thuế của doanh nghiệp.

- Ngày 14/04/2014, chính thức triển khai thủ tục HQĐT tại Chi cục HQĐT cho những doanh nghiệp đầu tiên.

2.2.4. Kết quả thực hiện thủ tục hải quan điện tử tại Cục Hải quan thành phố Hải Phòng

Việt Nam có rất nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển trong lĩnh vực xuất nhập khẩu. Theo thống kê, Việt Nam có 22 cửa khẩu đường bộ quốc tế, 16 cảng biển quốc tế và 7 cửa khẩu hàng không quốc tế. TP. Hải Phòng và TP. Hồ Chí Minh là những nơi có cửa khẩu cảng biển quốc tế lớn, khoảng 80% lượng hàng hóa đi qua cửa khẩu cảng biển tại hai thành phố này. Đặc biệt, sau khi Việt Nam gia nhập tổ chức thương mại thế giới WTO và Hiệp định Thương mại tự do giữa ASEAN và Trung Quốc có hiệu lực từ năm 2010 thì số doanh nghiệp tham gia vào hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu tăng mạnh, lên đến hàng nghìn doanh nghiệp. Với tình hình đó, việc thực hiện thủ tục Hải quan đối với hàng hóa tại địa bàn quản lý của Cục Hải quan TP. Hải Phòng gặp khá nhiều khó khăn. Tuy nhiên, việc thực hiện thủ tục Hải quan vẫn đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật, tạo điều kiện cho doanh nghiệp thông quan hàng hóa nhanh chóng.

Theo quy định pháp luật, thời hạn cơ quan hải quan làm thủ tục hải quan như sau: công chức hải quan kiểm tra hồ sơ chậm nhất 2 giờ làm việc kể từ thời điểm cơ quan hải quan tiếp nhận đầy đủ hồ sơ hải quan; thời gian kiểm tra thực tế hàng hoá

là 8 giờ làm việc kể từ thời điểm người khai hải quan xuất trình đầy đủ hàng hoá cho cơ quan hải quan; trường hợp cần thiết phải gia hạn thì thời gian gia hạn tối đa không quá 2 ngày.

Theo số liệu khảo sát hàng năm, thì chất lượng thực hiện thủ tục Hải quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu tại địa bàn quản lý của Cục Hải quan TP. Hải Phòng, được thể hiện qua bảng số liệu sau:

Bảng 2.3: Tình hình thực hiện thủ tục Hải quan trong năm 2012 - 2016

Chỉ tiêu	Năm	Năm	Năm	Năm	Năm
	2012	2013	2014	2015	2016
1. Hình thức thực hiện thủ tục Hải quan					
Thủ công (Hồ sơ giấy)	45%	20%	14%	9%	3%
Điện tử	65%	80%	86%	91%	97%
2. Thời gian kiểm tra hồ sơ					
Ít hơn 01 giờ làm việc	87%	82%	83%	87%	89%
Từ 01 giờ đến 02 giờ làm việc	23%	18%	16%	13%	11%
Nhiều hơn 02 giờ làm việc	0%	0%	0%	0%	0%
3. Thời gian kiểm tra thực tế hàng hóa					
Ít hơn 08 giờ làm việc	75%	81%	84%	89%	92%
Từ 08 giờ làm việc đến 02 ngày làm việc	24,92%	24,94%	24,95%	24,96%	24,97%
Nhiều hơn 02 ngày làm việc	0,08%	0,06%	0,05%	0,04%	0,035%

(Nguồn: Báo cáo khảo sát hàng năm về chất lượng làm việc của cán bộ công chức Cục Hải quan Thành phố Hải Phòng)

Trong thời gian gần đây, việc thực hiện thủ tục Hải quan đối với hàng hóa XNK đã có những chuyển biến tích cực. Đặc biệt là kể từ khi thực hiện thủ tục HQĐT. Thời gian để cán bộ, công chức Hải quan hoàn thành việc tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ Hải quan và thời gian kiểm tra thực tế hàng hóa có xu hướng giảm. Kết quả tích cực này là do việc giảm thiểu, đơn giản hóa các bước tiến hành; thực hiện

thủ tục Hải quan điện tử; giúp cho thông quan hàng hóa diễn ra nhanh chóng hơn, tạo điều kiện cho doanh nghiệp kinh doanh. Tuy giảm thời gian thực hiện thủ tục Hải quan nhưng cơ quan Hải quan vẫn đảm bảo chất lượng công việc. Trong quá trình thực hiện thủ tục Hải quan, đã phát hiện ra rất nhiều lỗi hàng vi phạm pháp luật.

Mặc dù còn gặp không ít khó khăn và tồn tại, nhưng công tác thực hiện thủ tục HQĐT, thông quan hàng hóa đã có những tiến bộ khá rõ rệt. Việc thực hiện thủ tục HQĐT thông thoáng, nhanh chóng, thuận tiện đã góp phần nâng cao hiệu quả của công tác quản lý nhà nước về Hải quan. Điều này được thể hiện qua các chỉ tiêu như: số lượng doanh nghiệp tham gia kinh doanh xuất nhập khẩu; số lượng tờ khai xuất nhập khẩu, kim ngạch hàng hóa kinh doanh xuất nhập khẩu.

Bảng 2.4: Kết quả kinh doanh hàng hóa xuất nhập khẩu tại Cục Hải quan TP. Hải Phòng trong năm 2012-2016

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013			Năm 2014			Năm 2015			Năm 2016		
		Số lượng	Chênh lệch so với năm 2012		Số lượng	Chênh lệch so với năm 2013		Số lượng	Chênh lệch so với năm 2014		Số lượng	Chênh lệch so với năm 2015	
			±	%		±	%		±	%		±	%
Số lượng doanh nghiệp	13.670	13.950	280	7.62%	14.360	410	10.37%	14.852	492	11.28%	15.510	658	13.56%
Số tờ khai XNK	618.988	660.353	6.52	40.365	715.779	55.426	8.36	793.443	77.664	10.85	905.787	112.334	14.15
Kim ngạch XNK (tỷ USD)	32.3	35.2	2.9	8.97	38.4	3.2	9.09	42.5	4.1	10.67	48.7	5.8	13.64

(Nguồn: Phòng Giám sát quản lý - Cục Hải quan Thành phố Hải Phòng)

Qua bảng trên, thấy rằng số lượng doanh nghiệp tham gia kinh XNK, số lượng tờ khai XNK, kim ngạch XNK tại Cục Hải quan TP. Hải Phòng có xu hướng gia tăng qua các năm. Đặc biệt là từ năm 2014, tỷ lệ gia tăng tương đối nhanh. Do từ năm 2014, Cục Hải quan TP. Hải Phòng triển khai hệ thống thông quan điện tử VNACCS/VCIS, khuyến khích các doanh nghiệp mở tờ khai tại Hải Phòng. Việc thực hiện thủ tục HQĐT, thông quan hàng hóa nhanh chóng, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, đã thu hút doanh nghiệp tham gia hoạt động XNK. Tuy nhiên, số lượng doanh nghiệp kinh doanh XNK, số lượng tờ khai gia tăng nhanh chóng khiến cho việc thực hiện thủ tục Hải quan nói riêng và công tác quản lý nhà nước về Hải quan nói chung cũng gặp nhiều khó khăn.

2.3. Đánh giá kết quả thực hiện thủ tục hải quan điện tử trong thông quan hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại Cục Hải quan TP Hải Phòng

2.3.1. Những ưu điểm

Thứ nhất, thủ tục hải quan điện tử cho phép thực hiện thủ tục hải quan 24 giờ trong tất cả các ngày trong tuần (24/7). Đây là điểm mới so với trước đây khi thực hiện thủ tục hải quan thủ công. Doanh nghiệp có thể khai báo lên hệ thống của cơ quan Hải quan bất cứ thời điểm nào trong ngày và trong tuần. Việc này tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, doanh nghiệp có thể chủ động về mặt thời gian khai báo, không cần lên cơ quan Hải quan để làm thủ tục khai báo, giảm thiểu chi phí đi lại cho doanh nghiệp.

Thứ hai, đơn giản hóa yêu cầu nộp, xuất trình bộ hồ sơ hải quan trên cơ sở cho phép áp dụng chứng từ điện tử, chữ ký số.

Trong từng giai đoạn trong triển khai HQĐT, Tổng cục Hải quan đã kịp thời ban hành nhiều quy trình nghiệp vụ để chuyển đổi từ quy trình thủ tục hải quan truyền thống sang điện tử hóa. Doanh nghiệp khai báo thông tin tờ khai HQĐT để cơ quan hải quan tiếp nhận cấp số tờ khai, các chứng từ liên quan khác được khai báo lên hệ thống dưới dạng điện tử. Do đó, đã giảm chi phí cho doanh nghiệp và xã hội do không phải thực hiện hồ sơ giấy.

Theo báo cáo đánh giá rà soát của ngành hải quan quá trình chuyển đổi sang

HQĐT bằng việc đơn giản hóa 42 thủ tục, bãi bỏ 3 thủ tục đã cắt giảm được chi phí tuân thủ tới 32,11%, tương đương 187 tỷ đồng.

Thứ ba, thời gian xử lý bộ hồ sơ hải quan của hệ thống thủ tục hải quan điện tử nhanh, rút ngắn thời gian thông quan hàng hóa giúp doanh nghiệp giảm chi phí lưu kho, lưu bãi.

Bảng 2.5: Thống kê thời gian trung bình thực hiện thủ tục hải quan để thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu năm 2015

Tiêu chí	Thực hiện TTHQ điện tử	Thực hiện TTHQ truyền thống
Thời gian thông quan hàng hóa trung bình đối với luồng Xanh (<i>phút</i>)	5 -10	60 -180
Thời gian thông quan hàng hóa trung bình đối với luồng Vàng (<i>phút</i>)	20 - 30	180 -360
Thời gian thông quan hàng hóa trung bình đối với luồng Đỏ (<i>phút</i>)	480 - 2400	480 – 2400

(Nguồn: Tổng hợp từ các báo cáo tổng kết TTHQĐT và một số kết quả khảo sát đo lường thời gian thông quan của Tổng cục Hải quan trong giai đoạn 2005 đến 2015)

Như vậy, trong năm 2015 thời gian trung bình để doanh nghiệp và hải quan thực hiện thủ tục hải quan truyền thống (thủ công) ít nhất là: $680.700.120$ phút, tương đương $1.418.125$ ngày làm việc (tám giờ/ngày) = {[60 phút (luồng xanh) X 3.016.155 tờ khai = 180.969.300 phút] + [180 phút (luồng vàng) X 1.435.485 tờ khai = 258.387.300 phút] + [480 phút (luồng đỏ) X 502.799 tờ khai = 241.343.520 phút]} .

Trong khi đó thời gian trung bình năm 2013 để thực hiện thủ tục HQĐT là: $285.133.995$ phút, tương đương 594.029 ngày làm việc (tám giờ/ngày) = {[05 phút (luồng xanh) X 3.016.155 tờ khai = 15.080.775 phút] + [20 phút (luồng vàng) X 1.435.485 tờ khai = 28.709.700 phút] + [480 phút (luồng đỏ) X 502.799 tờ khai = 241.343.520 phút]} .

Như vậy, chênh lệch thời gian thực hiện thông quan hàng hóa giữa HQĐT với

thủ tục hải quan thủ công là: 395.566.125 phút, tương đương 824.096 ngày làm việc (tám giờ/ngày). Khối lượng thời gian tiêu tốn này, cơ quan hải quan và doanh nghiệp đã mất rất nhiều chi phí tài chính, con người, trụ sở làm việc để đáp ứng nhu cầu công việc. Do đó, khi áp dụng HQĐT đã tiết kiệm thời gian, nhân lực, tiền lương, chỗ làm việc và đầu tư trụ sở cơ quan.

- Việc thực hiện thủ tục HQĐT thể hiện rõ quyết tâm đổi mới, cải cách thủ tục hành chính, thay đổi phương thức quản lý của Cục Hải quan TP. Hải Phòng nói riêng và ngành hải quan nói chung. Áp dụng phương pháp QLRR dựa trên nền tảng trang thiết bị hiện đại thay thế cho phương pháp quản lý thủ công truyền thống. Chuyển từ kiểm tra trước, kiểm tra trong thông quan (tiền kiểm) sang kiểm tra sau thông quan (hậu kiểm), tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong việc giải phóng nhanh hàng hóa.

- Việc thực hiện thủ tục HQĐT đã làm giảm một phần áp lực công việc cho các Chi cục Hải quan cửa khẩu. Toàn bộ công việc được xử lý thông qua hệ thống máy tính giúp cho việc quản lý được hiệu quả, khoa học; hạn chế sự tiếp xúc giữa doanh nghiệp và cơ quan hải quan và hạn chế tình trạng tiêu cực xảy ra.

- Xây dựng được hình ảnh đẹp của cơ quan hải quan về cơ sở vật chất, trang bị hiện đại, tác phong làm việc văn minh lịch sự, thái độ, tinh thần phục vụ doanh nghiệp trong hoạt động XNK.

- Những thành công bước đầu của việc thực hiện thủ tục HQĐT tại Cục Hải quan TP Hải Phòng là tiền đề cho việc phát triển thủ tục HQĐT trong tương lai. Qua đó, Tổng cục Hải quan rút ra được nhiều kinh nghiệm trong việc chỉ đạo thực hiện HQĐT thời gian qua, định hướng cho công tác HQĐT thời gian tới, thực hiện thành công Quyết định 149/2005/QĐ-TTg ngày 20/06/2005 của Thủ tướng Chính phủ và tạo ra động lực cho 64 việc cải cách, hiện đại hóa thủ tục hải quan. Đây cũng là tiền đề, bài học kinh nghiệm cho việc triển khai dự án hiện đại hóa hải quan theo vốn vay của Ngân hàng thế giới (World Bank) sau này.

2.3.2. Những nhược điểm, hạn chế còn tồn tại và nguyên nhân

2.3.2.1. Những nhược điểm, hạn chế

Quá trình áp dụng chuẩn mực hải quan hiện đại trong triển khai thủ tục HQĐT những năm qua đã đạt được nhiều thành tựu, song vẫn còn rất nhiều hạn chế còn tồn tại trong đó nổi lên:

Thứ nhất, hệ thống thể chế, chính sách cho áp dụng chuẩn mực hải quan hiện đại trong thủ tục HQĐT của các Bộ ngành với cơ quan hải quan còn nhiều bất cập và thiếu đồng bộ.

Hệ thống thể chế quy định quản lý nhà nước trong hoạt động XNK của các Bộ, ngành (về giấy phép, hạn ngạch, hợp chuẩn, kiểm dịch...) trong những năm qua hầu như chưa nội luật hóa các chuẩn mực hải quan hiện đại để kết nối với cơ quan hải quan thực hiện HQĐT. Cơ sở pháp lý của HQĐT đang được vận dụng trên cơ sở hệ thống văn bản do Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan) xây dựng và ban hành.

Trong khi đó, hệ thống thể chế chính sách do ngành hải quan ban hành phần lớn là mới dừng lại tin học hóa cho quy trình thủ tục hải quan và bắt đầu ứng dụng một số chuẩn mực hải quan hiện đại với mức độ đáp ứng còn hạn chế. So với hệ thống số lượng chuẩn mực tại các công ước, hiệp định về hải quan hiện đại mà Việt Nam đã tham gia thì còn rất nhiều chuẩn mực chưa được nội luật hóa vào hệ thống thể chế chính sách để thực hiện.

Thứ hai, hệ thống CNTT của ngành hải quan với các Bộ ngành chưa được kết nối giao dịch và trao đổi thông tin quản lý chính sách hàng hóa (cấp phép, hạn ngạch) và bản thân hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan còn yếu kém chưa đạt mức độ tự động hóa theo chuẩn mực hải quan hiện đại.

Mặc dù HQĐT đã triển khai được 15 năm, nhưng hệ thống phần mềm để phục vụ cho HQĐT đều do Việt Nam tự xây dựng, dựa trên nền tảng tin học hóa đưa công nghệ thông tin vào từng bước của quy trình hải quan truyền thống. Do đó, hệ thống này không đáp ứng yêu cầu tự động hóa theo chuẩn mực; mặt khác đây là hệ thống phần mềm đóng xây dựng phân tán nên không có chức năng để các Bộ, ngành kết nối trao đổi thông tin.

Thứ ba, tổ chức bộ máy của ngành hải quan công kênh, phân tán, chậm đổi mới để bắt kịp yêu cầu mô hình quản lý tập trung hải quan điện tử, không giới hạn không gian địa lý.

Tồn tại về bộ máy tổ chức đã và đang ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu lực hiệu quả trong triển khai cải cách hiện đại hóa hải quan, cản trở quá trình thực thi quản lý theo nguyên tắc tập trung thống nhất của ngành hải quan.

Thứ tư, đội ngũ nguồn nhân lực còn hạn chế đặc biệt là thiếu hẳn đội ngũ chuyên gia trong nhiều lĩnh vực nghiệp vụ hải quan hiện đại (giá, mã, kiểm soát, tình báo, phân tích phân loại, QLRR, CNTT).

Quá trình ứng dụng triển khai HQĐT cần chuyên môn hóa trong từng khâu nghiệp vụ, điều này đòi hỏi mỗi cán bộ công chức trong dây chuyền phải là chuyên gia thực sự trong lĩnh vực đó. Vì mỗi quyết định của cán bộ công chức đều được cập nhật vào hệ thống và xử lý hàng loạt cho các lô hàng tiếp theo, không phải đơn lẻ như thủ tục hải quan truyền thống (thủ công).

Đặc biệt, khi ứng dụng chuẩn mực hải quan hiện đại trong dây chuyền thủ tục HQĐT thì đội ngũ cán bộ công chức phải có năng lực chuyên môn sâu và cập nhật tốt kiến thức hải quan hiện đại. Tuy nhiên, cho đến nay lực lượng chuyên gia của ngành hải quan đang rất mỏng và thiếu trầm trọng.

2.3.2.2. Nguyên nhân

- Do trải qua một thời kì dài thực hiện thủ tục hải quan theo phương thức thủ công truyền thống, doanh nghiệp đã quen sử dụng phương thức này nên khi chuyển sang ứng dụng HQĐT nhiều doanh nghiệp còn ngại, không muốn thay đổi thói quen thực hiện thủ tục thủ công. Hơn nữa, thủ tục HQĐT là một lĩnh vực mới nên khi triển khai sẽ gặp khó khăn.

- Các thủ tục đầu tư, xây dựng phần mềm, mua sắm trang thiết bị máy móc kéo dài do chờ vốn từ Ngân sách nhà nước. Điều này làm ảnh hưởng tới tiến độ triển khai ứng dụng Hải quan điện tử. Khi hạ tầng chưa đầy đủ thì việc triển khai là rất khó.

- Thực tế hệ thống mạng của Việt Nam hiện nay chưa ổn định, đường truyền dung lượng thấp, do đó khi thủ tục HQĐT được thực hiện đồng bộ trong toàn ngành hải quan sẽ dẫn đến việc bị nghẽn mạng, sập mạng. Đồng thời, hệ thống mạng giữa Hải quan và doanh nghiệp chưa đồng bộ sẽ ảnh hưởng đến việc truyền nhận dữ liệu giữa doanh nghiệp và hải quan.

Hiện nay, vẫn còn tồn tại cả HQĐT và hải quan thực hiện theo phương thức thủ công. Vì thế xuất hiện sự chồng chéo lên nhau trong việc đưa ra các hướng dẫn và tổ chức triển khai.

- Để thực hiện ứng dụng thủ tục HQĐT, doanh nghiệp cần phải đầu tư cơ sở hạ tầng mạng, thiết bị máy tính, con người để khai báo hải quan phục vụ việc thực hiện thủ tục HQĐT. Vì thế một số doanh nghiệp không ủng hộ giải pháp của ngành hải quan do sợ tốn kém chi phí. Hơn nữa, trình độ tin học và sử dụng phần mềm khai báo HQĐT của các doanh nghiệp còn hạn chế nên thao tác thực hiện khai báo chưa đúng theo quy định như truyền quá nhiều lần cho một bộ từ khai, tự ý xóa tờ khai trên phần mềm doanh nghiệp. Điều này ảnh hưởng đến niềm tin của doanh nghiệp về sự hiệu quả của việc thực hiện HQĐT.

- Mặc dù công tác hỗ trợ doanh nghiệp trong việc thực hiện HQĐT đã được ngành Hải quan chú ý nhưng vẫn chưa thật sự hiệu quả, chưa sâu sát do lực lượng công chức chuyên trách về HQĐT còn ít, chưa đáp ứng được nhu cầu cần hỗ trợ của các doanh nghiệp tham gia HQĐT.

Kết luận Chương 2

Hải quan Việt Nam bắt đầu triển khai thủ tục HQĐT từ năm 2005, quá trình này đã trải qua các giai đoạn khác nhau với quy mô từ thí điểm phạm vi hẹp rồi thí điểm mở rộng và chính thức triển khai trên phạm vi toàn quốc từ ngày 01/01/2013. Từ những bước đi đầu tiên là điện tử hóa một số bước trong quy trình thủ tục hải quan đến áp dụng thủ tục HQĐT, Hải quan Việt Nam đã đạt được một số thành tựu nhất định.

Trong chương này, học viên đã tập trung đi sâu phân tích thực trạng của quá trình triển khai thực hiện thủ tục HQĐT của Cục Hải quan TP Hải Phòng. Nội dung phân tích thực trạng được học viên thực hiện phân tích dưới các góc độ:

- Chức năng nhiệm vụ của Cục Hải quan TP Hải Phòng;
- Thực trạng thực hiện hải quan điện tử trong thông quan hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại Cục Hải quan TP Hải Phòng;
- Đánh giá kết quả thực hiện thủ tục HQĐT trong thông quan hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại Cục Hải quan TP Hải Phòng.

Từ phân tích thực trạng, học viên nêu ra những hạn chế và nguyên nhân, làm tiền đề căn cứ để đưa ra những giải pháp khả thi và hiệu quả trong chương 3.

CHƯƠNG III: GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH THỰC HIỆN HẢI QUAN ĐIỆN TỬ TRONG THÔNG QUAN HÀNG HÓA XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU TẠI CỤC HẢI QUAN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

3.1 Định hướng phát triển trong thực hiện thủ tục hải quan điện tử trong thông quan hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của Cục Hải quan Hải Phòng giai đoạn 2015 – 2020

3.1.1. Định hướng

Để khắc phục những nhược điểm, hạn chế đã nêu, Cục Hải quan TP Hải Phòng đã định hướng phát triển thủ tục Hải quan điện tử trong giai đoạn 2015 – 2020 như sau:

3.1.1.1. Tiếp tục hoàn thiện cơ sở hạ tầng về công nghệ thông tin, đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong lĩnh vực hải quan

Cục Hải quan TP Hải Phòng phấn đấu đến năm 2020, hệ thống CNTT hải quan là hệ thống thông minh, xử lý tập trung trên nền tảng công nghệ hiện đại, có khả năng sẵn sàng cao, tích hợp chặt chẽ với các hệ thống thông tin của các bên liên quan đáp ứng yêu cầu công tác quản lý hải quan theo chuẩn mực quốc tế “Mọi lúc – Mọi nơi – Mọi phương tiện”.

Tập trung làm tốt công tác tham mưu, xây dựng và triển khai kế hoạch phát triển và ứng dụng CNTT trong việc thực hiện HQĐT trong toàn ngành Hải quan giai đoạn 2015 – 2020 với các nội dung cụ thể sau:

Một là, đảm bảo duy trì, vận hành các hệ thống CNTT thông tin hải quan ổn định, an ninh, an toàn 24/7, trong đó tập trung các công việc sau: Tổ chức quản trị, giám sát 24/7 tình trạng hoạt động, an ninh, kết nối mạng, truyền nhận dữ liệu và việc khai thác sử dụng các hệ thống công nghệ thông tin đặt tại trung tâm; Thực hiện hướng dẫn, hỗ trợ, giải đáp vướng mắc liên quan hệ thống CNTT và điều phối việc giải đáp vướng mắc liên quan các nghiệp vụ hải quan thực hiện trên hệ thống cho các đối tượng sử dụng hệ thống VNACCS/VCIS, Single Windows và các hệ thống thành phần khác; Thực hiện công tác quản lý, đảm bảo kỹ thuật, an ninh an toàn cho hệ thống CNTT tại trung tâm; Thực hiện công tác bảo trì bảo dưỡng, cải

tạo nâng cấp cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật, hệ thống mạng, trang thiết bị, phần mềm hệ thống của Trung tâm để đảm bảo đủ điều kiện hoạt động theo tiêu chuẩn qui định; Phối hợp với các đơn vị trong và ngoài ngành liên quan đến việc khai thác sử dụng các hệ thống đặt tại Trung tâm và kết nối, truyền nhận dữ liệu giữa các hệ thống tại Trung tâm với các hệ thống bên ngoài.

Hai là, đầu tư nâng cấp, phát triển các hệ thống ứng dụng CNTT hải quan tập trung theo mô hình kiến trúc hướng dịch vụ phục vụ cho triển khai cơ chế một cửa quốc gia, kết nối cơ chế một cửa ASEAN và áp dụng toàn diện CNTT trong các lĩnh vực nghiệp vụ hải quan và công tác quản lý điều hành, trong đó tập trung: Xây dựng và ban hành tiêu chuẩn kỹ thuật hệ thống CNTT hải quan thống nhất; Nâng cấp, phát triển Cổng thông tin một cửa quốc gia đáp ứng yêu cầu kết nối với các hệ thống thông tin của các bộ, ngành tham gia vào Cơ chế một cửa quốc gia để xử lý các thủ tục hành chính, kết nối Cổng thông tin một cửa quốc gia với Cổng thông tin của các nước thành viên ASEAN để trao đổi các thông tin được thỏa thuận theo Hiệp định ASEAN; Nâng cấp, phát triển các hệ thống CNTT phục vụ công tác nghiệp vụ hải quan như hệ thống quá cảnh, hệ thống quản lý các chế độ quản lý hải quan, hệ thống phục vụ công tác miễn, giảm, hoàn thuế, hệ thống để cung cấp, thu thập, trao đổi thông tin với các cơ quan có liên quan, ví dụ cung cấp thông tin tờ khai cho ngân hàng, Tổng cục Thuế, kho bạc,... Hệ thống hỗ trợ ra quyết định, hệ thống thống kê hải quan.

Ba là, đảm bảo xây dựng cơ sở hạ tầng CNTT, bao gồm trang thiết bị, hệ thống mạng thông tin và các giải pháp an ninh, an toàn đảm bảo triển khai có hiệu quả các ứng dụng CNTT.

3.1.1.2 Phát triển nguồn nhân lực có trình độ về công nghệ thông tin

Xây dựng được đội ngũ cán bộ, công chức thuộc Cục có đủ năng lực để quản trị, vận hành các hệ thống CNTT an ninh, an toàn, bền vững; triển khai ứng dụng CNTT trong lĩnh vực hải quan; có các chuyên gia hàng đầu trong các lĩnh vực CNTT. Cán bộ, công chức nghiệp vụ trong ngành sử dụng thành thạo các ứng dụng CNTT. Các doanh nghiệp tham gia hoạt động xuất nhập khẩu sử dụng thành thạo

các ứng dụng CNTT trong quá trình làm thủ tục hải quan. Hình thành đội ngũ đối tác CNTT đáp ứng yêu cầu triển khai ứng dụng CNTT giai đoạn 2015 - 2020.

3.1.1.3 Triển khai thanh toán điện tử, từng bước áp dụng CNTT để thực hiện cải cách hành chính trong lĩnh vực thu, nộp thuế.

Lợi ích mang lại từ thực hiện thanh toán điện tử như: Doanh nghiệp có thể thực hiện thanh toán tiền thuế mọi lúc, mọi nơi, không phụ thuộc vào giờ hành chính; Giảm thời gian nộp thuế cho doanh nghiệp xuất nhập khẩu khi tiến hành thủ tục hải quan. Trước đây, khi thực hiện thủ tục nộp thuế thủ công, thời gian từ khi doanh nghiệp nộp tiền đến khi cơ quan hải quan nhận được thông tin, hạch toán, trừ nợ cho doanh nghiệp mất từ 1 - 2 ngày, cá biệt có thể mất 5 ngày. Sau khi triển khai thí điểm thanh toán điện tử, thời gian nộp thuế còn 3 phút; Hạn chế tình trạng cưỡng chế, xét ân hạn nhằm, gây ảnh hưởng đến quyền lợi của doanh nghiệp; Công tác quản lý theo dõi số liệu nộp thuế nhanh chóng, chính xác hơn; Cùng với việc thực hiện thủ tục hải quan điện tử, việc áp dụng thanh toán điện tử góp phần giảm thời gian thông quan, đơn giản hóa các thủ tục hành chính trong quá trình thông quan; Làm tiền đề cho việc mở rộng thanh toán điện tử đối với các loại phí và lệ phí khi thực hiện các thủ tục hành chính của các bộ, ngành tham gia vào Cơ chế một cửa quốc gia.

3.1.1.4 Đề xuất triển khai Cơ chế một cửa quốc gia và kết nối Cơ chế một cửa ASEAN.

Việc thực hiện Cơ chế một cửa quốc gia mang lại nhiều lợi ích cho doanh nghiệp và cơ quan quản lý nhà nước: Giảm thời gian thực hiện các thủ tục hành chính, đơn giản hóa bộ hồ sơ, tăng cường khả năng kết nối trao đổi thông tin giữa các cơ quan quản lý nhà nước, giảm chi phí thực hiện các thủ tục hành chính, minh bạch và công khai hóa việc thực hiện thủ tục hành chính, tạo tiền đề để tham gia vào Cơ chế một cửa ASEAN và trao đổi thông tin điện tử với các nước theo các hiệp định song phương và đa phương, là động lực để thúc đẩy quá trình cải cách thủ tục hành chính của các cơ quan quản lý nhà nước, thực hiện Chính phủ điện tử.

3.1.1.5 Tập trung triển khai các hoạt động để từng bước ứng dụng công nghệ thông tin một cách toàn diện vào tất cả các mặt công tác nghiệp vụ của ngành

Bên cạnh việc xây dựng phần mềm thông quan điện tử, Cục Hải quan TP Hải Phòng đang tiến hành triển khai ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ cho công tác quản lý theo từng chế độ, loại hình nghiệp vụ như: quản lý gia công, sản xuất xuất khẩu, tạm nhập tái xuất, chế xuất, theo dõi và quản lý cửa hàng miễn thuế, kho ngoại quan, hệ thống mã vạch trong công tác giám sát hải quan, mô hình thông quan hàng hóa có áp dụng kỹ thuật quản lý rủi ro, hệ thống quản lý các doanh nghiệp kiểm tra sau thông quan, hệ thống thông tin quản lý vi phạm hải quan...

3.1.2. Mục tiêu

- Đến năm 2020, thực hiện hệ thống VNACCS/VCIS kết nối với hệ thống cơ chế một cửa quốc gia, kết hợp với các Bộ, Ban ngành.

- Doanh nghiệp không cần xuất trình hồ sơ, các chứng từ giấy. Doanh nghiệp truyền gửi các chứng từ điện tử cho cơ quan hải quan thông qua hệ thống.

3.2. Giải pháp đẩy mạnh việc thực hiện thủ tục hải quan điện tử trong thông quan hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại Cục Hải quan thành phố Hải Phòng

3.2.1. Phát triển hạ tầng viễn thông - ứng dụng công nghệ công tin đáp ứng yêu cầu thực hiện thủ tục hải quan điện tử theo chuẩn mực hải quan hiện đại

Để thực hiện được thủ tục HQĐT thì cần xây dựng hạ tầng viễn thông - công nghệ thông tin cho 3 hệ thống trụ cột như sau:

Thứ nhất, xây dựng nâng cấp hệ thống viễn thông kết nối giữa các cơ quan hải quan - hải quan.

Đây là hệ thống lõi và quan trọng nhất trong mọi hoạt động tác nghiệp nghiệp vụ hải quan điện tử. Trước yêu cầu áp dụng các chuẩn mực hải quan hiện đại để doanh nghiệp được khai báo trước, thông quan tự động, tự động tính thuế, tự động nộp thuế, mở rộng trao đổi thông tin kết nối bộ ngành...thì hệ thống hiện hành không đáp ứng được khối lượng khổng lồ dữ liệu luân chuyển trên hệ thống với cường độ 24/24 giờ với cả 7 ngày trong tuần.

Hệ thống này phải trang bị đầy đủ các hạng mục gồm: thiết lập hệ thống các

trạm máy chủ tại các hải quan khu vực, vùng; cung cấp đầy đủ máy tính cá nhân cho cán bộ hải quan có kết nối internet tốc độ cao; thiết lập và nâng cấp song song 2 phân hệ chính thức và dự phòng khi có sự cố; kết nối hệ thống công nghệ thông tin của hải quan với hệ thống viễn thông vệ tinh để giám sát chu trình đường đi của hàng hóa, phương tiện vận tải xuất nhập cảnh giữa hải quan các vùng với nhau; cung cấp dịch vụ công trực tuyến ngành hải quan mức độ 4 và kết nối, chia sẻ thông tin với bộ, ngành.

Ngoài ra hệ thống lõi này phải được tích hợp đầy đủ kết nối xử lý kịp thời với các hệ thống kết toán thuế (KT559), hệ thống thanh toán thuế qua ngân hàng (E-Payment), hệ thống theo dõi thanh khoản điện tử cho loại hình gia công, sản xuất xuất khẩu, chế xuất, hệ thống phục vụ công tác trị giá tính thuế (GTT 02), hệ thống quản lý rủi ro (Risk man).

Thiết lập và vận hành tốt hệ thống hải quan – hải quan sẽ góp phần tạo nền tảng cho việc chuyển căn bản phương thức quản lý hải quan theo hướng hiện đại, phù hợp định hướng xu hướng phát triển của hải quan các nước trong khu vực và trên thế giới.

Thứ hai, xây dựng hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin kết nối giữa cơ quan hải quan - cơ quan Bộ ngành.

Khi thực hiện thủ tục HQĐT thì một trong những chuẩn mực hải quan hiện đại mà cần áp dụng đó là giảm thiểu chứng từ thuộc bộ hồ sơ hải quan để cải cách thủ tục hành chính, giảm chi phí cho doanh nghiệp. Để làm được điều này thì cần phải xây dựng hệ thống kết nối thông tin dữ liệu quản lý nhà nước về XNK giữa cơ quan hải quan với các bộ ngành.

Trong đó xây dựng được hệ thống có chức năng đảm bảo: doanh nghiệp tham gia hoạt động XNK chỉ cần gửi thông tin cấp phép hàng hóa và các chứng từ điện tử liên quan hàng hóa đến cổng tiếp nhận duy nhất. Các cơ quan nhà nước xử lý dữ liệu, thông tin và ra quyết định dựa trên hệ thống thống nhất và đồng bộ; gửi quyết định này tới hệ thống được trao đổi thông tin giữa các cơ quan. Hải quan ra quyết định cuối cùng về việc thông quan, giải phóng hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá

cảnh hoặc phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh trên cơ sở thông tin của các cơ quan Nhà nước có liên quan.

Thứ ba, xây dựng hệ thống tự động tiếp nhận xử lý dữ liệu khai báo hải quan về XNK hàng hóa, xuất nhập cảnh phương tiện vận tải giữa cơ quan hải quan - doanh nghiệp.

Hệ thống HQĐT hiện nay đang được vận hành trên cơ sở điện tử hóa một số khâu nghiệp vụ trong quy trình thông quan hàng hóa và có nâng cấp tự động hóa một số bước trong tiếp nhận và phản hồi cho doanh nghiệp. Tuy nhiên để hoàn thiện thủ tục HQĐT theo 12 chuẩn mực hải quan hiện đại thì cần phải đẩy mạnh ứng dụng CNTT, nâng cao cấp độ đáp ứng về tiếp nhận khai báo 24/24 và tương tác tự động hai chiều giữa hải quan - doanh nghiệp.

Từ nay đến năm 2020 Hải quan Việt Nam cần đẩy mạnh đột phá, ứng dụng thành quả CNTT của các nước có trình độ quản lý hải quan hiện đại như Nhật Bản để xây dựng hệ thống ứng dụng CNTT hiện đại (gồm cả phần cứng hạ tầng máy móc thiết bị và phần mềm xử lý dữ liệu điện tử) vào thực hiện thủ tục HQĐT tập trung thực hiện các nội dung sau:

- Xây dựng và hoàn thiện thiết kế quy trình nghiệp vụ tự động, trong đó có cấu phần khai báo và tiếp nhận cơ chế một cửa;
- Thiết lập và công bố chuẩn dữ liệu giao tiếp, các tiêu chí kỹ thuật định dạng EDI/EDIFACT tất cả các nghiệp vụ hải quan;
- Xây dựng phần mềm hệ thống tiếp nhận với các hệ thống xử lý thông tin tình báo hải quan, hệ thống về trị giá tính thuế, kế toán thuế, QLRR...
- Xây dựng cấu trúc CNTT và các phần mềm đầu cuối;
- Thiết lập phần mềm xử lý đảm bảo tính sẵn sàng hoạt động liên tục, có khả năng xử lý back up khi có sự cố xảy ra.

Giải pháp cho an ninh, an toàn hệ thống thực hiện thủ tục hải quan điện tử của cơ quan hải quan và cả doanh nghiệp

Hiện nay nguy cơ quan hải quan và doanh nghiệp bị hacker và mất dữ liệu thông tin trong suốt quá trình thực hiện thủ tục hải quan là rất lớn và đòi hỏi phải có

những giải pháp để đảm bảo cho an ninh an toàn của hệ thống.

Thứ nhất, đối với an ninh an toàn cho hệ thống phần mềm, cần thực hiện:

- Tăng cường đẩy mạnh tuyên truyền với nhiều hình thức phù hợp nhằm nâng cao nhận thức về bảo mật thông tin cho cán bộ hải quan và người khai hải quan phải thực hiện đúng thao tác, quy trình về việc mã hóa thông tin bí mật nhà nước trong quá trình xử lý, lưu trữ và phản hồi thông tin cho doanh nghiệp trên phần mềm khai báo tiếp nhận.

- Thực hiện cài đặt và thiết lập các lớp firewall ở hệ thống đầu tiếp nhận và bên trong đầu xử lý phân luồng hồ sơ hải quan để chống lại các cuộc tấn công từ môi trường bên ngoài như hacker, virus, spam....bảo vệ hệ thống giảm thiểu tối đa các ảnh hưởng xấu từ bên ngoài.

- Đẩy mạnh áp dụng chữ ký số, chữ ký điện tử vào tất cả các khâu nghiệp vụ trong dây chuyền thủ tục hải quan điện tử khi đăng nhập và xử lý dữ liệu của cơ quan hải quan và hệ thống khai báo quản trị của doanh nghiệp. Đồng thời triển khai giải pháp liên thông giữa hệ thống chứng thực điện tử chuyên dùng Chính phủ do Ban Cơ yếu đảm nhiệm với các hệ thống chứng thực điện tử công cộng do Bộ Thông tin truyền thông cấp phép và quản lý.

- Triển khai đồng thời giữa xây dựng cơ sở hạ tầng và phát triển nguồn nhân lực đầu tư cho an ninh an toàn bảo mật thông tin tương xứng với mức độ quan trọng của hệ thống.

Thứ hai, đối với việc bảo đảm an ninh an toàn cho hệ thống phần cứng cần thực hiện giải pháp:

- Thiết lập cơ chế lớp an ninh firewall bảo vệ hệ thống máy chủ (serverfarm) - internal firewall, xây dựng các phân hệ tường lửa nội bộ (internal firewall). Đây là cửa ngõ kiểm soát trước khi đi vào khu vực xử lý các nghiệp vụ hải quan cho hàng hóa như thuế, trị giá, xuất xứ...là khu vực các máy chủ trung tâm.

- Thiết lập cơ chế ngăn chặn các tấn công từ môi trường bên ngoài xâm nhập vào hệ thống, các thiết bị tường lửa còn phải phân tích các truy cập từ cả trong mạng LAN, lọc và ngăn chặn được những tấn công xuất phát từ trong nội bộ.

- Hạn chế kết nối vào hệ thống (kết nối vật lý) tại những vị trí không được phép thông qua tính năng port security, VLAN access control list của thiết bị mạng.

- Phân vùng VLAN hạn chế các dữ liệu vô ích (Broadcast, ARP signal...) tràn ngập từ khu vực này qua khu vực khác, tận dụng tối đa băng thông cho thông tin có ích của hệ thống.

3.2.2. Đẩy mạnh kết nối, trao đổi với các ngân hàng trong thanh toán điện tử

Hiện nay, Tổng cục Hải quan đã thực hiện kết nối, trao đổi thông tin với 19 ngân hàng thương mại, tổng số tiền thuế thực hiện qua hình thức thanh toán điện tử chiếm tỷ lệ 59,71% tổng số thu của ngành Hải quan. 100% các cục hải quan và chi cục hải quan đã thực hiện chấp nhận thanh toán điện tử.

Bắt đầu từ tháng 11/2017, toàn ngành Hải quan thực hiện thí điểm trao đổi thông tin và triển khai mở rộng trên phạm vi toàn quốc đề án “Nộp thuế điện tử qua ngân hàng phối hợp thu và thông quan 24/7” với mục tiêu là tạo thuận lợi tối đa cho người nộp tiền thuế mọi lúc, mọi nơi, mọi phương tiện, hạn chế tối đa việc thanh toán bằng tiền mặt, đảm bảo thông tin nộp tiền được thanh khoản thuế kịp thời, chính xác, giảm thời gian nộp thuế, đồng thời thông quan hàng hóa ngay sau khi nộp thuế, qua đó rút ngắn thời gian hoàn thành thủ tục hải quan đối với hàng hóa XNK của DN xuống bằng mức trung bình của nhóm nước ASEAN-4 theo chỉ đạo của Chính phủ.

Đề án cũng cho phép người nộp thuế được lập bảng kê nộp thuế trực tiếp trên Cổng thanh toán điện tử Hải quan mọi lúc, mọi nơi, mọi phương tiện có kết nối với internet và được ngân hàng xác nhận kết quả giao dịch nộp thuế thành công ngay sau khi nhận được yêu cầu chuyển tiền nộp thuế và thực hiện thông quan ngay hàng hóa.

Việc cơ quan Hải quan triển khai nộp thuế điện tử qua ngân hàng phối hợp thu và thông quan 24/7 để khắc phục những vướng mắc trong việc nộp thuế điện tử trong thời gian qua và để tiếp tục đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm thời gian thông quan hàng hóa, giảm thời gian và chi phí cho cơ quan Hải quan và DN, tạo

thuận lợi cho người nộp thuế, góp phần làm giảm thời gian hoàn thành thủ tục XK, NK của DN.

Việc triển khai này sẽ đảm bảo không phát sinh thêm thủ tục hành chính đồng thời hỗ trợ người nộp thuế thêm một phương thức nộp thuế mà theo đó người nộp thuế được lựa chọn thời gian, hình thức, địa điểm nộp tiền thuế, không còn giới hạn về thời gian làm việc của Ngân hàng thương mại hay giới hạn việc ngân hàng thương mại đã có hệ thống Internet banking hay chưa.

Với hình thức này sẽ đảm bảo thông tin nộp thuế của người nộp thuế toàn vẹn, không lộ bí mật thông tin trong quá trình trao đổi trên hệ thống, đặc biệt nó sẽ khắc phục hạn chế về giới hạn trường thông tin nộp tiền khi trao đổi một hoặc nhiều giấy nộp tiền thanh toán qua liên ngân hàng, khắc phục được hạn chế về thời gian giao dịch của các Ngân hàng thương mại.

Riêng đối với cơ quan Hải quan cũng đảm bảo an toàn trong công tác quản lý, đơn giản quy trình thu nộp thuế, trừ nợ chính xác khoản nợ thuế kịp thời ngay sau khi DN nộp thuế, chấm dứt tình trạng cưỡng chế nhậm và hạn chế tối đa việc phải điều chỉnh chứng từ nộp tiền.

Và với các ngân hàng thương mại phối hợp thu với Tổng cục Hải quan, hình thức thu thuế mới này sẽ giúp các ngân hàng phát triển và nâng cao dịch vụ thanh toán cho khách hàng, thu hút thêm khách hàng tiền nạng, hạn chế sai sót thông tin.

3.2.3. Tiếp tục triển khai các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin vào tất cả các mặt công tác nghiệp vụ của ngành

Ngày 11/12, tại trụ sở Cục Hải quan Hải Phòng, Tổng cục Hải quan tổ chức Lễ công bố “Hệ thống quản lý hải quan tự động tại cảng biển-VASSCM”.

“Hệ thống quản lý hải quan tự động tại cảng biển-VASSCM” giúp thay đổi căn bản phương thức quản lý, giám sát hàng hóa XNK tại cảng biển. Giúp cải cách, đơn giản hóa thủ tục, giảm thời gian thông quan, nhưng vẫn đảm bảo yêu cầu quản lý. “Hệ thống quản lý hải quan tự động tại cảng biển-VASSCM” hợp nhất thực hiện quy trình 2 trong 1 theo chế độ một cửa đối với cả quy trình tại cơ quan Hải quan và DN kinh doanh cảng, kho, bãi.

Việc bố trí vị trí làm việc của cơ quan Hải quan và DN cảng tại cùng 1 địa điểm để giải quyết thủ tục lấy hàng cho DN là điều kiện thuận lợi cho DN cảng cung cấp thông tin và phối hợp với cơ quan Hải quan trong việc theo dõi, kiểm tra hàng hóa ra, vào, lưu giữ tại khu vực cảng, kho, bãi theo khoản 4 điều 41 Luật Hải quan; đồng thời giúp cho người khai hải quan không phải di chuyển qua lại giữa Hải quan và DN cảng để làm thủ tục lấy hàng.

3.2.4. Biện pháp xây dựng và phát triển nguồn nhân lực

Phát triển nguồn nhân lực cho ngành Hải quan bao gồm cả số lượng, chất lượng đội ngũ nhưng phải đặc biệt coi trọng mặt chất lượng để làm nền tảng phát triển tính chuyên nghiệp cao và đạo đức công vụ tốt.

Nguồn nhân lực hiện nay của Hải quan Việt Nam đều do các trường đại học, cao đẳng của các lĩnh vực kinh tế, ngoại thương, thương mại, tài chính, an ninh, biên phòng, bách khoa...đào tạo cơ bản, khi được tuyển vào ngành thì được bồi dưỡng lớp nghiệp vụ ngắn hạn từ 3 đến 6 tháng. Mặc dù kiến thức nghiệp vụ hải quan rất rộng và sâu, cán bộ hải quan phải nắm bắt rõ thì mới tác nghiệp được, nhưng thời lượng được đào tạo chỉ chiếm rất ít so với thời gian học tập ở cấp đại học cao đẳng từ 3 đến 5 năm.

Do đó, hầu hết các cán bộ hải quan khi làm việc đều sử dụng kiến thức đại học và kiến thức do các đồng nghiệp chỉ bảo và thực hiện theo, thực trạng này đặt ra yêu cầu lớn phải xây dựng chiến lược, nội dung đào tạo dài hạn cho cán bộ hải quan và đội ngũ chuyên gia trình độ cao để khắc phục hiện trạng và đáp ứng thực hiện phương thức quản lý hiện đại bằng thủ tục HQĐT.

3.2.2.1. Xây dựng chiến lược đào tạo đội ngũ chuyên gia từ nay đến 2020

Trong kế hoạch đào tạo cán bộ công chức của ngành hải quan mới chỉ dừng lại ở việc xây dựng kế hoạch ngắn hạn hàng năm và kế hoạch trung hạn, chưa có một chiến lược đào tạo dài hạn được xây dựng và được cấp có thẩm quyền phê duyệt để làm căn cứ thực hiện. Do vậy, trong giai đoạn từ nay đến năm 2020 cần phải xây dựng được chiến lược đào tạo cán bộ, công chức hải quan mà trọng tâm là tập trung đào tạo các chuyên gia giỏi trong một số lĩnh vực mũi nhọn, chủ chốt của ngành

như: trị giá hải quan, mã HS, thuế, phân loại hàng hóa, quản lý rủi ro, tình báo hải quan, kiểm tra sau thông quan, kiểm soát hải quan, quản trị hệ thống công nghệ thông tin, luật pháp quốc tế.

Đồng thời, trong chiến lược cần xây dựng phân lớp đào tạo cho các đối tượng cán bộ mới tuyển dụng vào ngành, cán bộ đã có thời gian công tác từ 5 đến 10 năm và cán bộ công tác từ 10 đến 15 năm, với các trình độ chuyên sâu khác nhau.

Thứ nhất, đối với cán bộ mới vào ngành cần giao nhiệm vụ cho trường Hải quan Việt Nam đào tạo, với mục đích là “cầm tay chỉ việc” rèn luyện kỹ năng cơ bản cho cán bộ khi thừa hành nhiệm vụ trong từng lĩnh vực. Mục tiêu phải đạt 100% công chức hải quan được đào tạo bài bản, với thời gian 01 năm, đây là thời gian phù hợp để một công chức được trang bị đầy đủ nghiệp vụ cơ bản về hải quan để sau khi đào tạo có thể làm việc độc lập.

Thứ hai, đối với cán bộ đã có thời gian công tác từ 5 đến 10 cần tiến hành gửi ra các cơ sở học viện đào tạo cán bộ hải quan của Tổ chức Hải quan thế giới (WCO) đặt tại một số nước Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Malaysia. Phạm vi nội dung cần xác định đào tạo chuyên sâu theo từng lĩnh vực nghiệp vụ về: trị giá hải quan, mã HS, thuế, phân loại hàng hóa, quản lý rủi ro, tình báo hải quan, kiểm tra sau thông quan, kiểm soát hải quan, quản trị hệ thống công nghệ thông tin, luật pháp quốc tế với thời gian học tập 2 năm tương đương trình độ thạc sỹ hải quan.

Thứ ba, đào tạo cho đội ngũ cán bộ đã có thời gian công tác trong ngành từ 10 đến 15 năm, tiếp tục thực hiện gửi đi đào tạo tại các học viện, đại học đào tạo về chuyên gia cấp cao do Tổ chức Hải quan thế giới ủy quyền tại Mỹ, Anh, Pháp, Bỉ, Australia. Phạm vi nội dung ngoài đào tạo trình độ chuyên sâu còn đào tạo kiến thức chuyên gia trong các lĩnh vực: xây dựng chiến lược phát triển hải quan, quản trị chiến lược phát triển hải quan, xây dựng chính sách pháp luật hải quan, xây dựng chính sách hội nhập và thực thi cam kết quốc tế về thương mại với thời gian học tập 3 năm tương đương cấp trình độ tiến sĩ hải quan

3.2.2.2. Tập trung nguồn tài chính cho đào tạo đội ngũ chuyên gia

Hiện nay, bình quân ngân sách nhà nước chi cho giáo dục vào đào tạo trung

bình xấp xỉ 20% GDP, tuy nhiên mức kinh phí dành cho đào tạo cán bộ, công chức của ngành hải quan hàng năm chỉ chiếm con số khiêm tốn từ 2% đến 5% tổng chi phí thường xuyên của ngành, thấp hơn nhiều của toàn xã hội.

Con người là chìa khóa thành công của mọi vấn đề, đặc biệt là chất lượng nguồn nhân lực trong thực thi công vụ nhà nước về lĩnh vực hải quan. Đặc thù cán bộ hải quan luôn phải tiếp xúc với hàng hóa, tiền hàng ngày, nếu không có đủ trình độ chuyên môn sâu thì khi thực hiện thủ tục quan cho doanh nghiệp dễ bị làm sai gây thất thoát cho ngân sách nhà nước và thiệt hại cho cả doanh nghiệp với những quyết định sai trái.

Để thực hiện thành công chiến lược đào tạo chuyên gia hải quan có trình độ cao từ nay đến năm 2020 thì yêu cầu đặt ra là cần nâng lên mức tài chính dành cho đào tạo từ 20% đến 25% tổng chi phí thường xuyên hàng năm của ngành hải quan. Do hệ thống đào tạo giáo dục của Việt Nam về chuyên ngành hải quan mới chỉ dừng lại ở bậc đại học ở Học viện Tài chính, cao đẳng ở trường cao đẳng Tài chính Hải quan, vì vậy để đào tạo các chuyên gia hải quan có trình độ cao đạt trình độ quốc tế thì phải gửi ra nước ngoài đào tạo nên mức kinh phí tài chính đòi hỏi phải tương xứng.

3.2.2.3. Xác định phạm vi nội dung cần đào tạo trình độ cao nhằm đáp ứng thực hiện thủ tục hải quan điện tử theo các chuẩn mực hải quan hiện đại

Trong lĩnh vực hải quan có hơn 35 nghiệp vụ cơ bản, tuy nhiên từ nay đến năm 2020 ngành hải quan sẽ lựa chọn một số nghiệp vụ trọng tâm, cốt lõi có sức ảnh hưởng đến công tác quản lý nhà nước về hải quan mà gần gũi và phục vụ trực tiếp cho việc nâng cao thực hiện thủ tục HQĐT theo chuẩn mực hải quan hiện đại. Những lĩnh vực nghiệp vụ cần tập trung đào tạo ở trình độ chuyên gia giỏi gồm: kỹ thuật QLRR, quản lý tuân thủ, kiểm soát rủi ro, CNTT, quản lý đảm bảo hệ thống, giao dịch và thông tin điện tử, quản lý an ninh thông tin, thu thập xử lý thông tin tình báo, kiểm soát chống buôn lậu, kiểm soát bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, giám quản lý hàng hóa XNK, giám quản phương tiện xuất nhập cảnh, kiểm tra trị giá hải quan, kiểm tra mã số, thuế suất hàng hóa XNK, kiểm tra sau thông quan hàng hóa

XNK, kiểm tra chính sách thương mại, hợp tác hội nhập quốc tế, xây dựng chính sách pháp luật, phân tích phân loại hàng hóa XK, xây dựng chiến lược hiện đại hóa hải quan, quản lý đánh giá hiệu quả hoạt động hải quan.

Trong các nghiệp vụ này cần phân loại để đào tạo ở cả 3 cấp độ; với cấp độ đào tạo chuyên trách (thời gian đào 01 năm) tất cả lĩnh vực nghiệp vụ; đào tạo chuyên gia trình độ thạc sĩ hải quan (02 năm) tập trung vào các lĩnh vực nghiệp vụ trị giá hải quan, mã HS, thuế, phân loại hàng hóa, quản lý rủi ro, tình báo hải quan, kiểm tra sau thông quan, kiểm soát hải quan, quản trị hệ thống CNTT, luật pháp quốc tế; cấp độ đào tạo chuyên gia cao cấp trình độ tiến sĩ hải quan (03 năm) tập trung đào tạo các lĩnh vực về xây dựng chiến lược phát triển hải quan, quản trị chiến lược phát triển hải quan, xây dựng chính sách pháp luật hải quan, xây dựng chính sách hội nhập và thực thi cam kết quốc tế về thương mại, QLRR, trị giá hải quan.

3.3. Một số kiến nghị

3.3.1. Đối với cơ quan quản lý Nhà nước

Cần phải rà soát văn bản quy phạm pháp luật Hải quan. Đây là công việc tưởng chừng đã quá quen thuộc đối với các cơ quan Nhà nước trong những năm gần đây nhưng có vai trò quyết định bởi qua công việc này, các cơ quan nhà nước nói chung sẽ định hướng xây dựng hệ thống pháp luật, trong đó có Luật hải quan và các văn bản quy phạm pháp luật khác phù hợp với yêu cầu hiện đại hoá, hội nhập quốc tế của đất nước. Cần rà soát, đối chiếu quy định của pháp luật Hải quan hiện hành với các văn bản quy phạm pháp luật, các điều ước của các tổ chức quốc tế có liên quan đến hoạt động Hải quan (WCO, ASEAN, APEC, Hiệp định thương mại Việt-Mỹ...), đối chiếu với yêu cầu quản lý trên thực tế để kiến nghị sửa đổi, bổ sung hoặc huỷ bỏ cho phù hợp. Đặc biệt phải đối chiếu quy trình thủ tục HQĐT, tờ khai HQĐT, bộ hồ sơ hải quan, phương pháp xác định trị giá tính thuế, áp mã thuế hàng hoá, phương thức tính thuế, thu thuế hiện hành... với Công ước HS, Hiệp định trị giá GATT/WTO, Hiệp định TRIPS, Công ước Kyoto sửa đổi và các chuẩn mực, thông lệ quốc tế về hải quan, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

Ban hành các văn bản pháp lý để thủ tục HQĐT phát triển trên diện rộng về quy mô, loại hình XNK và địa bàn như nghị định về thủ tục HQĐT, CNTT, đầu tư, sở hữu trí tuệ v.v... Trong đó, chú trọng đến nghị định về thủ tục HQĐT vì nó là cơ sở quan trọng để thực hiện và phát triển thủ tục HQĐT.

Ngoài ra, cũng cần nghiên cứu kỹ lưỡng, chuẩn bị chu đáo, tránh nóng vội nhằm tạo “sức sống” cho các văn bản pháp quy, hạn chế những thay đổi quá nhanh của hệ thống pháp luật, chính sách quản lý. Không nên lạm dụng nguyên tắc “sai thì sửa” khi ban hành các văn bản quy phạm pháp luật dẫn đến sự tùy tiện, dễ thay đổi, các văn bản pháp luật mới ban hành không giải quyết được triệt để các vấn đề thực tiễn, hoặc có nội dung không rõ ràng, gây nhiều cách hiểu khác nhau. Hiện tượng này tạo ra sự không lành mạnh, khách quan trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và sự thiếu tin tưởng vào luật pháp của đối tượng thuộc phạm vi điều chỉnh.

Mục tiêu cải cách, đơn giản hoá quy trình thủ tục hải quan là một phần trong chiến lược cải cách hành chính của Chính phủ. Các kết quả đạt được trong quá trình hiện đại hoá của ngành hải quan cũng chính là các kết quả của chương trình cải cách hành chính đó. Vì vậy, để thành công, bên cạnh những nỗ lực của nhà quản lý, các nhà chiến lược và bản thân từng cá nhân trong ngành hải quan, còn có vai trò rất quan trọng và không thể thiếu của Chính phủ.

Một mặt, cơ quan hải quan đang tiến hành cải cách các thủ tục hành chính nói chung theo quy trình một cửa với các thủ tục đơn giản, thuận lợi, nhưng cũng cần các cơ quan nhà nước khác có cơ chế cấp phép đơn giản hơn, giảm bớt các giấy phép con ... vì hoạt động của ngành hải quan có liên quan đến rất nhiều cơ quan nhà nước, trên nhiều lĩnh vực khác nhau các cơ quan Bộ chủ quản, cơ quan quản lý chuyên ngành, cơ quan thuế nội địa, Kho bạc Nhà nước, hệ thống các ngân hàng, các tổ chức tài chính... Nếu chỉ có cơ quan hải quan tiến hành cải cách thủ tục hành chính, mà không có sự phối hợp đồng bộ của các cơ quan khác thì không thể đạt hiệu quả cao cho toàn xã hội. Do vậy, Nhà nước, cụ thể là Chính phủ cần đóng vai trò điều hành, chỉ đạo và khuyến khích các cơ quan quản lý trong bộ máy nhà nước tiến hành cải cách thủ tục hành chính một cách thống nhất và đồng bộ.

Ngoài ra, cũng cần có một hệ thống cung cấp thông tin thông suốt về đối tượng tham gia XNK giữa các cơ quan Tổng cục Hải quan - Tổng cục Thuế - Kho bạc Nhà nước - Ngân hàng... Hiện nay, đã có quy chế phối hợp cung cấp thông tin giữa các đơn vị, nhưng chưa phát huy hết tác dụng vì việc cung cấp thông tin chủ yếu thực hiện bằng hình thức văn bản và không thường xuyên, tùy thuộc vào yêu cầu thực tế phát sinh. Nên chăng, cần xây dựng một hệ thống mạng liên ngành, cho phép tra cứu ngay các thông tin cần thiết về doanh nghiệp XNK để đánh giá nhanh, chính xác về rủi ro doanh nghiệp. Tất nhiên một số thông tin về doanh nghiệp sẽ chỉ được cung cấp dưới dạng thông tin mật khi có yêu cầu, nhưng các thông tin khác như tình trạng hoạt động kinh doanh, tình hình nộp thuế vào ngân sách nhà nước hay số dư tài khoản tiền gửi của doanh nghiệp. Nếu có thể tra cứu ngay trên mạng sẽ tiết kiệm thời gian và giảm bớt các thủ tục luân chuyển công văn, giấy tờ giữa các cơ quan này.

Triển khai thực hiện Chính phủ điện tử, phát triển thương mại điện tử, thực hiện hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO đối với các cơ quan nhà nước. Trước mắt, Nhà nước nên triển khai Chính phủ điện tử đối với một số Bộ ngành như Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và đầu tư, Bộ Thương mại, Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Bộ Công An, Bộ Khoa học Công nghệ, là những Bộ, ngành có liên quan mật thiết với ngành hải quan.

Nhanh chóng cải cách chính sách tiền lương đối với đội ngũ cán bộ công chức, đảm bảo thực chất tiền lương: lương phải đủ sống và phù hợp với từng công việc đặc thù. Bên cạnh việc cải cách chính sách tiền lương, nhà nước cũng cần xây dựng quỹ 115 dưỡng liêm hoặc cho phép ngành hải quan được thực hiện các khoản thu lệ phí hợp lý trong quá trình làm thủ tục hải quan để hỗ trợ cho cán bộ công chức hải quan một cách minh bạch, công khai, có chế độ đãi ngộ đối với những công lao, đóng góp của cán bộ công chức nhằm ngăn ngừa tham nhũng và tiêu cực.

Đầu tư các trang thiết bị, phục vụ cho việc kiểm tra kiểm soát, hiện đại hóa ngành hải quan như máy soi container, tàu thuyền phục vụ cho việc phòng chống buôn lậu, các phương tiện thông tin liên lạc hiện đại v.v...

Cải tổ hệ thống thuế nội địa, đảm bảo thu đúng, thu đủ cho ngân sách, chống thất thu để thay thế nguồn thu thuế XNK ngày càng giảm dần do ảnh hưởng của quá trình hội nhập.

Thay đổi chính sách quản lý điều hành XNK theo hướng đơn giản hóa, minh bạch hóa để mọi người dễ thực hiện, nên quản lý theo mặt hàng cấm, không nên quản lý theo mặt hàng cho phép, tạo điều kiện cho các bộ ngành gây phiền hà cho DN.

3.3.2. Đối với ngành Hải quan

Phối hợp với các bộ, ngành để chuẩn hóa các mặt hàng theo danh mục HS tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp thực hiện và thuận lợi trong quản lý của ngành hải quan (đưa vào hệ thống xử lý dữ liệu thông quan điện tử để thực hiện việc phân luồng tự động).

Hoàn thiện các văn bản hướng dẫn về thuế XNK, thuế VAT, thuế tiêu thụ đặc biệt và các loại thuế khác theo hướng kích thích các doanh nghiệp đầu tư sản xuất, kinh doanh.

Tổ chức triển khai thực hiện trao đổi dữ liệu trong toàn ngành Tài chính giữa các cơ quan thành viên như Tổng cục thuế, Tổng cục Hải quan, Kho bạc, ngân hàng, làm nền tảng cho các Bộ ngành khác kết nối vào hệ thống. Trước mắt, triển khai ngay việc nối mạng giữa kho bạc, ngân hàng và cơ quan hải quan để khắc phục tình trạng cưỡng chế nhậm, quản lý việc thu nộp ngân sách, thanh toán của doanh nghiệp qua hệ thống kho bạc và ngân hàng.

Nghiên cứu, đề xuất với Nhà nước thay đổi chính sách thuế để bảo đảm nguồn thu cho ngân sách. Tiến hành cải tổ hệ thống thuế nội địa, đảm bảo thu đúng, thu đủ, không lạm thu, tận thu. Có chính sách chi tiêu hợp lý tránh lãng phí trong việc sử dụng nguồn ngân sách Nhà nước.

Dự trù ngân sách và chi ngân sách cho việc thực hiện các dự án phát triển thương mại điện tử, cải cách hành chính, cải cách tiền lương, mua sắm máy móc thiết bị phục vụ cho công tác quản lý. dự án hiện đại hóa ngành hải quan, ngành Thuế, kho bạc Nhà nước và Ngân hàng. Thay đổi cơ chế quản lý chi tiêu mua sắm trang thiết bị cho đơn vị cơ sở, phân cấp theo hạn mức (không ôm đồm quá nhiều),

tạo điều kiện cho đơn vị chủ động trong việc trang bị cơ sở vật chất phục vụ cho công tác.

3.3.3. Đối với các doanh nghiệp

Khi mới bắt đầu triển khai quy trình thủ tục hải quan điện tử, rất nhiều văn bản pháp luật có liên quan phải sửa đổi, bổ sung mới cho phù hợp với yêu cầu. Các doanh nghiệp tham gia hoạt động XNK cần phải nắm bắt kịp thời các văn bản này để chủ động, không bị ngỡ ngàng khi khai báo và làm thủ tục hải quan. Hiện nay, trên website chính thức của Tổng cục Hải quan và của Cục Hải quan Tp Hải Phòng luôn cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật mới nhất về thủ tục HQĐT, chính sách thuế XNK, cơ chế điều hành hoạt động XNK... để doanh nghiệp tiện tra cứu và theo dõi.

Với các doanh nghiệp nắm bắt và hiểu rõ quyền lợi, trách nhiệm của họ khi khai báo thủ tục hải quan, cơ quan hải quan sẽ không phải mất nhiều thời gian để hướng dẫn thủ tục, giải đáp các vướng mắc phát sinh, tránh sự hiểu lầm giữa hai bên.

Khi đăng ký thủ tục hải quan, các doanh nghiệp tuân thủ sẽ có lợi ích tài chính thực tế nhờ thông quan hiệu quả và nhanh chóng do cơ quan hải quan đã chuyển từ kiểm soát từng giao dịch, từng lô hàng cụ thể sang môi trường hoạt động QLRR và phân tích. Tuy không phải là hình thức khuyến khích tài chính trực tiếp cho doanh nghiệp như giảm thuế, miễn thuế hay thường XK, nhưng nó khuyến khích doanh nghiệp thông qua các chi phí gián tiếp như tiết kiệm chi phí thủ tục và hậu cần, nhất là các chi phí bất hợp lý có thể phát sinh do thời gian thông quan bị kéo dài. Mức tiết kiệm này không phải là nhỏ, nhất là ở các nước đang phát triển như Việt Nam.

Theo khảo sát gần đây về chi phí tuân thủ quy định hải quan tại Croatia- đất nước đang bước đầu thực hiện quản lý sự tuân thủ cho thấy tổng chi phí phát sinh khi làm thủ tục hải quan của doanh nghiệp có thể chiếm 0,6% GDP, tương đương với 30% tổng nguồn thu của hải quan, cao gấp 2 lần so với mức chi phí tại các quốc gia phát triển, nơi đã áp dụng quản lý tuân thủ thay thế hoàn toàn phương pháp kiểm soát hải quan truyền thống.

Ngoài ra, giảm thời gian thông quan hàng hoá khiến doanh nghiệp có thể chủ động thực hiện kinh doanh “kịp thời”, tức là họ chỉ cần lưu kho một lượng hàng vừa

đủ cho kinh doanh vào mọi thời điểm, chứ không cần phải tốn chi phí để lưu trữ hàng tồn kho, tồn đọng vốn, gây tổn phí và làm giảm lợi nhuận của doanh nghiệp. Vì vậy, doanh nghiệp tuân thủ tốt sẽ có cơ hội quay vòng vốn nhanh, thu lợi nhuận cao hơn do chi phí giảm.

Với những lợi ích như vậy, các doanh nghiệp cần phải nắm vững và hiểu rõ và áp dụng các quy định của luật pháp một cách cẩn trọng, khai báo chi tiết các thông tin, dữ liệu về hàng hoá XNK theo yêu cầu của cơ quan hải quan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin cung cấp.

Tích cực thực hiện thủ tục hải quan điện tử, tham gia hệ thống một cửa quốc gia.

KẾT LUẬN

Triển khai ứng dụng hải quan điện tử trong thông quan hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu luôn được coi là nhiệm vụ hàng đầu trong chiến lược cải cách hiện đại hóa ngành hải quan. Việc áp dụng CNTT trong ngành Hải quan được thực hiện toàn diện, đem lại hiệu quả về nhiều mặt. Đối với công tác quản lý, CNTT giúp xây dựng cơ sở dữ liệu khoa học, an toàn phục vụ công tác quản lý, ra quyết định của người lãnh đạo. Nhờ ứng dụng CNTT trong các khâu quản lý mà ngành cũng đảm bảo tính liên chính và chuyên nghiệp cao, xây dựng được quy chế dân chủ cơ sở bền vững, tạo sức mạnh về nội lực. Đối với doanh nghiệp và các tổ chức xã hội và người dân, ngành đã ứng dụng tốt CNTT để xây dựng các kênh thông tin tuyên truyền (báo chí, website, cổng thông tin điện tử tư vấn trực tuyến...), thực hiện chức năng cầu nối giữa cơ quan quản lý với người sử dụng; xây dựng và áp dụng hệ thống thông quan tiên tiến, giảm giấy tờ, chi phí, thời gian, giảm phiền hà cho doanh nghiệp; triển khai cơ chế một cửa, hình thành mối quan hệ tương tác hai chiều giữa doanh nghiệp với cơ quan qua các dịch vụ hành chính công.

Từ những kết quả nghiên cứu đề tài tác giả đã hệ thống hoá những vấn đề lý luận, cơ sở pháp lý của HQĐT, làm rõ những khác biệt về thủ tục hải quan theo phương thức thủ công và HQĐT, nghiên cứu kinh nghiệm thực hiện HQĐT của một số nước. Luận văn đã đề xuất định hướng và biện pháp tăng cường thực hiện HQĐT trong thông quan hàng hóa tại Cục Hải quan TP. Hải Phòng dựa trên quan điểm của Đảng và nhà nước để nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về hải quan trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế.

Do điều kiện và thời gian nghiên cứu hạn hẹp cũng như những hạn chế nhất định về khách quan lẫn chủ quan, luận văn khó tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Vì vậy, tác giả mong muốn nhận được nhiều ý kiến đóng góp chân thành của các nhà khoa học, nhà nghiên cứu, quý Thầy, Cô giáo và các bạn đồng nghiệp, với hy vọng có thể đóng góp được một số biện pháp nhằm tăng cường ứng dụng HQĐT trong thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu tại Cục Hải quan TP. Hải Phòng. Qua đó góp phần đảm bảo quá trình hoạt động xuất nhập khẩu, có thể phục vụ ngày càng tốt hơn đối với cộng đồng doanh nghiệp và góp phần vào sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quốc hội (2001): Luật Hải quan, NXB Chính trị quốc gia năm 2001
2. Quốc hội (2006): Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan, NXB Chính trị quốc gia năm 2001
3. Chính phủ (2011): Quyết định số 448/QĐ-TTg ngày 25/03/2011 về việc phê duyệt Chiến lược phát triển hải quan đến năm 2020.
4. Chính phủ (2011): Quyết định số 48/2011/QĐ-TTg ngày 31/08/2011 về việc thí điểm thực hiện Cơ chế hải quan một cửa.
5. Thông tư liên tịch số 84/2013/TTLT-BTC-BCT-BGTVT ngày 26/6/2013 hướng dẫn thực hiện Quyết định số 48/2011/QĐ-TTg ngày 31/8/2011 của Chính phủ về việc thí điểm thực hiện Cơ chế hải quan một cửa
6. Chính phủ (2005): Quyết định số 149/2005/QĐ-TTg ngày 20/6/2005 về việc thực hiện thí điểm hải quan điện tử
7. Chính phủ (2013): Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16/5/2013 về thương mại điện tử
8. Chính phủ (2012): Nghị định số 87/2012/NĐ-CP ngày 23/10/2012 quy định chi tiết một số điều của Luật Hải quan về thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thương mại.
9. Quốc hội (2014): Luật Hải quan Số 54/2014/QH13 ngày 23/6/2014
10. Chính phủ (2015), *Nghị định 08/2015/NĐ-CP Quy định chi tiết về biện pháp thi hành Luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan.*
11. Bộ Tài Chính (2011): Kế hoạch cải cách, phát triển và hiện đại hóa ngành Hải Quan giai đoạn 2011-2015
12. Bộ Tài Chính (2011): Thông tư 196/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 quy định thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thương mại
13. Tổng cục Hải quan (2009): Quyết định 1171/QĐ-TCHQ ngày 15/06/2009 về việc ban hành quy trình thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thương mại.
14. Tổng cục Hải quan (2014): Quyết định số 988/QĐ-TCHQ ngày 28/3/2014

quy trình thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thương mại.

15. Cục Hải quan Hải Phòng (2015), Báo cáo tổng kết công tác năm 2015 và phương hướng, nhiệm vụ công tác năm 2016

16. Cục Hải quan Hải Phòng (2011), Kế hoạch cải cách Cục HQHP giai đoạn 2011-2015

17. Tổ chức Hải quan thế giới (1999), Công ước quốc tế về hài hòa hóa và đơn giản hóa thủ tục hải quan (KYOTO)

18. Nguyễn Công Bình (chủ nhiệm đề tài - 2005): *“Nghiên cứu xây dựng mô hình hệ thống công nghệ thông tin thực hiện thủ tục HQĐT”*

19. Nguyễn Thanh Long (2006): *“Thực hiện thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại Cục Hải quan thành phố Hồ Chí Minh thực trạng và giải pháp”*, Luận văn Thạc sĩ kinh tế

20. Võ Quang Đông (2014): *“Thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất nhập khẩu tại Cục Hải quan thành phố Hà Nội – thực trạng và giải pháp”*, Luận văn thạc sĩ luật học.

21. Nguyễn Tường Linh (2005): *“Quản lý rủi ro trong lĩnh vực Hải quan”*, Luận văn thạc sĩ.

22. Lê Huy Thành (2016): *“Một số biện pháp hoàn thiện quản lý rủi ro trong thực hiện thủ tục hải quan điện tử tại Cục hải quan Hải Phòng”*, Luận văn thạc sĩ quản lý kinh tế.

23. Website Bộ Tài chính, www.mof.gov.vn

24. Website Tổng cục Hải quan, www.customs.gov.vn

25. Website Thành phố Hải Phòng, www.haiphong.gov.vn

26. Website báo hải quan, www.baohaiquan.vn